

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH

ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI, GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

Thực hiện quy định tại Điều 127 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030;

Sau khi xem xét nội dung đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 713/TTr-STNMT ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Văn bản số 432/STNMT-MT ngày 14 tháng 01 năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2025 - 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Triển khai Kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh, hạn chế, giảm thiểu nguy cơ, sự cố môi trường do chất thải gây ra.

- Đảm bảo sự chỉ đạo tập trung, thống nhất trong quản lý nhà nước về ứng phó khắc phục sự cố chất thải; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, ứng phó, khắc phục hậu quả kịp thời; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng các cấp trong việc huy động, sử dụng các nguồn lực ứng phó, khắc phục hậu quả khi xảy ra sự cố chất thải.

- Vận dụng, thực hiện tốt phương châm “Bốn tại chỗ”, bao gồm: Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ nhằm chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả nhanh. Xây dựng hệ thống tổ chức đủ năng lực ứng phó, khắc phục hậu quả, giảm thiểu thấp nhất thiệt hại về con người, kinh tế, xã hội và môi trường.

- Tăng cường trao đổi, hợp tác quốc tế về cảnh báo sớm, phòng ngừa, phối hợp xử lý và khắc phục hậu quả các sự cố chất thải xuyên biên giới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường năng lực giám sát nguy cơ sự cố chất thải tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, các khu xử lý chất thải, các cơ sở chăn nuôi và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ ngoài khu, cụm công nghiệp.

- Chủ động nghiên cứu, đánh giá, xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải phù hợp với từng địa bàn; tổ chức huấn luyện, diễn tập định kỳ, sẵn sàng lực

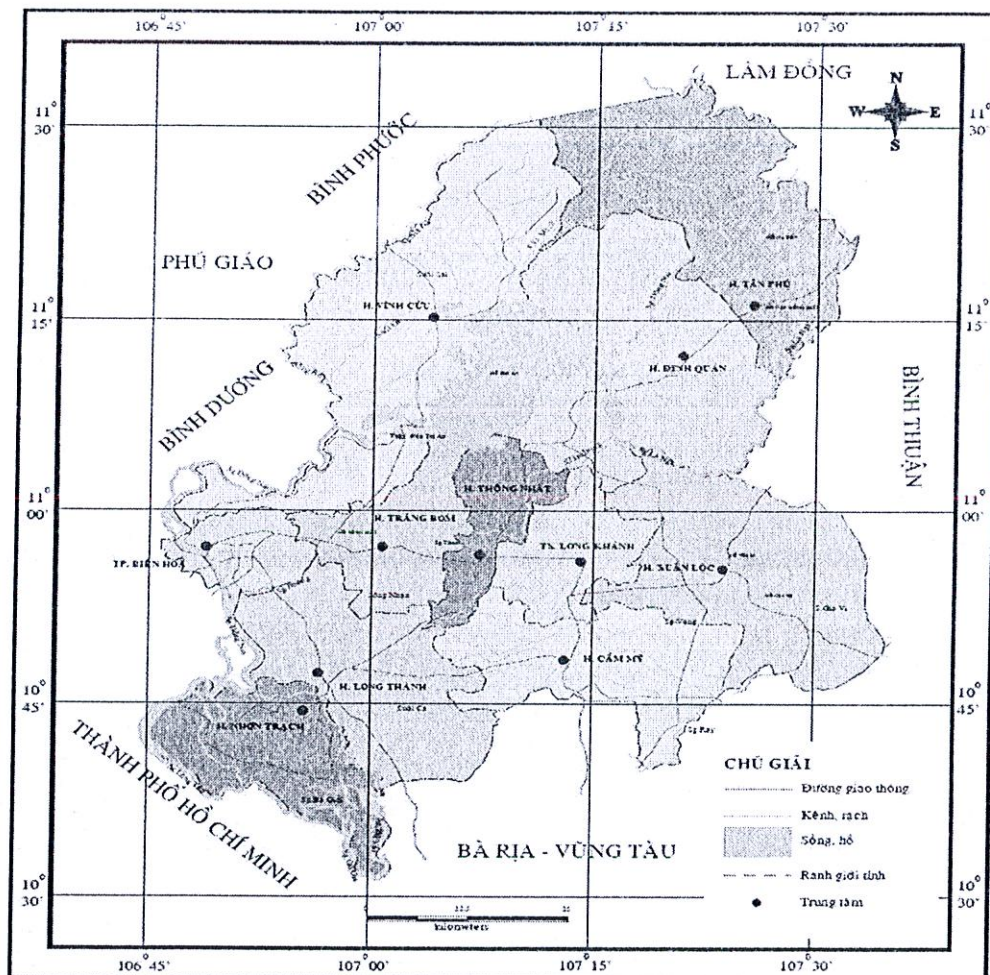
lượng, phương tiện ứng phó kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện, vật tư chuyên dụng để nâng cao năng lực ứng phó, khắc phục hậu quả.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình có liên quan đến chất thải

a) Vị trí địa lý

Đồng Nai là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, có tọa độ địa lý: từ $10^{\circ}30'03''$ đến $11^{\circ}34'57''$ vĩ độ Bắc và từ $106^{\circ}45'30''$ đến $107^{\circ}35'00''$ kinh độ Đông; tổng diện tích tự nhiên là $5.863,62\text{km}^2$, thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính, trong đó gồm 02 thành phố (Biên Hòa và Long Khánh) và 09 huyện (Tân Phú, Vĩnh Cửu, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành, Xuân Lộc, Nhơn Trạch). Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận; Phía Đông Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng; Phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và Bình Phước; Phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Phía Tây Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh.



Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai

b) Đặc điểm địa hình

Tỉnh Đồng Nai có địa hình vùng đồng bằng và bình nguyên với những núi sót rải rác, có xu hướng thấp dần theo hướng Bắc Nam. Có thể phân biệt các dạng địa hình chính như sau:

- Địa hình đồng bằng: Gồm 02 dạng chính:

+ Các bậc thềm sông có độ cao từ 05m đến 10m hoặc có nơi chỉ cao từ 02m đến 05m dọc theo các sông và tạo thành từng dải hẹp có chiều rộng thay đổi từ vài chục mét đến vài km. Đất trên địa hình này chủ yếu là các aluvi hiện đại.

+ Địa hình trũng trên trầm tích đầm lầy biển: Là những vùng đất trũng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với độ cao dao động từ 0,3m đến 02m, có chỗ thấp hơn mực nước biển, thường xuyên ngập triều, mạng lưới sông rạch chằng chịt, có rừng ngập mặn bao phủ. Vật liệu không đồng nhất, có nhiều sét và vật chất hữu cơ lắng đọng.

- Địa hình đồi lượn sóng: Bao gồm các đồi bazan, bề mặt địa hình rất phẳng, thoải, độ cao thay đổi từ 20m đến 200m. Loại địa hình này chiếm diện tích rất lớn so với các dạng địa hình khác bao trùm hầu hết các khối bazan, phù sa cổ. Đất phân bố trên địa hình này gồm nhóm đất đỏ vàng và đất xám.

- Địa hình núi thấp: Bao gồm các núi sót rải rác và là phần cuối cùng của dãy Trường Sơn với độ cao thay đổi từ 200 ÷ 800m. Địa hình này phân bố chủ yếu ở phía Bắc của tỉnh thuộc ranh giới giữa huyện Tân Phú với tỉnh Lâm Đồng và một vài núi sót ở huyện Định Quán, huyện Xuân Lộc. Tất cả các núi này đều có độ cao 20 ÷ 300m, đá gốc lộ thiên thành cụm với các đá chủ yếu là granit, đá phiến sét.

c) Thời tiết, khí hậu

Tỉnh Đồng Nai có khí hậu nhiệt đới gió mùa phân thành hai mùa rõ rệt, là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Trong mùa khô, hướng gió chủ yếu trong nửa đầu mùa là Bắc - Đông Bắc, nửa cuối mùa chuyển sang hướng Đông - Đông Nam. Trong mùa mưa, gió chủ yếu là gió mùa Tây Nam thịnh hành từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 8.

Tỉnh Đồng Nai nằm trong khu vực vừa chịu ảnh hưởng của hoàn lưu tín phong đặc trưng cho đới nội chí tuyến, lại vừa chịu sự chi phối ưu thế của hoàn lưu gió mùa khu vực Đông Nam bộ. Tốc độ gió bình quân biến đổi trong khoảng từ 1,5m/s đến 3,0m/s, có xu thế tăng dần khi ra biển và giảm dần khi vào sâu trong đất liền. Tốc độ gió lớn nhất có thể đạt đến 20m/s đến 25m/s, xuất hiện trong bão và xoáy lốc. Hàng năm, nhìn chung gió mạnh thường xuất hiện vào mùa khô, từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau và yếu hơn vào mùa mưa, từ tháng 6 đến tháng 10. Tuy nhiên, do địa hình chi phối cũng có các trường hợp ngoại lệ.

Đồng Nai nằm ở vùng vĩ độ thấp, nhận được nguồn năng lượng bức xạ mặt trời khá dồi dào. Đó là nhân tố quan trọng quy định chế độ nhiệt quanh năm luôn ở mức cao. Nhưng vai trò của gió mùa, với sự phát triển mạnh mẽ về quy mô đã góp phần làm sai lệch các biến trình nhiệt độ hàng năm của mỗi vùng và còn gây biến động đáng kể về đặc trưng mùa khí hậu. Nhiệt độ trung bình năm 25°C đến 27°C, nhiệt độ cao cực trị khoảng 40°C và thấp cực trị 12,5°C với số giờ nắng trong năm từ 2.500 giờ đến 2.700 giờ, độ ẩm trung bình luôn cao từ 80% đến 82%.

d) Đặc điểm thủy văn

Lưu vực sông Đồng Nai là hệ thống sông lớn đứng thứ 03 của Việt Nam sau lưu vực sông Cửu Long và lưu vực sông Hồng - Thái Bình. Lưu vực hệ thống sông Đồng Nai chảy qua 11 tỉnh, gồm: Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tây Ninh, Lâm Đồng, Đắk Nông, Ninh Thuận và Bình Thuận với chiều dài 586 km và có diện tích tự nhiên khoảng 40.680km², trong đó có 10% thuộc lãnh thổ Campuchia.

Hệ thống sông Đồng Nai gồm dòng chính Đồng Nai và 04 phụ lưu lớn là sông La Ngà ở phía bờ trái, sông Bé, sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ ở phía bờ phải. Tổng lượng dòng chảy trung bình năm của lưu vực sông Đồng Nai khoảng 37 tỷ m³ nước, cụ thể:

- Các dòng chính sông Đồng Nai bao gồm:

+ Dòng chính sông Đồng Nai bắt nguồn từ vùng núi cao của cao nguyên Lang Biang thuộc dãy Trường Sơn Nam, với độ cao khoảng 2.000 m gồm hai nhánh ở thượng nguồn là Đa Dung và Đa Nhím. Hướng chảy chính của sông theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, đi qua các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh và Long An.

+ Nhánh Đa Nhím bắt nguồn từ dãy núi Lang Biang ở phía Bắc thành phố Đà Lạt với đỉnh cao 2.287 m chảy qua phía Đông thành phố Đà Lạt và đi sát thượng nguồn các sông ven biển với chiều dài 141 km, diện tích lưu vực 2.010 km².

+ Phần trung lưu của lưu vực được tính từ hợp lưu của hai nhánh Đa Nhím và Đa Dung đến thác Trị An. Từ sau hợp lưu này, dòng chính sông Đồng Nai chảy vòng cung ôm lấy cao nguyên Di Linh - Bảo Lộc, ngang qua Vườn quốc gia Cát Tiên. Lòng sông hẹp, nhiều đoạn hai bên bờ vách đứng và độ dốc lòng sông lớn (trung bình 0,0031) có tiềm năng phát triển thủy điện. Chiều dài phần trung lưu khoảng 190 km và diện tích lưu vực tính đến thác Trị An là 14.800km². Chi lưu chính nằm ở bờ trái là sông La Ngà. Đoạn chảy qua tỉnh Đồng Nai có chiều dài khoảng 90 km.

+ Phần hạ lưu tính từ sau thác Trị An ra đến cửa Soài Rạp với chiều dài 150 km chảy qua vùng đồng bằng, lòng sông rộng, sâu, độ dốc nhỏ và ảnh hưởng mạnh của thủy triều biển Đông. Đoạn chảy qua tỉnh Đồng Nai có chiều dài khoảng 120 km. Các chi lưu chính nằm ở bên bờ phải có sông Bé, sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ.

- Sông La Ngà: Bắt nguồn từ vùng núi cao Di Linh - Bảo Lộc với độ cao từ 1.300 - 1.600 m, chảy theo phía tây tỉnh Bình Thuận rồi nhập vào dòng chính sông Đồng Nai tại cầu La Ngà, cách thác Trị An 38 km. Chiều dài của sông tính theo nhánh Đa Riam là 290 km. Tổng diện tích lưu vực đến cửa sông 4.100 km². Độ dốc lòng sông đoạn thượng nguồn đến Tà Pao là 0,0117 và đến cửa là 0,005. Thượng nguồn sông gồm hai nhánh là Đa Riam và Đa R'gna chảy qua vùng núi hạ thấp theo hướng Đông Nam của cao nguyên Di Linh - Bảo Lộc với cao độ 800 - 900 m. Phần trung lưu chiều rộng bị co hẹp, địa hình bị chia cắt nhiều bởi các khe suối, cao độ biến đổi từ 700 - 120 m, lòng sông dốc có nhiều ghềnh thác thuận lợi cho phát triển thủy điện. Phần hạ lưu tính từ Tà Pao chảy qua vùng đồng bằng rộng lớn thuộc các huyện Tánh Linh, huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận và huyện Tân Phú, huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai với cao độ từ 100-

120m, độ dốc lòng sông trung bình 0,004 có nhiều đoạn uốn khúc và đất nằm hai bên bờ thường bị ngập trong mùa lũ. Đây là sông chung chảy qua 03 tỉnh tính từ thượng nguồn là tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đồng Nai. Đoạn chảy qua tỉnh Đồng Nai có diện tích lưu vực 1.032,75 km² và chiều dài khoảng 60 km.

- Sông Bé: Là chi lưu lớn nhất của sông Đồng Nai, bắt nguồn từ vùng núi phía tây của vùng Nam Tây nguyên ở độ cao 600 - 800m với 03 nhánh lớn là Dak R'Lap, Dak Glun và Dak Guyot. Sông chảy qua tỉnh Đắk Nông, tỉnh Bình Phước và tỉnh Bình Dương rồi nhập vào sông Đồng Nai tại hạ lưu thác Trị An 6km với chiều dài 350km và diện tích lưu vực 7.650 km². Đoạn chảy qua tỉnh Đồng Nai có diện tích lưu vực 537,46 km² và chiều dài khoảng 30 km.

- Các lưu vực sông thuộc tỉnh Đồng Nai

+ Sông Lá Buông: Được hình thành từ 03 nhánh suối chính là suối Gia Dách, suối Sáu và suối Ngọn bắt nguồn từ các vùng đồi thuộc thành phố Long Khánh và huyện Cẩm Mỹ. Trước khi hợp nhau tại vị trí cách thượng lưu cầu Lá Buông 2 (trên đường Tỉnh lộ 763 đi từ khu công nghiệp Bàu Xéo huyện Trảng Bom đến sông Lá Buông đi quốc lộ 51) không xa, các sông nhánh này chảy qua vùng đồi. Dòng chính sông Lá Buông khá rộng, sâu, hai bên bờ phần lớn là tre và bụi rậm. Từ điểm hợp lưu này trở lên được xem như là phần thượng lưu sông. Mật độ sông suối ở vùng này khá dày. Sau khi hợp nhau sông chảy qua vùng tương đối bằng phẳng và đổ vào dòng chính sông Đồng Nai tại điểm hạ lưu cầu Đồng Nai (trên quốc lộ 1A) khoảng 10 km. Phần trung lưu sông được tính từ hợp lưu 03 nhánh suối xuống đến thượng nguồn cầu Sông Buông trên quốc lộ 51. Phần hạ lưu sông được tính từ sau cầu Sông Buông ra cửa sông. Sông Lá Buông có hướng chảy từ Đông sang Tây. Độ dài sông tính theo nhánh dài nhất (suối Gia Dách) khoảng 53 km. Đặc điểm chung của sông Lá Buông là sông ngoằn ngoèo trên toàn lưu vực. Các nhánh sông ở phía thượng lưu có lòng sông nhỏ, hẹp và sâu, đặc biệt là đoạn trung lưu. Các nhánh sông ở phía hạ lưu có độ dốc khá nhỏ và chịu tác động của chế độ triều ở hạ lưu Đồng Nai cũng như chế độ dòng chảy của sông này. Tổng diện tích lưu vực sông là 473,86 km². Mật độ lưới sông 01 km/km². Độ dốc lưu vực 0,002.

+ Sông Ray: Bắt nguồn từ xã Hàng Gòn thành phố Long Khánh tỉnh Đồng Nai chảy qua huyện Xuyên Mộc (Bà Rịa - Vũng Tàu) rồi đổ ra biển Đông tại cửa Bà Đáp giữa 02 huyện Xuyên Mộc và huyện Long Đất với chiều dài 101 km và diện tích lưu vực 1.250 km²; riêng phần chảy qua tỉnh Đồng Nai có diện tích lưu vực 545,07 km². Đây là con sông có nguồn nước khá dồi dào. Trên dòng chính, hồ Sông Ray đã được khởi công xây dựng trong năm 2005 để phục vụ cấp nước phát triển kinh tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sông Ray bao gồm nhiều nhánh sông suối lớn nhỏ chảy vào, nhưng phân bố không đều trên lưu vực. Phía bờ hữu và một phần hạ lưu bờ tả kể từ sau hợp lưu suối Giàu có nhiều sông suối và phân bố khá đều. Đoạn trung lưu phía bờ tả có rất ít các suối và thường nhỏ. Các nhánh chính ở phần thượng lưu gồm suối Gia Liêu, suối Mor Cuom, suối Cát, suối Gia Man. Ở phần trung lưu có các nhánh suối Gia Nách, suối Vọng, suối Sách, suối Lúc, suối Lê, suối Tân Ba, suối Giàu, suối Bà Lúa, suối Trong.

- Hệ thống suối Cả - sông Thị Vải

+ Suối Cả, suối Le, sông Thị Vải tạo thành hệ thống sông riêng biệt nằm bên bờ trái sông Đồng Nai và cũng đổ ra cửa tại vịnh Gành Rái. Phần thượng lưu gồm có suối Cả và suối Le bắt nguồn từ vùng đồi của huyện Long Thành chảy vuông góc với Quốc lộ 51 rồi đổ vào sông Thị Vải. Suối Cả có chiều dài 41km và diện tích lưu vực 185 km². Suối Le có chiều dài 19 km và diện tích lưu vực 85 km². Sông Thị Vải được kể từ phần hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều với chiều dài 29 km. Tổng diện tích lưu vực sông Thị Vải thuộc địa bàn tỉnh Đồng Nai là 436,75 km².

+ Sông Dinh (Gia Ui): Sông Dinh (phía thượng nguồn gọi là Gia Ui) bắt nguồn từ vùng núi Chứa Chan huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, cao độ 837 m, chảy qua một phần của huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai và huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu rồi qua huyện Hàm Tân tỉnh Bình Thuận và đổ ra biển tại cửa La Gi, có diện tích lưu vực 862 km², chiều dài 59 km; riêng phần chảy qua tỉnh Đồng Nai có diện tích lưu vực 208,04 km².

+ Sông Rạch Đông - Sông Thao - Suối Rết: Là một nhánh nhỏ ở bên trái sông Đồng Nai, bắt nguồn từ huyện Thống Nhất chảy qua huyện Trảng Bom rồi đổ vào sông Đồng Nai tại xã Thiện Tân huyện Vĩnh Cửu. Sông có diện tích lưu vực 284,24 km².

+ Suối Nước Trong: Là một nhánh nhỏ nằm bên trái hạ lưu sông Đồng Nai, bắt nguồn từ vùng đồi núi giáp ranh giữa huyện Cẩm Mỹ và huyện Long Thành rồi đổ về hạ lưu sông Đồng Nai tại khu vực giáp ranh giữa huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch. Sông có diện tích lưu vực khoảng 232,55 km².

+ Các suối nhỏ thuộc khu vực thành Phố Biên Hòa: đây là những nhánh suối nhỏ thuộc khu vực thành phố Biên Hòa. Các nhánh suối nhỏ chảy trực tiếp vào dòng chính sông Đồng Nai gồm suối Linh, suối Săn Máu, suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Tân Mai,... Tổng diện tích các sông suối nhỏ này khoảng 190,59 km².



đ) Hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh

- Hệ thống giao thông đường bộ: Quốc lộ qua địa bàn tỉnh Đồng Nai có 04 tuyến với tổng chiều dài là 233 km, trong đó QL1 là 102,5 km, QL20 là 75,1km, QL51 là 37,4 km và QL56 là 18 km. Cao tốc qua địa bàn tỉnh Đồng Nai có 03 tuyến với tổng chiều dài là 122,2 km, trong đó Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây là 42,4 km; Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây là 51,3 km (đang trong giai đoạn hoàn thiện các hạng mục) và Cao tốc Bến Lức - Long Thành

là 28,7 km (đang trong quá trình thi công). Đường tỉnh hiện có 24 tuyến với tổng chiều dài 494 km và 227 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 1.331,3 km.

- Hệ thống giao thông đường sắt: Tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh (tuyến đường sắt Thống Nhất) đi qua địa bàn tỉnh có chiều dài 89,172 km, chạy qua 05 huyện, thành phố thuộc tỉnh Đồng Nai: thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom, huyện Thống Nhất, thành phố Long Khánh, huyện Xuân Lộc.

- Hệ thống giao thông tuyến đường thủy nội địa: Tuyến giao thông đường thủy trên sông Đồng Nai có chiều dài 72 km, giáp ranh giữa tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai còn có 15 tuyến sông thuộc danh mục đường thủy nội địa địa phương với tổng chiều dài trên 154 km.

- Ngoài ra, sân bay quốc tế Long Thành hiện đang trong quá trình xây dựng, đây sẽ là sân bay lớn nhất Việt Nam trong tương lai góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế trong vùng cũng như giao thương với cả nước đồng thời có vai trò gắn kết vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên.

2. Tính chất, quy mô, đặc điểm của các cơ sở hoạt động trên địa bàn tỉnh

Kế thừa kết quả điều tra báo cáo chuyên đề “Thực trạng và giải pháp phòng ngừa kiểm soát các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” (nhiệm vụ Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện trong năm 2023), trong đó ghi nhận trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có khoảng 565 cơ sở đang hoạt động phân bố trong 16/17 loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (trong tổng số 2.639 cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh) quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, chỉ trừ loại hình Khai thác dầu thô, khí đốt tự nhiên, lọc hoá dầu) không có cơ sở hoạt động trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

STT	Loại hình sản xuất	Số lượng cơ sở
1	Sản xuất thủy tinh (trừ loại hình sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO)	02
2	Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên liệu)	01
3	Sản xuất bột giấy, sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế hoặc từ sinh khối	03
4	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	09
5	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	37
6	Sản xuất da (có công đoạn thuộc da); thuộc da	02
7	Nhiệt điện than	01
8	Tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) và chất thải nguy hại (CTNH)	12

STT	Loại hình sản xuất	Số lượng cơ sở
	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	09
9	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	11
10	Sản xuất pin, ắc quy	07
11	Sản xuất xi măng	02
12	Chế biến mũ cao su	02
13	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	06
	Sản xuất bia, nước giải khát có gas	02
	Sản xuất cồn công nghiệp	01
14	Sản xuất đường từ mía	02
15	Chế biến thủy, hải sản	02
	Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	18
	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	363
16	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	73
	Tổng cộng	565

a) Đối với nước thải

Trong tổng số 565 cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh, có 546 cơ sở thống kê được thông tin phát sinh nước thải; căn cứ tại Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, có thể phân mức lưu lượng xả nước thải của 16 loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh thành 03 mức độ, cụ thể như sau:

Stt	Loại hình sản xuất	Số lượng cơ sở theo mức phát thải (nước thải)			Số lượng cơ sở
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
1	Sản xuất thủy tinh (trừ loại hình sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO)	-	-	2	2
2	Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên liệu)	-	-	1	1
3	Sản xuất bột giấy, sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế hoặc từ sinh khối	-	-	2	2
4	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	-	-	8	8
5	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	22	5	9	36
6	Sản xuất da (có công đoạn thuộc da); thuộc da	1	-	1	2

Stt	Loại hình sản xuất	Số lượng cơ sở theo mức phát thải (nước thải)			Số lượng cơ sở
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
7	Nhiệt điện than	1	-	-	1
8	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH; tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	1	3	15	19
9	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	1	2	8	11
10	Sản xuất pin, ắc quy	2	1	4	7
11	Sản xuất xi măng	-	-	2	2
12	Chế biến mủ cao su	1	1	-	2
13	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt; sản xuất bia, nước giải khát có gas; sản xuất cồn công nghiệp	3	3	3	9
14	Sản xuất đường từ mía	-	1	1	2
15	Chế biến thủy, hải sản; giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp; chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	2	3	364	369
16	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	3	5	65	73
	Tổng cộng	37	24	485	546

Ngoài ra, xét về lưu lượng xả thải cũng như thành phần các chất ô nhiễm có trong nước thải, các Nhà máy xử lý nước thải tập trung (NM XLNTTT) của các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) có lưu lượng xả thải lớn nhất.

Về tình hình hoạt động của các KCN, hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 33 KCN được thành lập, về cơ bản, tất cả các KCN đang hoạt động đều đã xây dựng NM XLNTTT, đảm bảo việc tiếp nhận, xử lý nước thải cho các doanh nghiệp trong KCN, cụ thể:

- 31/33 KCN có dự án đi vào hoạt động, bao gồm các KCN: Amata, Loteco, Biên Hòa 1 (đầu nối nước thải về KCN Biên Hòa 2), Biên Hòa 2, Agtex Long Bình, Tam Phước, Hồ Nai, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Nhơn Trạch 3 (giai đoạn 1 và 2), Nhơn Trạch 5, Dệt may Nhơn Trạch, Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang, Nhơn Trạch 2 - Nhơn Phú và Nhơn Trạch 6, Ông Kèo, Long Thành, Long Đức, Lộc An - Bình Sơn, Gò Dầu, An Phước, Sông Mỹ, Bàu Xéo, Tân Phú, Định Quán, Giang Điền, Xuân Lộc, Suối Tre, Long Khánh, Dầu Giây, Thạnh Phú). 31/31 KCN đang hoạt động này đã xây dựng hoàn thành NM XLNTTT với tổng công suất thiết kế là 234.800 m³/ngày tổng vốn đầu tư khoảng 2.527 tỷ đồng, đảm bảo việc tiếp nhận, xử lý nước thải cho các doanh nghiệp.

- 02/33 KCN chưa hoạt động, bao gồm: KCN Công nghệ cao Long Thành và KCN Long Đức 3.

Về tình hình hoạt động của các CCN, hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 05 cụm công nghiệp đã được cấp quyết định thành lập CCN, đã được phê duyệt thủ tục đánh giá tác động môi trường, hoàn thành xây dựng hệ thống xử lý

nước thải tập trung và có hoặc đang thu hút nhà đầu tư thứ cấp trong CCN gồm: (1) CCN Vật liệu xây dựng Tân An tại xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu; (2) CCN Phú Cường tại xã Phú Cường, huyện Định Quán; (3) CCN Gốm sứ Tân Hạnh tại phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa; (4) CCN Phú Thạnh - Vĩnh Thanh tại xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch; (5) CCN Xuân Hưng tại xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc làm chủ đầu tư, đã hoàn thành các hạng mục hệ thống xử lý nước thải (chưa vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải) và hiện đang thu hút dự án thứ cấp; 15 CCN còn lại đang trong quá trình thực hiện các thủ tục đất đai, môi trường, xây dựng. Khi các CCN này đi vào hoạt động, lượng nước thải thải ra hằng ngày cũng gây tác động đến lưu vực tiếp nhận nước thải của các CCN.

• *Hiện trạng ứng phó sự cố chất thải lỏng của 546 cơ sở thuộc các loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh:*

- 155/546 cơ sở thực hiện đầu nổi nước thải sau khi xử lý sơ bộ vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN (chiếm 28%); trong đó có 41/155 cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi đầu nổi vào NM XLNTTT của KCN (chủ yếu các cơ sở lắp ráp, hàn gắn linh kiện điện, điện tử).

- 58/546 cơ sở thực hiện xả nước thải đã xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp (28 cơ sở) và QCVN 62-MT:2016/BTNMT về nước thải chăn nuôi (30 cơ sở) ra ngoài môi trường (chiếm 10%);

- 01/546 cơ sở tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH tái sử dụng hoàn toàn cho mục đích xử lý chất thải, xử lý khí thải lò đốt, hóa rắn chất thải, tưới ẩm luống ủ phân compost (chiếm 0,18%).

Các công trình xử lý nước thải của các cơ sở trên được xây dựng kiên cố (bê tông cốt thép) và thường xuyên được kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng; đồng thời, các cơ sở cũng thực hiện phương án ứng phó sự cố nước thải cụ thể như sau: Trường hợp xảy ra sự cố nhỏ, phát hiện các máy khuấy, máy bơm, máy thổi khí tại trạm xử lý nước thải bị hỏng, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời tại các bể xử lý của hệ thống và tiến hành khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế bằng các thiết bị, máy móc dự phòng; trường hợp, sự cố nghiêm trọng, các bể xử lý của trạm xử lý nước thải của cơ sở bị nứt, hỏng không thể khắc phục, sửa chữa trong thời gian ngắn sẽ dừng sản xuất và tiến hành hoạt động khắc phục sự cố.

- 332/546 cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp (chiếm 60,8%):

+ Các cơ sở chăn nuôi quy mô cấp tỉnh quản lý: Các cơ sở đang hoạt động đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo theo quy định và hầu hết các cơ sở đều không xả nước thải ra môi trường, nước thải sau xử lý được thu gom về hồ chứa lót bạt nhựa chống thấm, sau đó tái sử dụng để làm mát, vệ sinh chuồng trại.

+ Các cơ sở chăn nuôi quy mô cấp huyện quản lý: Đối với các cơ sở chăn nuôi heo thịt gia công cho các Công ty chăn nuôi, đã hoàn thành xây dựng hệ thống xử lý nước thải, nước thải sau xử lý được thu gom về hồ chứa lót bạt nhựa chống thấm, sau đó tái sử dụng để làm mát, vệ sinh chuồng trại.

Ngoài ra, các cơ sở có phát sinh nguồn thải lớn, cũng đã đang thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục nhằm cảnh báo kịp thời khi có sự cố xảy ra, cụ thể như sau:

- 10/37 cơ sở mức I đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục; 27/37 cơ sở mức I chưa lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục và đang thực hiện quan trắc định kỳ. Tuy nhiên, tất cả các cơ sở này đều thực hiện đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, không xả thải ra ngoài môi trường. Theo khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, các cơ sở này chưa cần lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục.

- 03/24 cơ sở mức II đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục; 21/24 cơ sở mức II đang thực hiện quan trắc định kỳ, trong đó có 08/21 cơ sở thực hiện xả nước thải đã xử lý ra môi trường và 13/21 cơ sở thực hiện đầu nối vào NM XLNTTT của KCN.

- Đối với các NM XLNTTT của KCN, hầu hết các cơ sở đều xây dựng hồ sự cố đối với nước thải, lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dẫn dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để được theo dõi, giám sát; ngoài ra, định kỳ hàng tháng Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN thực hiện thu, phân tích mẫu nước thải nhằm kiểm soát chặt chẽ nguồn nước thải phát sinh tại các KCN trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- *Các thủy vực chịu sức ép lớn từ hoạt động xả thải nước thải của 16 loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, bao gồm:*

- Các lưu vực tiếp nhận nước thải phát sinh từ các KCN trên địa bàn huyện Nhơn Trạch gồm: Rạch Bà Ký, Rạch Miếu, Rạch Lò Rèn, Rạch Cái Sinh đều dẫn về sông Thị Vải.

- Lưu vực tiếp nhận nước thải phát sinh từ các KCN trên địa bàn huyện Long Thành gồm: Rạch Bà Chèo, suối Nước Trong, suối Bưng Môn đều dẫn về sông Đồng Nai.

- Các lưu vực tiếp nhận nước thải phát sinh từ các KCN trên địa bàn thành phố Biên Hòa gồm: suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Nước Trong, suối Rạch Mọi, suối Bến Gỗ đều dẫn về sông Đồng Nai.

- Một số các sông suối tiếp nhận nước thải tại huyện Xuân Lộc chủ yếu gồm: suối Gõ, suối Gia Huynh, suối Đá, suối Mè đều chảy ra sông La Ngà. Ngoài ra, có một số ít cơ sở xả thải ra các suối chảy ra sông Dinh (sông Dinh chảy qua tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Thuận) hay các suối chảy ra sông Ray.

- Đối với huyện Cẩm Mỹ, đa phần các cơ sở tại địa bàn này xả nước thải sau xử lý ra các suối Xéch, suối Lúc đều chảy ra sông Ray.

b) Đối với khí thải

Trong tổng số 565 cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có 293 cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp, trong quá trình hoạt động của các cơ sở này thường không phát sinh khí thải, chủ yếu chỉ phát sinh một số loại khí nhà kính (CO_2 , CH_4) từ hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải gia súc, gia cầm.

272/565 cơ sở còn lại thống kê được thông tin xả thải, hiện có 98/272 cơ sở có phát sinh khí thải (chiếm 17% trên tổng số cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm), 174 cơ sở ghi nhận không phát sinh khí thải (chiếm 30,8%).

Căn cứ tại Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, có thể phân mức lưu lượng xả khí thải của 16 loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh thành 03 mức độ, cụ thể như sau:

Stt	Loại hình sản xuất	Số lượng cơ sở theo mức phát thải (khí thải)			Số lượng cơ sở
		Mức I	Mức II	Mức III	
1	Sản xuất thủy tinh (trừ loại hình sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO)	-	-	1	1
2	Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên liệu)	1	-	-	1
3	Sản xuất bột giấy, sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế hoặc từ sinh khối	-	-	1	1
4	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	-	-	6	6
5	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	3	4	15	22
6	Sản xuất da (có công đoạn thuộc da); thuộc da	-	-	2	2
7	Nhiệt điện than	2	-	-	2
8	Tái chế, xử lý CTRSH, CTCNTT, CTNH; Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	3	7	3	13
9	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	-	1	6	7
10	Sản xuất pin, ắc quy	-	-	7	7
11	Sản xuất xi măng	1	-	1	2
12	Chế biến mủ cao su	-	-	1	1
13	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt; Sản xuất bia, nước giải khát có gas; Sản xuất cồn công nghiệp	-	-	4	4
14	Sản xuất đường từ mía	-	1	-	1
15	Chế biến thủy, hải sản; Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp; Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	-	-	1	1
16	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	-	-	27	27
	Tổng cộng	10	13	75	98

• *Hiện trạng ứng phó sự cố chất thải khí của các cơ sở thuộc các loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh*

98/272 cơ sở có phát sinh khí thải trên địa bàn tỉnh, hiện nay đều có hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp lọc bụi túi vải, lọc bụi tĩnh điện, cyclone (đối với bụi) và các phương pháp hấp thụ, hấp phụ (đối với các loại khí, hơi hóa chất).

Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải là thường xuyên kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống, định kỳ tiến hành đo đạc giám sát chất lượng khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý. Trường hợp xảy ra sự cố, Cơ sở sẽ ngừng hoạt động các công đoạn sản xuất có liên quan cũng như hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để tiến hành kiểm tra, sửa chữa, đảm bảo được khí thải đầu ra luôn được kiểm soát đạt giới hạn nguồn tiếp nhận.

Ngoài ra, theo thống kê, trong 98 cơ sở có nguy cơ gây nhiễm môi trường phát sinh khí thải, có 10/98 cơ sở có lưu lượng khí thải ở mức I và 13/98 cơ sở có lưu lượng khí thải ở mức II các cơ sở có phát sinh nguồn thải lớn, cũng đã đang thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục nhằm cảnh báo kịp thời khi có sự cố xảy ra, cụ thể như sau:

- 05/10 cơ sở mức I đã lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và 05/10 cơ sở ở mức I hiện đang hoàn thiện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định.

- 02/13 cơ sở mức II đã lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục để giám sát, theo dõi; 11/13 cơ sở ở mức II chưa lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục và đang thực hiện quan trắc định kỳ. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, các cơ sở này được lựa chọn giữa lắp đặt hệ thống quan trắc tự động hoặc quan trắc định kỳ theo quy định trong Giấy phép môi trường.

- 75/98 cơ sở còn lại có mức phát thải ở mức III thuộc mức phát thải thấp; tuy nhiên, hầu như lượng khí thải này phát sinh chủ yếu từ các công đoạn chụp hút bụi, bụi vải, hơi từ quá trình sản xuất. Cụ thể, khí có chứa bụi, hơi hóa chất từ quá trình sản xuất phát sinh sẽ được hút bởi các quạt hút dẫn qua túi lọc bụi hoặc tháp hấp phụ/hấp thụ để loại bỏ bụi và hơi hóa chất. Tất cả các cơ sở đều ghi nhận thông tin đã lắp đặt túi lọc hoặc tháp hấp phụ/hấp thụ sau các quạt hút nên thành phần ô nhiễm trong khí thải đầu ra rất thấp.

• *Các địa phương chịu sức ép lớn từ hoạt động xả thải khí thải của các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xếp theo thứ tự là:*

- Huyện Nhơn Trạch (chiếm 57% tổng lưu lượng khí thải phát sinh) chủ yếu do các cơ sở Nhiệt điện than (chiếm 32% tổng lưu lượng khí thải trên địa bàn), Sản xuất pin, ắc quy (chiếm 34% tổng lưu lượng khí thải trên địa bàn) và Sản xuất vải, sợi, dệt may (chiếm 17% tổng lưu lượng khí thải trên địa bàn);

- Huyện Long Thành (chiếm 23% tổng lưu lượng khí thải phát sinh) chủ yếu do các loại hình Tái chế, xử lý chất thải (chiếm 36% tổng lưu lượng khí thải trên địa bàn) và Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt (chiếm 27% tổng lưu lượng khí thải trên địa bàn);

- Thành phố Biên Hòa (chiếm 10% tổng lưu lượng khí thải phát sinh) chủ yếu do loại hình Sản xuất linh kiện điện tử (chiếm 57% tổng lưu lượng khí thải trên địa bàn).

c) Đối với chất thải rắn

Hầu hết các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đều có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (*ngành tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, do các loại chất thải rắn phát sinh được thu gom và xử lý tại chỗ (khu xử lý chất thải) nên được xem là không phát sinh chất thải rắn*).

- Các loại hình phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) với khối lượng lớn bao gồm: Chế biến thủy, hải sản; giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp; chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp (chiếm 28% tổng lượng CTRCNTT phát sinh từ 17 loại hình); nhiệt điện than (chiếm 23%); sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi) (chiếm 19%). Các cơ sở này có tập trung tại huyện Nhơn Trạch và huyện Long Thành.

- Các loại hình phát sinh chất thải nguy hại (CTNH) với khối lượng lớn bao gồm: Sản xuất pin, ắc quy (chiếm 36%); mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất (chiếm 25%); sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử (chiếm 16% tổng lượng CTNH phát sinh từ 17 loại hình). Các cơ sở này tập trung tại huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa.

- Các loại hình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) với khối lượng lớn bao gồm: Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử (chiếm 41%); sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi) (chiếm 24%); chế biến thủy, hải sản; giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp; chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp (chiếm 10% tổng lượng CTRSH phát sinh từ 17 loại hình). Các cơ sở này tập trung tại huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành, huyện Xuân Lộc và thành phố Biên Hòa.

Ngoài các loại hình kể trên thì các cơ sở thuộc nhóm “Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH” tập trung nhiều chất thải rắn nhất để xử lý từ các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh, nên đây cũng là nguồn tập trung có nguy cơ cao phát sinh sự cố chất thải rắn. Hiện tại trên địa bàn tỉnh hiện có 11 dự án tại 07 Khu xử lý (KXL) đã và đang tiếp nhận, xử lý chất thải theo quy hoạch gồm:

(1) KXL chất thải Tây Hòa, huyện Trảng Bom: Dự án của Công ty Cổ phần Thương mại Tài Tiến);

(2) KXL chất thải Túc Trưng, huyện Định Quán: Dự án của Công ty Cổ phần Năng lượng Môi trường Đồng Nai);

(3) KXL chất thải Quang Trung, huyện Thống Nhất gồm: dự án của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi và dự án của Công ty TNHH Quốc Đại Thành;

(4) KXL chất thải Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ: Dự án của Công ty TNHH Thương mại Thiên Phước;

(5) KXL chất thải Bàu Cạn, huyện Long Thành gồm: dự án của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phúc Thiên Long và dự án của Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên;

(6) KXL Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc: dự án của Công ty TNHH Cù Lao Xanh;

(7) KXL Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu gồm 03 dự án: dự án của Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, dự án của Công ty TNHH Môi trường Thiên Thanh và dự án của Công ty TNHH Một thành viên Thanh Tùng 2.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn một số cơ sở xử lý CTNH nằm ngoài khu vực xử lý, bao gồm: Công ty TNHH Tân Phát Tài (xã Thiện Tân - huyện Vĩnh Cửu); Công ty TNHH Một thành viên Thanh Sinh (xã Thiện Tân - huyện Vĩnh Cửu); Công ty TNHH Daewon Chemical Vina (KCN Long Thành, huyện Long Thành) và Công ty TNHH Đại Lam Sơn (KCN Tam Phước, thành phố Biên Hoà).

Về công tác quản lý chất thải rắn tại các cơ sở: Hầu hết các cơ sở đều có bố trí khu vực lưu chứa CTR (CTRCNTT, CTNH, CTRSH) hợp vệ sinh. Tất cả các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện ký kết hợp đồng và chuyển giao chất thải với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nhằm xử lý các loại chất thải nói trên.

➤ *Đánh giá chung công tác bảo vệ môi trường, phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải của các cơ sở trên địa bàn tỉnh*

Kế thừa kết quả điều tra báo cáo chuyên đề “Thực trạng và giải pháp phòng ngừa kiểm soát các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” (nhiệm vụ Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện trong năm 2023) và trên cơ sở điều tra, khảo sát nhiệm vụ “Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2024 - 2030” (nhiệm vụ Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện trong năm 2024) cho thấy, các cơ sở báo đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chất thải, tuy nhiên nội dung báo cáo chưa đúng theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 (Đề cương, bố cục, nội dung của kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở) ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030.

BẢN ĐỒ DỰ KIẾN CÁC KHU VỰC CÓ NGUY CƠ CAO VỀ SỰ CỐ CHẤT THẢI



3. Thực trạng lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố chất thải của tỉnh

a) Lực lượng, phương tiện chuyên trách

Trên địa bàn tỉnh chưa có lực lượng chuyên trách về ứng phó sự cố, chỉ có lực lượng thu gom, xử lý và cứu chữa bệnh nhân khi có sự cố xảy ra, cụ thể:

- Công ty Môi trường và Đô thị.
- Công ty cổ phần cấp thoát nước.
- Các Bệnh viện, Trung tâm Y tế dự phòng của tỉnh.

b) Lực lượng, phương tiện kiêm nhiệm

- Lực lượng

Do không có lực lượng chuyên trách phòng ngừa sự cố chất thải độc lập nên các lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải đều là lực lượng kiêm nhiệm, gồm: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh); Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Công Thương; Sở Y tế; Sở Giao thông vận tải; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý các KCN Đồng Nai; 11 Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện/thành phố trực thuộc tỉnh.

- Phương tiện, trang thiết bị

+ UBND tỉnh huy động các trang thiết bị ứng phó sự cố chất thải của các đơn vị: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, gồm: xe tải, xe ca, xe cứu thương, xe chuyên dụng, xe cứu hộ đa năng, quần áo phòng da, phòng độc, mặt nạ phòng độc, găng tay bảo hộ chống nhiễm hóa chất...

+ Ngoài ra có thể huy động các trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác ứng phó sự cố chất thải của các KCN, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Lực lượng, phương tiện tăng cường, phối hợp

Trên cơ sở thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Lãnh đạo Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia) huy động lực lượng, phương tiện của các cơ quan chức năng trên theo khả năng thực tế để triển khai lực lượng, phương tiện ứng phó phù hợp với từng loại hình sự cố, cụ thể gồm:

- Trung tâm ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam.
- Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Nam (Binh chủng Hóa học).
- Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Việt Nam (SOS) và các cơ quan, đơn vị liên quan.
- Các cơ quan, đơn vị quân đội đóng trên địa bàn tỉnh trong đó Quân khu 7 là lực lượng nòng cốt.

4. Dự kiến các khu vực nguy cơ cao

a) Khu vực có nguy cơ gây tác động cấp độ I

- Chất thải rắn

- + Khu vực xã Tây Hoà, huyện Trảng Bom (KXL chất thải Tây Hòa);
- + Khu vực xã Quang Trung, huyện Thống Nhất (KXL chất thải Quang Trung);
- + Khu vực xã Bàu Cạn, huyện Long Thành (KXL chất thải Bàu Cạn);
- + Khu vực xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc (KXL chất thải Xuân Tâm);
- + Khu vực xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu (KXL chất thải Vĩnh Tân);
- + Khu vực xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu (Công ty TNHH Tân Phát Tài và Công ty TNHH MTV Thanh Sinh);

+ Khu vực KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành (Công ty TNHH Daewon Chemical Vina).

- Chất thải lỏng

+ Các sông, suối, rạch chảy vào lưu vực sông Thị Vải (tiếp nhận nước thải phát sinh từ các KCN trên địa bàn huyện Nhơn Trạch) bao gồm: rạch Bà Ký, rạch Miếu, rạch Lò Rèn, rạch Cái Sinh;

+ Các sông, suối, rạch chảy vào lưu vực sông Đồng Nai (tiếp nhận nước thải phát sinh từ các KCN trên địa bàn huyện Long Thành) bao gồm: Rạch Bà Chèo, suối Nước Trong, suối Bưng Môn;

+ Các sông, suối, rạch chảy vào lưu vực sông Đồng Nai (tiếp nhận nước thải phát sinh từ các KCN trên địa bàn thành phố Biên Hòa) bao gồm: suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Nước Trong, suối Rạch Mọi, suối Bến Gõ.

- Chất thải khí

+ Khu vực huyện Long Thành: KCN Long Đức Công ty TNHH Sản xuất Toàn cầu Lixil Việt Nam), KCN Long Thành (Công ty TNHH Global Dyeing); xã Phước Thái (Công ty CPHH Vedan Việt Nam);

+ Khu vực huyện Nhơn Trạch: KCN Nhơn Trạch 3 - Giai đoạn 1 (Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa); KCN Nhơn Trạch 6 (Công ty Dae Young Textile Việt Nam); KCN Dệt may Nhơn Trạch (Công ty TNHH Jungwoo Vina);

+ Khu vực xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom (Công ty TNHH thép An Khánh - Chi nhánh Đồng Nai);

+ KXL chất thải Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu (Công ty Cổ phần Môi trường Thiên Thanh);

+ KXL chất thải Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc (Công ty TNHH Cù Lao Xanh).

b) Khu vực có nguy cơ gây tác động cấp độ II

- Chất thải rắn

+ Khu vực xã Túc Trung, huyện Định Quán (KXL chất thải Túc Trung);

+ Khu vực xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ (KXL chất thải Xuân Mỹ).

- Chất thải lỏng

Các sông, suối, rạch chảy vào lưu vực sông La Ngà (tiếp nhận nước thải phát sinh từ các trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện Xuân Lộc), bao gồm: suối Gõ, suối Gia Huynh, suối Đá, suối Mè.

- Chất thải khí

+ Khu vực KCN Biên Hòa 2, thành phố Biên Hòa (Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa (sản xuất đường mía));

+ Khu vực huyện Nhơn Trạch: KCN Nhơn Trạch 2 (Công ty TNHH Tôn Phương Nam, Công ty TNHH MTV Concord Textile); KCN Nhơn Trạch 3 - giai đoạn 1 (Công ty TNHH Promax Textile - Cơ sở 3);

+ Khu vực KCN Long Thành, huyện Long Thành (Công ty TNHH Samil Vina);

+ KXL chất thải Túc Trung, huyện Định Quán (Công ty Cổ Phần Năng Lượng Đồng Nai);

+ KXL chất thải Quang Trung, huyện Thống Nhất (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi và Công ty TNHH Quốc Đại Thành);

+ KXL chất thải Bàu Cạn, huyện Long Thành (Công ty TNHH TMDV Phúc Thiên Long và Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên);

+ KXL Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu (Công ty TNHH MTV Thanh Tùng 2);

+ KXL chất thải Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ (Công ty TNHH Thương Mại - Môi trường Thiên Phước).

c) Khu vực có nguy cơ gây tác động cấp độ III

- Chất thải rắn

Các dự án, cơ sở có phát sinh chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (ngoài các dự án, cơ sở có nguy cơ gây tác động đối với chất thải rắn ở cấp độ I và cấp độ II).

- Chất thải lỏng

+ Các sông, suối, rạch chảy vào lưu vực sông Dinh hay các suối chảy vào lưu vực sông Ray (tiếp nhận nước thải phát sinh từ các trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện Xuân Lộc).

+ Các sông, suối, rạch chảy vào lưu vực sông Ray, bao gồm: suối Xéch, suối Lức (tiếp nhận nước thải phát sinh từ các trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ).

- Chất thải khí

Khu vực trong phạm vi bán kính chịu ảnh hưởng của các dự án, cơ sở có phát sinh khí thải (ngoài các dự án, cơ sở có nguy cơ gây tác động đối với khí thải ở cấp độ I và cấp độ II).

III. TỔ CHỨC, LỰC LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN ỨNG PHÓ

1. Tư tưởng chỉ đạo: “Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả”.

2. Nguyên tắc ứng phó

- Tích cực phòng ngừa, chủ động xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các nguồn lực, các phương án hiệp đồng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố chất thải.

- Tổ chức tiếp nhận, xử lý kịp thời thông tin sự cố chất thải, ưu tiên bảo đảm thông tin cho hoạt động ứng phó, báo cáo kịp thời đến cơ quan có thẩm quyền khi vượt khả năng ứng phó.

- Ứng phó sự cố chất thải được thực hiện theo phương châm “bốn tại chỗ” và “ba sẵn sàng” quy định tại pháp luật phòng, chống thiên tai; phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả hoạt động chuẩn bị và ứng phó sự cố.

- Chỉ huy thống nhất, phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó sự cố chất thải.

- Sự cố chất thải xảy ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên (bao gồm cả khu vực đất liền và khu vực sông suối) thuộc trách nhiệm ứng phó của UBND cấp huyện; sự cố chất thải xảy ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên (bao gồm cả khu vực đất liền và khu vực sông suối) thuộc trách nhiệm ứng phó của UBND cấp tỉnh.

- Tổ chức, cá nhân gây sự cố chất thải chịu trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức ứng phó sự cố, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác do sự cố gây ra theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả

a) Biện pháp phòng ngừa

- Xây dựng và kiện toàn lực lượng chuyên trách, lực lượng kiêm nhiệm, tăng cường hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm về dự báo, cảnh báo, ứng phó, khắc phục sự cố chất thải.

- Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư để nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó cho các lực lượng của địa phương.

- Nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo, thông báo, báo động sự cố tại địa phương, tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các KCN, chế xuất, cụm công nghiệp, nhà máy,... vi phạm quy định về quản lý, xử lý chất thải.

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, hiệp đồng giữa các lực lượng trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố chất thải.

b) Biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá tình hình sự cố

+ Khi nhận được thông tin sự cố chất thải trên địa bàn, Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) hoặc chủ cơ sở báo cáo sự cố cho cơ quan cấp trên và kịp thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đến các cấp, các ngành và cộng đồng.

+ Tăng cường chế độ ứng trực, chủ động nắm chắc tình hình, đánh giá, kết luận, xác định phương án ứng phó kịp thời, hiệu quả.

+ Đánh giá sơ bộ về phạm vi, đối tượng và mức độ tác động đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và sinh vật.

- Thiết lập Sở Chỉ huy ứng phó

+ Sở chỉ huy cơ bản

Địa điểm: Trụ sở Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh).

Thành phần, gồm: Lãnh đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh); Chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Lãnh đạo các sở: Công an, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và truyền thông; Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

Nhiệm vụ: Chỉ huy, chỉ đạo các lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục sự cố chất thải kịp thời, hiệu quả, tổng hợp, báo cáo kết quả về Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia) để theo dõi và chỉ đạo.

+ Sở Chỉ huy tại hiện trường:

Địa điểm: Nơi xảy ra sự cố.

Thành phần: Lãnh đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh); Chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Lãnh đạo các sở: Công an tỉnh, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và truyền thông; Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, Chủ tịch UBND cấp huyện nơi xảy ra sự cố.

Nhiệm vụ: Đánh giá, kết luận tình hình, xác định phương án ứng phó, khắc phục hậu quả; tổ chức ứng phó sự cố kịp thời, hiệu quả, tổng hợp, báo cáo kết quả về Sở chỉ huy cơ bản để theo dõi và chỉ đạo.

- Biện pháp ứng phó

+ Xác định và đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trên địa bàn; các kịch bản ứng phó với từng loại sự cố có thể xảy ra gây nguy hại cho con người, môi trường trên địa bàn xảy ra sự cố.

+ Tổ chức sơ tán tài sản, phương tiện và nhân dân: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) chỉ đạo lực lượng tại chỗ của tỉnh (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, các cơ quan chức năng của tỉnh,...) phối hợp với chính quyền địa phương và nhân dân nơi xảy ra sự cố nhanh chóng sơ tán người, phương tiện và tài sản ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, phong tỏa hiện trường, kịp thời thông tin, định hướng dư luận.

+ Ngăn chặn nguồn chất thải ra môi trường, cụ thể:

Sự cố chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại): Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) chỉ đạo lực lượng, phương tiện tại chỗ để khống chế, hạn chế chất thải phát tán ra ngoài môi trường, kịp thời triển khai đắp bờ, đào rãnh ngăn, bể chứa,.. không cho chất thải phát tán ra ngoài môi trường.

Sự cố chất thải lỏng (bùn thải, nước thải): Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) chỉ đạo lực lượng, phương tiện tại chỗ kết hợp với nhân lực tổ chức triển khai kịp thời triển khai bịt lấp các khu vực bị vỡ bằng các vật liệu tại chỗ (bao đất, bao cát hoặc vật liệu sẵn có tại hiện trường), đắp bờ, đào rãnh ngăn, bể chứa... sử dụng hệ thống bơm để hút toàn bộ nước thải thu về bể chứa, hồ chứa tạm,... để hạn chế, dừng phát tán chất thải ra môi trường.

Sự cố chất thải khí (khí thải): Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) chỉ đạo lực lượng chuyên trách sử dụng công nghệ như: Hấp thụ bằng các vật liệu hấp thụ tương ứng, phù hợp như dung dịch kiềm, nước; hấp thụ bằng các vật liệu hấp thụ như than hoạt tính, geolit,...; xử lý khí thải bằng công nghệ UV để xử lý các loại khí độc (Hydrogen sulfide, Mercaptans, Sulfide, Amoniac) hoặc xử lý khí thải bằng công nghệ Plasma nhằm giảm nồng độ bụi trong không khí, loại bỏ khí độc hại,...; ngăn chặn, dừng phát tán chất thải ra môi trường.

- Khắc phục hậu quả

+ Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, chủ cơ sở và chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố đánh giá mức độ ảnh hưởng, xác định biện pháp và tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường, bảo đảm sức khỏe, đời sống an sinh cho người dân, an toàn vệ sinh cho cộng đồng và môi trường khu vực sự cố.

+ Tổ chức lực lượng, phương tiện thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải đúng quy định.

+ Phục hồi môi trường sau sự cố: Quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường, tổng hợp báo cáo và đưa thông tin cho nhân dân biết trở lại trạng thái bình thường.

4. Tổ chức sử dụng lực lượng

Khi nhận được thông tin về sự cố chất thải, UBND tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ của tỉnh gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành của tỉnh, lực lượng theo hiệp đồng của tỉnh và lực lượng được huy động, tăng cường (nếu có) cơ động đến hiện trường xảy ra sự cố để tham gia ứng phó. Lực lượng tham gia ứng phó được tổ chức thành các bộ phận sau:

a) Lực lượng quan sát, giám sát, tiếp nhận thông tin và cảnh báo, thông báo, báo động

Khi phát hiện có dấu hiệu của sự cố chất thải hoặc sự cố chất thải xảy ra, cơ sở dễ xảy ra sự cố có trách nhiệm báo cáo cấp trên và các cơ quan chức năng. Các cơ quan chức năng tiếp nhận thông tin về sự cố chất thải gồm: Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh); Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Công thương; Sở Giao thông vận tải; Sở Y tế; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Ban Quản lý các Khu công nghiệp (trường hợp sự cố chất thải xảy ra trong KCN); UBND huyện nơi xảy ra sự cố.

Trong đó Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) là cơ quan chủ trì về tiếp nhận thông tin. Các cơ quan chức năng khác khi tiếp nhận thông tin về sự cố chất thải phải báo về Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) để tham mưu cho UBND tỉnh quyết định phương án ứng phó sự cố có hiệu quả.

b) Lực lượng chốt chặn, tuần tra bảo vệ hiện trường

Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo cơ sở gây ra sự cố chất thải quyết liệt ngăn chặn chất thải tràn ra môi trường, đồng thời chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải tổ chức tuần tra, bảo vệ an ninh, an toàn tại hiện trường xảy ra sự cố, không cho người dân và các phương tiện ra vào khu vực xảy ra sự cố.

c) Lực lượng tuyên truyền

Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo cơ sở có sự cố chất thải phối hợp với cơ quan chức năng của tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố tổ chức tuyên truyền cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong khu vực xảy ra sự cố, ổn định tinh thần, có trách nhiệm tham gia ứng phó, khắc phục sự cố, đảm bảo tuyệt đối an ninh, an toàn về người, phương tiện trong khu vực xảy ra sự cố.

d) Lực lượng sơ tán phương tiện và nhân dân

Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố và các lực lượng khác nhanh chóng sơ tán nhân dân và phương tiện ra khỏi khu vực xảy ra sự cố.

đ) Lực lượng tăng cường

Trường hợp sự cố chất thải xảy ra vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Lãnh đạo Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia) huy động lực lượng, phương tiện của trên và các tỉnh lân cận cùng tham gia ứng phó.

e) Lực lượng ứng phó sự cố chất thải

- Đối với chất thải rắn: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo lực lượng ứng phó sự cố của tỉnh sử dụng phương tiện kết hợp với nhân lực triển khai đắp bờ, đào rãnh... để hạn chế không cho đất, đá thải, chất thải phát tán ra ngoài môi trường; chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho các đơn vị trực thuộc đóng các công trình thủy lợi của các khu vực bị ảnh hưởng; thông báo cho các hộ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản (trên sông, trong các ao, hồ...) trong khu vực bị ảnh hưởng để có biện pháp ứng phó, khắc phục.

- Đối với chất thải lỏng: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo lực lượng ứng phó sự cố của tỉnh và lực lượng chuyên trách (Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam do trên huy động) sử dụng phương tiện kết hợp với nhân lực tổ chức triển khai đắp bờ, đào rãnh ngăn, bể chứa..., bịt lấp thân đập bị vỡ bằng các vật liệu tại chỗ (bao đất, bao cát hoặc vật liệu sẵn có tại hiện trường...), sử dụng hệ thống bơm để hút toàn bộ chất thải lỏng thu về bể chứa, hồ chứa... để hạn chế, dùng phát tán chất thải ra môi trường.

- Đối với chất thải khí: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo lực lượng ứng phó sự cố của tỉnh và lực lượng chuyên trách (Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam do trên huy động) áp dụng các phương pháp sử dụng công nghệ, như: Hấp thụ bằng các vật liệu hấp thụ tương ứng phù hợp như dung dịch kiềm; hấp thụ bằng các vật liệu hấp thụ như than hoạt tính, zeolit...ngăn chặn, dùng phát tán chất thải ra môi trường.

g) Lực lượng thu gom chất thải

Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó của tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương huy động học sinh, sinh viên tình nguyện và nhân dân nơi xảy ra sự cố cùng các phương tiện tiến hành thu gom chất thải, nước thải, khí thải đưa về nơi tập kết để tiến hành xử lý theo quy định

(Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom chất thải và quy định nơi tập kết để xử lý theo quy định).

h) Lực lượng bảo đảm hậu cần, y tế

- Lực lượng đảm bảo hậu cần: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, chủ cơ sở gây ra sự cố và chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố bảo đảm hậu cần cho các lực lượng tham gia ứng phó và nhân dân trong khu vực xảy ra sự cố; các lực lượng tham gia ứng phó sự cố tự bảo đảm phương tiện cho lực lượng của đơn vị mình trong quá trình tham gia ứng phó.

- Lực lượng đảm bảo y tế: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Bệnh viện, Trung tâm Y tế trên địa bàn, lực lượng y tế của đơn vị tham gia ứng phó, thiết lập Bệnh viện dã chiến tại nơi xảy ra sự cố (nếu cần); cử cán bộ y tế cùng với cơ sở thuốc, vật tư, trang thiết bị cần thiết để sơ cứu, cấp cứu, điều trị cho nhân dân, lực lượng làm công tác ứng cứu tại hiện trường; vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

i) Lực lượng bảo đảm an ninh, an toàn giao thông

Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với lực lượng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an, Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan đảm bảo an ninh, an toàn và thiết lập hành lang an toàn giao thông khu vực xảy ra sự cố.

k) Lực lượng phòng cháy chữa cháy

Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy hiện trường chỉ đạo Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các lực lượng có liên quan thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy, quản lý các nguồn nhiệt, nguồn lửa kể cả các nguồn nhiệt, nguồn lửa của các thiết bị, phương tiện tham gia ứng phó, hướng dẫn kỹ thuật cho đội phòng cháy chữa cháy của các cơ sở tham gia phòng cháy chữa cháy.

IV. DỰ KIẾN TÌNH HUỐNG, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Sự cố chất thải rắn

a) Tình huống giả định

Xe tải thu gom chất thải rắn (chất thải nguy hại) của Công ty A sau khi thu gom bùn thải (dạng rắn và lỏng) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của các cơ sở trong KCN Amata với khối lượng khoảng 15 tấn vừa chạy chạy ra đường quốc lộ 1A (khu vực thành phố Biên Hòa) về KXL thì bị tai nạn, làm tràn đổ toàn bộ bùn thải xuống khu vực đông dân cư sinh sống trên đường Quốc lộ 51, gây ách tắc giao thông và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người dân. Sự cố vượt khả năng ứng phó của cơ sở. Chủ cơ sở thông tin đến UBND thành phố Biên Hòa và đề nghị UBND thành phố Biên Hòa tổ chức ứng phó sự cố.

b) Biện pháp xử lý

Sau khi tiếp nhận thông tin về sự cố, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh lệnh Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ của tỉnh, lực lượng hợp đồng của

tỉnh (nếu có), cơ động đến hiện trường xảy ra sự cố; các lực lượng tham gia ứng phó được tổ chức như sau:

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá, kết luận tình hình

Sau khi tiếp nhận thông tin từ Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND tỉnh lệnh cho UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo lực lượng tại chỗ quyết liệt ứng phó, ngăn chặn không cho chất thải tràn ra môi trường, đồng thời đánh giá kết luận tình hình, xác định khả năng diễn biến sự cố, tổ chức lực lượng bảo vệ hiện trường, triển khai các biện pháp quan sát, cảnh báo không cho người, phương tiện di chuyển vào khu vực xảy ra sự cố.

- Vận hành cơ chế

Nhận được thông tin từ Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức vận hành cơ chế họp Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), đồng thời thông báo cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia ứng phó.

- Thiết lập Sở chỉ huy tại hiện trường: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thành lập Sở chỉ huy tại hiện trường, thành phần gồm:

+ Chỉ huy trưởng: Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực về môi trường trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo điều hành và tổ chức ứng phó.

+ Phó Chỉ huy trưởng hiện trường: Do Chỉ huy trưởng chỉ định; giúp Chỉ huy trưởng trực tiếp chỉ huy, điều phối các lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải.

+ Các thành viên gồm: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Lãnh đạo các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Tổ chức ứng phó sự cố

Chỉ huy trưởng Sở Chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo các lực lượng tổ chức đồng thời thực hiện công tác ứng phó sự cố chất thải, cụ thể như sau:

+ *Lực lượng quan sát, giám sát, tiếp nhận thông tin và cảnh báo, thông báo, báo động*

Sau khi nhận được báo cáo của Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các Sở, ngành liên quan và đơn vị hợp đồng với tỉnh (nếu có) huy động lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố đến hiện trường xảy ra sự cố để tham gia ứng phó, đồng thời báo cáo Lãnh đạo Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia) và các bộ, ngành liên quan để theo dõi và chỉ đạo.

Các cơ quan, đơn vị nhận được ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức báo động đến toàn lực lượng, phương tiện cơ động đến hiện trường để tham gia ứng phó, khắc phục sự cố.

+ Lực lượng sơ tán phương tiện và người dân ra khỏi khu vực sự cố

Chỉ huy trưởng Chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng, phương tiện tại chỗ, gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, lực lượng hợp đồng của tỉnh (nếu có), lực lượng của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa và nhân dân tại địa bàn nhanh chóng sơ tán người, phương tiện, tài sản (nếu có) ra khỏi khu vực xảy ra sự cố.

+ Tổ chức ứng phó

Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo các lực lượng tổ chức đồng thời thực hiện công tác ứng phó sự cố chất thải, các lực lượng tham gia được tổ chức thành các bộ phận như sau:

Ngăn chặn nguồn phát ra nước thải: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó sử dụng phương tiện kết hợp với nhân lực tổ chức triển khai đắp bờ, đào rãnh ngăn, bể chứa..., bịt lấp thân hồ bị vỡ bằng các vật liệu tại chỗ (bao đất, bao cát hoặc vật liệu sẵn có tại hiện trường...) để ngăn chặn nguồn nước thải không cho lan rộng, phát tán ra môi trường, sử dụng hệ thống bơm để hút nước thải về các thiết bị lưu chứa.

Khoanh vùng sự cố chất thải: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó sử dụng phương tiện (máy xúc, máy ủi...) kết hợp với nhân lực đắp bờ, đào rãnh ngăn... để ngăn chặn, khống chế, khoanh vùng chất thải không để lan rộng ảnh hưởng đến môi trường;

Thu gom chất thải: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó sử dụng phương tiện (máy xúc, máy ủi...) kết hợp với nhân lực thu gom chất thải; sử dụng công nghệ ép khô đất thải, rác thải vận chuyển về nơi tập kết; sử dụng thiết bị bơm nước để thu hồi nước thải hoặc chuyển hướng di chuyển của nước thải về thiết bị lưu chứa.... không để lan rộng ảnh hưởng đến môi trường; đánh giá mức độ ô nhiễm và triển khai các biện pháp khắc phục ô nhiễm; làm sạch nguồn nước bằng chất oxy hóa khử như: Clo, Kali pemanganat, Clorat canxi, Bicromat kali, Dioxit clo, Hypochlorite canxi,... Tiến hành quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, đất khu vực kênh thủy lợi (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom chất thải và vận chuyển về nơi tập kết để xử lý theo quy định; tổ chức quan trắc đánh giá chất lượng môi trường làm cơ sở kết thúc sự cố).

+ Lực lượng bảo đảm an ninh, an toàn khu vực sự cố: Chỉ huy trưởng, Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với lực lượng tham gia ứng phó tổ chức tuần tra, bảo vệ an ninh, an toàn tại hiện trường xảy ra sự cố, không cho người dân và phương tiện ra vào khu vực hiện trường, bảo đảm an toàn hành lang giao thông khu vực xảy ra sự cố.

+ Lực lượng bảo đảm hậu cần, y tế

Bảo đảm hậu cần: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND

thành phố Biên Hòa, Công ty A bảo đảm hậu cần cho các lực lượng tham gia ứng phó; các lực lượng tham gia ứng phó sự cố tự bảo đảm phương tiện trong quá trình tham gia ứng phó.

Bảo đảm y tế: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bệnh viện đa khoa tỉnh, lực lượng y tế của các đơn vị tham gia ứng phó thiết lập Bệnh viện dã chiến (nếu cần); cử cán bộ, y bác sỹ, nhân viên cùng trang, thiết bị, vật tư y tế, cơ sở thuốc để sơ, cấp cứu, điều trị bệnh cho nhân dân và cán bộ, nhân viên làm công tác ứng cứu tại hiện trường, kịp thời, hiệu quả.

+ *Bộ phận khắc phục hậu quả, phục hồi môi trường:* Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó phối hợp với Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức khắc phục hậu quả và xử lý môi trường sau sự cố, không để ảnh hưởng sức khỏe nhân dân và môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường, Khoa học công nghệ đánh giá kết quả xử lý môi trường để làm căn cứ ra quyết định kết thúc công tác xử lý sự cố.

- Tổng hợp báo cáo theo quy định

2. Sự cố chất thải lỏng

a) Tình huống

Tại bể tiếp nhận nước thải của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN của Công ty B trên địa bàn huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai có thể tích lưu chứa $20.000\text{m}^3/\text{ngày}$, gặp sự cố bị vỡ bờ đập làm tràn nước thải ra môi trường, trữ lượng khoảng 30.000m^3 , gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến chất lượng nước phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt của 500 hộ dân sinh sống trên địa bàn. Sự cố xảy ra vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở. Chủ cơ sở đề nghị UBND tỉnh chủ trì, tổ chức ứng phó.

b) Biện pháp xử lý

Sau khi tiếp nhận thông tin về sự cố, Chủ tịch UBND huyện Long Thành báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh lệnh Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ của tỉnh, lực lượng hợp đồng của tỉnh (nếu có), cơ động đến hiện trường xảy ra sự cố; các lực lượng tham gia ứng phó được tổ chức như sau:

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá, kết luận tình hình

Sau khi tiếp nhận thông tin từ Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Chủ tịch UBND tỉnh lệnh cho UBND huyện Long Thành chỉ đạo lực lượng tại chỗ quyết liệt ứng phó, ngăn chặn không cho chất thải tràn ra môi trường, đồng thời đánh giá kết luận tình hình, xác định khả năng diễn biến sự cố, tổ chức lực lượng bảo vệ hiện trường, triển khai các biện pháp quan sát, cảnh báo không cho người, phương tiện di chuyển vào khu vực xảy ra sự cố.

- Vận hành cơ chế

Nhận được thông tin từ Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức vận hành cơ chế họp Ban Chỉ huy phòng, chống thiên

tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), đồng thời thông báo cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia ứng phó.

- **Thiết lập Sở chỉ huy tại hiện trường:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thành lập Sở chỉ huy tại hiện trường, thành phần gồm:

+ Chỉ huy trưởng: Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực về môi trường trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo điều hành và tổ chức ứng phó.

+ Phó Chỉ huy trưởng hiện trường: Do Chỉ huy trưởng chỉ định; giúp Chỉ huy trưởng trực tiếp chỉ huy, điều phối các lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải.

+ Các thành viên gồm: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Lãnh đạo các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành.

- Tổ chức ứng phó sự cố

Chỉ huy trưởng Sở Chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo các lực lượng tổ chức đồng thời thực hiện công tác ứng phó sự cố chất thải, cụ thể như sau:

+ *Lực lượng quan sát, giám sát, tiếp nhận thông tin và cảnh báo, thông báo, báo động*

Sau khi nhận được báo cáo của Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các Sở, ngành liên quan và đơn vị hợp đồng với tỉnh (nếu có) huy động lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố đến hiện trường xảy ra sự cố để tham gia ứng phó, đồng thời báo cáo Lãnh đạo Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia) huy động lực lượng, phương tiện của Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam (do trên huy động) cùng tham gia ứng phó và các bộ, ngành liên quan để theo dõi và chỉ đạo.

Các cơ quan, đơn vị nhận được ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức báo động đến toàn lực lượng, phương tiện cơ động đến hiện trường để tham gia ứng phó, khắc phục sự cố.

+ *Lực lượng sơ tán phương tiện và người dân ra khỏi khu vực sự cố*

Chỉ huy trưởng Chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo chỉ đạo lực lượng, phương tiện tại chỗ, gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, lực lượng hợp đồng của tỉnh (nếu có) phối hợp với lực lượng, phương tiện của, lực lượng của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành và nhân dân tại địa bàn nhanh chóng sơ tán người, phương tiện, tài sản (nếu có) ra khỏi khu vực xảy ra sự cố.

+ *Tổ chức ứng phó*: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo các lực lượng tổ chức đồng thời thực hiện công tác ứng phó sự cố chất thải, các lực lượng tham gia được tổ chức thành các bộ phận như sau:

Ngăn chặn nguồn phát ra nước thải: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó của tỉnh phối hợp với lực lượng, phương tiện của Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam (do trên huy động) sử dụng phương tiện kết hợp với nhân lực tổ chức triển khai đắp bờ, đào rãnh ngăn, bể chứa..., bịt lấp thân hồ bị vỡ bằng các vật liệu tại chỗ (bao đất, bao cát hoặc vật liệu sẵn có tại hiện trường...) để ngăn chặn nguồn nước thải không cho lan rộng, phát tán ra môi trường, sử dụng hệ thống bơm để hút nước thải về các hồ chứa nước thải, hồ sự cố tại khu vực hệ thống xử lý nước thải của Công ty.

Khoanh vùng sự cố chất thải: Chỉ huy trưởng, Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó của tỉnh phối hợp với lực lượng, phương tiện của Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam (do trên huy động) sử dụng phương tiện kết hợp với nhân lực tổ chức triển khai đắp bờ, đào rãnh ngăn, bể chứa..., bịt lấp thân hồ bị vỡ bằng các vật liệu tại chỗ (bao đất, bao cát hoặc vật liệu sẵn có tại hiện trường...) để ngăn chặn, khống chế, khoanh vùng nguồn chất thải không để lan rộng, phát tán ảnh hưởng đến môi trường, giới hạn phạm vi, đối tượng và mức độ tác động của nước thải.

Thu gom nước thải: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó của tỉnh phối hợp với lực lượng, phương tiện của Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam (do trên huy động) thu gom bùn thải tràn ra môi trường; sử dụng hệ thống bơm để hút toàn bộ chất thải lỏng bị ô nhiễm thu về bể chứa, hồ chứa... hoặc chuyển hướng di chuyển của nước thải về hồ chứa, rãnh ngăn, bể chứa... không để lan rộng ảnh hưởng đến môi trường; đánh giá mức độ ô nhiễm và triển khai các biện pháp khắc phục ô nhiễm; làm sạch nguồn nước bằng chất oxy hóa khử như: Clo, Kali pemanganat, Clorat canxi, Bicromat kali, Dioxit clo, Hypochlorite canxi,..., nước thải thu gom được sử dụng xe chuyên dụng vận chuyển về nơi tập kết theo quy định, không để lan rộng ảnh hưởng đến môi trường; Quan trắc đánh giá chất lượng môi trường nước mặt khu vực sự cố (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom nước thải và tổ chức vận chuyển về nơi tập kết để xử lý theo quy định).

+ *Lực lượng bảo đảm an ninh, an toàn khu vực sự cố*: Chỉ huy trưởng, Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với lực lượng tham gia ứng phó tổ chức tuần tra, bảo vệ an ninh, an toàn tại hiện trường xảy ra sự cố, không cho người dân và phương tiện ra vào khu vực hiện trường, bảo đảm an toàn hành lang giao thông khu vực xảy ra sự cố.

+ *Lực lượng bảo đảm hậu cần, y tế*

Bảo đảm hậu cần: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND huyện Long Thành, Công ty B bảo đảm hậu cần cho các lực lượng tham gia ứng

phó; các lực lượng tham gia ứng phó sự cố tự bảo đảm phương tiện trong quá trình tham gia ứng phó.

Bảo đảm y tế: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành, lực lượng y tế của các đơn vị tham gia ứng phó thiết lập Bệnh viện dã chiến tại Trung tâm huyện Long Thành (nếu cần); cử cán bộ, y bác sỹ, nhân viên cùng trang, thiết bị, vật tư y tế, cơ sở thuốc để sơ, cấp cứu, điều trị bệnh cho nhân dân và cán bộ, nhân viên làm công tác ứng cứu tại hiện trường, kịp thời, hiệu quả.

Bộ phận khắc phục hậu quả, phục hồi môi trường: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó phối hợp với Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức khắc phục hậu quả và xử lý môi trường sau sự cố, không để ảnh hưởng sức khỏe nhân dân và môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá kết quả xử lý môi trường để làm căn cứ ra quyết định kết thúc công tác xử lý sự cố.

- Tổng hợp báo cáo theo quy định

3. Sự cố chất thải khí

a) Tình huống giả định

Do quá trình sử dụng lâu ngày tại Nhà máy sản xuất axit photphoric và phân lân giàu triple superphosphate của Công ty C, thuộc KCN Nhơn Trạch 3 giai đoạn 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, do thiết bị xử lý khí thải của Nhà máy bị bục vỡ, làm khí thải mang theo khói độc có chứa khí độc như SO_2 , NO_x , CO , NH_3 , HF , SiF_4 , H_2SO_4 ..., phát tán ra ngoài môi trường, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới hơn 700 hộ dân sống xung quanh, sự cố xảy ra vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở. Chủ cơ sở đề nghị UBND tỉnh chủ trì, tổ chức ứng phó.

b) Biện pháp xử lý

Sau khi tiếp nhận thông tin về sự cố, Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh lệnh Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ của tỉnh, lực lượng hợp đồng của tỉnh (nếu có), cơ động đến hiện trường xảy ra sự cố; các lực lượng tham gia ứng phó được tổ chức như sau:

- Tiếp nhận thông tin, đánh giá, kết luận tình hình

Sau khi tiếp nhận thông tin từ Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch, Chủ tịch UBND tỉnh lệnh cho UBND huyện Nhơn Trạch chỉ đạo lực lượng tại chỗ quyết liệt ứng phó, ngăn chặn không cho chất thải tràn ra môi trường, đồng thời đánh giá kết luận tình hình, xác định khả năng diễn biến sự cố, tổ chức lực lượng bảo vệ hiện trường, triển khai các biện pháp quan sát, cảnh báo không cho người, phương tiện di chuyển vào khu vực xảy ra sự cố.

- Vận hành cơ chế

Nhận được thông tin từ Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức vận hành cơ chế hợp Ban Chỉ huy phòng, chống thiên

tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), đồng thời thông báo cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia ứng phó.

- **Thiết lập Sở chỉ huy tại hiện trường:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thành lập Sở chỉ huy tại hiện trường, thành phần gồm:

+ Chỉ huy trưởng: Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực về môi trường trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo điều hành và tổ chức ứng phó.

+ Phó Chỉ huy trưởng hiện trường: Do Chỉ huy trưởng chỉ định; giúp Chỉ huy trưởng trực tiếp chỉ huy, điều phối các lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải.

+ Các thành viên gồm: Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Lãnh đạo các sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giao thông Vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- **Tổ chức ứng phó sự cố**

Chỉ huy trưởng Sở Chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo các lực lượng tổ chức đồng thời thực hiện công tác ứng phó sự cố chất thải, cụ thể như sau:

+ *Lực lượng quan sát, giám sát, tiếp nhận thông tin và cảnh báo, thông báo, báo động*

Sau khi nhận được báo cáo của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các Sở, ngành liên quan và đơn vị hợp đồng với tỉnh (nếu có) huy động lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố đến hiện trường xảy ra sự cố để tham gia ứng phó, đồng thời báo cáo Lãnh đạo Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia) huy động lực lượng, phương tiện của Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam (do trên huy động) cùng tham gia ứng phó và các bộ, ngành liên quan để theo dõi và chỉ đạo.

Các cơ quan, đơn vị nhận được ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức báo động đến toàn lực lượng, phương tiện cơ động đến hiện trường để tham gia ứng phó, khắc phục sự cố.

+ *Lực lượng sơ tán phương tiện và người dân ra khỏi khu vực sự cố*

Chỉ huy trưởng Chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo chỉ đạo lực lượng, phương tiện tại chỗ, gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, lực lượng hợp đồng của tỉnh (nếu có) phối hợp với lực lượng, phương tiện của , lực lượng của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch và nhân dân tại địa bàn nhanh chóng sơ tán người, phương tiện, tài sản (nếu có) ra khỏi khu vực xảy ra sự cố.

+ *Tổ chức ứng phó*: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo các lực lượng tổ chức đồng thời thực hiện công tác ứng phó sự cố chất thải, các lực lượng tham gia được tổ chức thành các bộ phận như sau:

Ngăn chặn nguồn phát ra khí thải: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó của tỉnh phối hợp với lực lượng, phương tiện của Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam (do trên huy động) sử dụng phương tiện, vật tư bịt lấp, ngăn chặn nguồn khí thải ra môi trường, áp dụng các phương pháp sử dụng công nghệ, như: Hấp thụ bằng các vật liệu hấp thụ tương ứng phù hợp như: dung dịch kiềm, than hoạt tính, geolit..., để ngăn chặn nguồn khí thải không cho phát tán, lan rộng ra môi trường.

Khoanh vùng khí thải: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó của tỉnh phối hợp với lực lượng, phương tiện của Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam (do trên huy động) sử dụng phương tiện chuyên dụng kết hợp với nhân lực tổ chức khoanh vùng khí thải, triển khai xử lý khí thải bằng công nghệ UV để xử lý các loại khí độc (Hydrogen sulfide, Mercaptans, Sulfide, Amoniac) hoặc xử lý khí thải bằng công nghệ Plasma nhằm giảm nồng độ bụi trong không khí, loại bỏ khí độc hại trong khí thải...để ngăn chặn, khống chế, khoanh vùng nguồn khí thải không để lan rộng, phát tán rộng, ảnh hưởng đến môi trường.

Thu gom chất thải: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó của tỉnh phối hợp với lực lượng, phương tiện của Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam (do trên huy động) áp dụng các phương pháp sử dụng công nghệ, như: Hấp thụ bằng các vật liệu hấp thụ tương ứng phù hợp như dung dịch kiềm; hấp thụ bằng các vật liệu hấp thụ như than hoạt tính, geolit..., xử lý khí thải bằng công nghệ UV để xử lý các loại khí độc (Hydrogensulfide, Mercaptans, Sulfide, Amoniac...) hoặc xử lý khí thải bằng công nghệ Plasma nhằm giảm nồng độ bụi trong không khí, loại bỏ khí độc hại trong khí thải..., không để lan rộng ảnh hưởng đến môi trường và đời sống dân sinh, tiến hành quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường không khí khu vực xảy ra sự cố (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xử lý khí thải theo quy định, quan trắc môi trường không khí xung quanh sau sự cố).

+ *Lực lượng bảo đảm an ninh, an toàn khu vực sự cố*: Chỉ huy trưởng, Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và lực lượng tham gia ứng phó tổ chức tuần tra, bảo vệ an ninh, an toàn tại hiện trường xảy ra sự cố, không cho người dân và phương tiện ra vào khu vực hiện trường, bảo đảm an toàn hành lang giao thông khu vực xảy ra sự cố.

+ *Lực lượng bảo đảm hậu cần, y tế*

Bảo đảm hậu cần: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND huyện Nhơn Trạch, Nhà máy xử lý chất thải bảo đảm hậu cần cho các lực lượng tham gia ứng phó; các lực lượng tham gia ứng phó sự cố tự bảo đảm phương tiện trong quá trình tham gia ứng phó.

Bảo đảm y tế: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch, lực lượng y tế của các đơn vị tham gia ứng phó thiết lập Bệnh viện dã chiến tại Trung tâm huyện Nhơn Trạch (nếu cần); cử cán bộ, y bác sỹ, nhân viên cùng trang, thiết bị, vật tư y tế, cơ sở thuốc để sơ, cấp cứu, điều trị bệnh cho nhân dân và cán bộ, nhân viên làm công tác ứng cứu tại hiện trường, kịp thời, hiệu quả.

+ *Bộ phận khắc phục hậu quả, phục hồi môi trường*: Chỉ huy trưởng Sở chỉ huy tại hiện trường chỉ đạo lực lượng tham gia ứng phó phối hợp với Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức khắc phục hậu quả và xử lý môi trường sau sự cố, không để ảnh hưởng sức khỏe nhân dân và môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá kết quả xử lý môi trường để làm căn cứ ra quyết định kết thúc công tác xử lý sự cố.

- Tổng hợp báo cáo theo quy định

V. NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Nhiệm vụ chung

- Vận dụng, thực hiện tốt phương châm “Bốn tại chỗ”, chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả nhanh; xây dựng hệ thống tổ chức đủ năng lực, giảm thiểu tối đa các tác động, thiệt hại về người, kinh tế, xã hội và môi trường.

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập về ứng phó sự cố chất thải tại địa phương (cho phép việc lồng ghép xây dựng kế hoạch, tập huấn, diễn tập ứng phó sự cố chất thải trong các kế hoạch khác của địa phương).

- Ưu tiên đầu tư mua sắm các trang thiết bị, phương tiện, vật tư chuyên dụng để nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố do chất thải.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh

- Chủ trì, chỉ đạo các lực lượng ứng phó sự cố chất thải theo Kế hoạch, huy động lực lượng, phương tiện của địa phương và của các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tham gia ứng phó.

- Chỉ đạo, xây dựng kế hoạch bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa, khắc phục phương tiện, trang thiết bị ứng phó, nhằm kịp thời khắc phục những hỏng hóc bất thường để đảm bảo trong trạng thái sẵn sàng ứng phó, đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân và nhân dân phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả công tác ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải tại tỉnh; thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố chất thải để bảo vệ môi trường, chủ động phòng tránh và kịp thời ứng phó sự cố tại địa phương.

- Tổ chức Sở chỉ huy tại hiện trường tham gia đề xuất các biện pháp ứng phó sự cố chất thải và chỉ huy trực tiếp công tác ứng phó kịp thời, hiệu quả.

- Hàng năm sơ, tổng kết đánh giá công tác ứng phó sự cố chất thải, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo chức năng.

b) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương hướng dẫn, tổ chức lực lượng ứng phó; đề xuất UBND tỉnh đầu tư các trang thiết bị, vật tư chuyên dụng để nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải cho các lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm.

- Chỉ đạo Ban chỉ huy Quân sự các huyện, thành phố tham mưu cho UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác chuẩn bị, sẵn sàng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải khi có tình huống xảy ra. Điều động lực lượng, phương tiện, phối hợp hiệp đồng với các đơn vị của Bộ, Quân khu đóng trên địa bàn và triển khai lực lượng, phương tiện tham gia công tác cứu nạn, cứu hộ và ứng phó khắc phục hậu quả sự cố chất thải xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ký hợp đồng ứng trực và tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố với đơn vị có chức năng, đủ năng lực để tham gia ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh khi có sự cố xảy ra; phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) để chỉ đạo, điều hành trực tiếp công tác ứng phó sự cố chất thải cấp tỉnh.

- Tổng hợp, báo cáo về Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia theo quy định.

c) Công an tỉnh

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn trong ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan sẵn sàng, triển khai lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ và cứu hộ, cứu nạn. Phối hợp tổ chức lực lượng bảo vệ hiện trường khu vực sự cố, không cho người và các phương tiện không có nhiệm vụ vào khu vực sự cố; phối hợp địa phương tổ chức sơ tán người và tài sản ra khỏi khu vực xảy ra sự cố.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra làm rõ nguyên nhân xảy ra sự cố chất thải; xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan yêu cầu bắt buộc hoặc cưỡng chế bên gây ra sự cố chất thải khắc phục, hoàn thành trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố chất thải gây ra theo thẩm quyền.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch phục hồi môi trường sau sự cố môi trường (sự cố cấp tỉnh) trên địa bàn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tổ chức kiểm tra, kiểm soát các nguồn thải lớn có nguy

cơ gây ô nhiễm môi trường, yêu cầu các chủ dự án, cơ sở thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, phòng chống các nguy cơ xảy ra sự cố chất thải.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các Sở, ngành, cơ quan liên quan tham mưu cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) tổ chức ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố chất thải gây ra, xác định thiệt hại về môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng tổ chức đánh giá chất lượng môi trường khu vực xảy ra sự cố, báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh).

đ) Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải do rò rỉ, phát tán hóa chất; hướng dẫn các cơ sở thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành Công Thương tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập cho lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm về ứng phó sự cố chất thải có liên quan đến hóa chất; phối hợp làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực Công nghiệp.

- Hỗ trợ các cơ quan liên quan thực hiện công tác giám sát môi trường và đánh giá thiệt hại (khu vực sản xuất công nghiệp) sau sự cố.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao về Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) theo quy định.

e) Sở Giao thông vận tải

Trên cơ sở các tuyến đường giao thông hiện có, Sở Giao thông vận tải phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương tại khu vực xảy ra sự cố môi trường phân luồng đảm bảo giao thông, hạn chế thấp nhất thời gian ách tắc giao thông tại khu vực xảy ra tai nạn, phong tỏa hiện trường phục vụ công tác thực thi pháp luật.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện vận tải tham gia ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh.

g) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp thực hiện công tác truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó sự cố chất thải trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Phối hợp với chính quyền, địa phương thông báo cho người dân nuôi trồng thủy sản trên sông, ao, hồ di chuyển lồng bè nuôi ra khỏi các khu vực có chất thải phát tán để không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản. Đối với thủy sản nuôi, khai thác tại khu vực bị ô nhiễm do sự cố chất thải cần có kế hoạch giám sát, kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo an toàn thực phẩm trước khi sản phẩm được tiêu thụ trên thị trường.

- Hỗ trợ các cơ quan liên quan thực hiện công tác giám sát môi trường và đánh giá thiệt hại (khu vực sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản...) sau sự cố chất thải.

h) Sở Tài chính

Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh về nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành và theo khả năng cân đối ngân sách.

i) Sở Y tế

- Chỉ đạo các bệnh viện công, phòng khám tư nhân chuẩn bị lực lượng, phương tiện và trang thiết bị y tế, vật tư sẵn sàng tham gia cấp cứu, vận chuyển, điều trị người bị nạn. Cử cán bộ, nhân viên chuyên môn trực tại hiện trường xảy ra sự cố chất thải để đảm bảo công tác sơ, cấp cứu kịp thời cho các nạn nhân và lực lượng tham gia ứng phó sự cố.

- Tham mưu, tư vấn cho các cơ quan, đơn vị và tuyên truyền cho Nhân dân biết về những ảnh hưởng do chất thải đối với sức khỏe con người, các phương án đảm bảo sức khỏe cho lực lượng tham gia ứng cứu.

- Hỗ trợ các cơ quan liên quan thực hiện công tác giám sát môi trường và đánh giá thiệt hại sau sự cố theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

k) Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đảm bảo thông tin, liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong quá trình ứng phó, khắc phục sự cố. Phương án thiết lập hệ thống liên lạc vô tuyến kịp thời khi cần thiết bảo đảm thông tin, liên lạc lưu động để phục vụ cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) các cấp chỉ huy, chỉ đạo ứng phó sự cố chất thải.

l) Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, tham mưu cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) tổ chức hoạt động, tham gia ứng phó sự cố liên quan đến chất thải phóng xạ do kinh doanh, vận chuyển, rò rỉ chất phóng xạ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố liên quan đến chất thải phóng xạ do kinh doanh, vận chuyển, rò rỉ chất phóng xạ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức nghiên cứu đề xuất ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải phóng xạ.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn, diễn tập nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác ứng phó sự cố chất thải phóng xạ.

- Hỗ trợ các cơ quan liên quan thực hiện công tác giám sát môi trường và đánh giá thiệt hại sau sự cố theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

m) Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung và KCN, CCN; quản lý xây

dụng hạ tầng kỹ thuật thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn và triển khai thực hiện hiệu quả trong lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ các cơ quan liên quan thực hiện công tác giám sát môi trường và đánh giá thiệt hại sau sự cố theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

n) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công đối với các dự án, công trình.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác giám sát môi trường và đánh giá thiệt hại sau sự cố theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

o) UBND các huyện, thành phố

- Phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp tỉnh; xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp huyện phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Kịp thời truyền đạt mọi mệnh lệnh, công điện của UBND tỉnh, của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh) đầy đủ, chính xác những thông tin về ứng phó sự cố chất thải đến các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, lực lượng vũ trang trên địa bàn xây dựng và chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng để huy động ứng phó, kịp thời xử lý, chú trọng lực lượng tại cơ sở theo phương châm “Bốn tại chỗ”.

- Bố trí ngân sách bảo đảm cho hoạt động thường xuyên về công tác ứng phó sự cố chất thải và đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư ứng phó sự cố chất thải phù hợp với điều kiện thực tế.

- Tổ chức quản lý chất thải trên địa bàn; tăng cường công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra đối với các công trình, dự án có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải thuộc thẩm quyền cấp huyện; chỉ đạo UBND cấp xã tăng cường tập huấn, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải; đồng thời, tăng cường việc giám sát và xử lý thông tin xấu, sai sự thật trong công tác phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải.

- Báo cáo định kỳ và đột xuất công tác ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn về UBND tỉnh theo quy định.

p) Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai

Chủ động rà soát, tổng hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát các cơ sở theo ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trong các KCN thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý, hướng dẫn các cơ sở xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở.

q) Cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa khu vực III

Tham mưu về bảo đảm an toàn hàng hải và giao thông đường thủy trong quá trình huy động tàu, phương tiện tham gia ứng phó sự cố chất thải trong khu vực xảy ra sự cố.

r) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp cơ sở theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030, phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố chất thải được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023 - 2030.

- Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố chất thải.

- Chủ động và phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, đơn vị liên quan để triển khai các hoạt động ứng phó, huy động nguồn lực ứng phó kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố chất thải; sẵn sàng huy động phương tiện, trang thiết bị, vật tư tham gia ứng phó, khắc phục sự cố chất thải theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Bảo đảm kinh phí cho các hoạt động thường xuyên trong ứng phó sự cố chất thải và bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố chất thải.

VI. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

1. Bảo đảm thông tin liên lạc

Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông đảm bảo mạng lưới, hệ thống thông tin liên lạc trong suốt quá trình triển khai khắc phục sự cố chất thải.

2. Bảo đảm trang thiết bị, công tác hậu cần - y tế

Sử dụng trang thiết bị chuyên dụng, trang thiết bị hiện có của các cơ quan, đơn vị tham gia ứng phó và đầu tư mua sắm trang thiết bị để bảo đảm cho dự phòng. Khi sự cố vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh đề nghị Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tăng cường nguồn lực, cấp bổ sung trang, thiết bị, vật tư để tham gia ứng phó có hiệu quả.

Sở Y tế chủ trì, chỉ đạo các bệnh viện trên địa bàn, lực lượng y tế của tỉnh thiết lập Bệnh viện dã chiến (nếu cần); cử bác sĩ, nhân viên y tế cùng đầy đủ trang thiết bị, vật tư, thuốc để sơ, cấp cứu, điều trị bệnh cho Nhân dân và cán bộ nhân viên làm công tác ứng cứu tại hiện trường, kịp thời, hiệu quả.

3. Bảo đảm an ninh - trật tự an toàn xã hội

Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với lực lượng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các đơn vị liên quan đảm bảo giao thông, an ninh, an toàn, trật tự xã hội cho các phương tiện giao thông và trật tự an toàn xã hội khu vực xảy ra sự cố.

4. Bảo đảm tài chính

- Chủ cơ sở hoặc chủ phương tiện gây sự cố chất thải phải chịu trách nhiệm bồi thường, chi phí ứng phó và các thiệt hại về kinh tế, tổn thất về môi trường. Bên chịu trách nhiệm bồi thường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền và chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố để giải quyết việc chi phí, bồi thường thiệt hại cho con người và môi trường do sự cố chất thải gây ra.

- UBND tỉnh chỉ đạo thanh toán toàn bộ chi phí tham gia ứng phó sự cố chất thải cho các tổ chức, cá nhân được huy động, đồng thời yêu cầu bên chịu trách nhiệm bồi thường phải bồi thường lại các chi phí đã thanh toán. Nguồn kinh phí cho công tác thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp chưa xác định được đối tượng gây ra sự cố chất thải, nguồn kinh phí tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC CHỈ HUY

1. Sở Chỉ huy thường xuyên

a) **Địa điểm:** Tại trụ sở UBND tỉnh.

b) Thành phần

- Trưởng ban: Chủ tịch UBND tỉnh trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo công tác ứng phó.

- Các Phó Trưởng ban: Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Các thành viên: Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Giao thông vận tải; Y tế; Tài chính.

c) Nhiệm vụ

- Chỉ huy, chỉ đạo các lực lượng tham gia ứng phó và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện trước UBND tỉnh và Lãnh đạo Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn về kết quả công tác ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải.

- Đánh giá, nhận định tình hình, khả năng diễn biến sự cố xảy ra, đề ra phương án, biện pháp ứng phó, điều động bổ sung nguồn lực nếu cần thiết. Báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; các cơ quan chức năng của các Bộ, ngành để theo dõi, tổng hợp.

- Theo dõi, tổ chức việc ứng phó, khắc phục sự cố tại hiện trường theo phương án đã được xác định.

- Bổ sung lực lượng, phương tiện cho lực lượng tham gia ứng phó khi cần.

2. Sở Chỉ huy tại hiện trường

a) **Địa điểm:** Tại khu vực xảy ra sự cố.

b) Thành phần

- Chỉ huy trưởng: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo.

- Phó chỉ huy trưởng: do Chỉ huy trưởng chỉ định, giúp chỉ huy trưởng trực tiếp chỉ huy, điều phối các lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải.

- Các thành viên: Lãnh đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Lãnh đạo Công an tỉnh; Lãnh đạo Sở: Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông vận tải; Tài chính; Y tế; Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Ngoại vụ (trường hợp sự cố có liên quan đến yếu tố phát thải xuyên biên giới); Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND cấp huyện nơi xảy ra sự cố.

c) Nhiệm vụ

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, các tổ chức, cá nhân để huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư nhanh chóng có mặt tại hiện trường để tham gia ứng phó, khắc phục sự cố.

- Chỉ huy, chỉ đạo các lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố chất thải có hiệu quả, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện tham gia ứng phó.

- Chỉ đạo cơ quan chức năng của tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố tổ chức khắc phục hậu quả và xử lý ô nhiễm môi trường sau sự cố theo quy định.

- Thường xuyên báo cáo kết quả ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố hoặc sự cố phát sinh về Sở chỉ huy thường xuyên.

Căn cứ vào Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các cơ sở, tổ chức và cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND Ứng phó sự cố TT&TKCN;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TP. Long Khánh và Biên Hòa;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KTN.



Võ Tấn Đức



Phụ lục 1

PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ ỨNG PHÓ SỰ CỐ HIỆN CỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Kế hoạch số 31 /KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
I	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	01 xe chỉ huy, 02 xe kiểm soát quân sự, 12 chiếc xe ô tô tải, 01 xe cứu thương, 01 xe PCCC cứu hộ đa năng Man, 02 xe Kmaz, 21 bộ khí tài OZK (có 05 bộ cấp 5), 688 bộ mặt nạ phòng độc (624 bộ MV5 và 64 bộ EO16 trong đó có 05 bộ EO16 cấp 5), 01 hộp trình độc, 01 máy đo phóng xạ ĐP5V, 03 bộ đo khí tượng MK3EM, 01 bình TĐĐL, 01 bình tiêu độc PSDS, 400 bao tiêu độc TCN10; ngoài ra, còn có các phương tiện bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay, kính, ủng, mũ bảo hộ....
II	Lực lượng vũ trang tỉnh	
1	Lực lượng cơ động của tỉnh	- BCH và ĐN: 02 Xe chỉ huy, 09 xe vận tải, 03 xe máy chuyên dùng, 01 xe cứu thương, 07 ca nô – xuồng máy, 18 xuồng chèo tay, 50 bộ nhà bạt, 295 phao tròn, 326 phao áo, máy phát điện cơ động, 04 cửa máy và các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn khác - 11 địa phương: Mỗi địa phương 01 bộ nhà bạt, 20 phao tròn, 40 phao áo và thiết bị cầm tay
2	Thành phố Biên Hoà	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 02 xuồng chèo tay, 155 phao tròn, 150 phao áo, 04 nhà bạt các loại, máy phát điện, các phương tiện cầm tay
3	Thành phố Long Khánh	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 05 bộ nhà bạt các loại, 02 xuồng chèo tay, 30 phao tròn, 20 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác
4	Huyện Nhơn Trạch	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 15 bộ nhà bạt các loại, 02 ca nô, 150 phao tròn, 100 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác
5	Huyện Long Thành	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 30 bộ nhà bạt các loại, 07 xuồng chèo tay, 02 ca nô, 100 phao tròn, 70 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác
6	Huyện Vĩnh Cửu	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 18 bộ nhà bạt các loại, 01 xuồng chèo tay, 01 ca nô, 235 phao tròn, 260 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác
7	Huyện Trảng Bom	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 05 bộ nhà bạt các loại, 48 phao tròn, 103 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
8	Huyện Thống Nhất	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 05 bộ nhà bạt các loại, 20 phao tròn, 30 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác
9	Huyện Định Quán	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 14 bộ nhà bạt các loại, 01 xuồng chèo tay, 195 phao tròn, 167 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác
10	Huyện Tân Phú	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 20 bộ nhà bạt các loại, 12 xuồng chèo tay, 165 phao tròn, 114 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác
11	Huyện Xuân Lộc	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 05 bộ nhà bạt các loại, 01 ca nô, 50 phao tròn, 38 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác
12	Huyện Cẩm Mỹ	01 xe chỉ huy, 01 xe tải, 08 bộ nhà bạt các loại, 100 phao tròn, 140 phao áo, máy phát điện và các trang bị cứu hộ, cứu nạn khác
III	Đơn vị Bộ Quốc phòng	
1	Trường Sĩ quan Lục quân 2	08 xe vận tải; bệnh xá (sơ cứu) 20 giường và các trang bị cầm tay.
2	Sư đoàn BB309/QĐ4	01 Tổ Quân y, 15 xe tải và các trang bị cầm tay (nhà bạt 16m ² 04 bộ; nhà bạt 60m ² 01 bộ; cuốc 50 cái; xẻng 50 cái; cưa xích 04 cái; cưa tay 20 cái), phao tròn, áo phao
3	Lữ đoàn Vận tải 972/TCHC	20 xe tải và các trang bị cầm tay
4	Trung đoàn KQ935/f370/PK-KQ	01 xe cẩu, 01 xe nâng, 02 xe tải và các trang bị cầm tay
5	Trung đoàn BB3/f BB 9/QĐ4	Phương tiện vận chuyển quân và các trang bị cầm tay
IV	Đơn vị Quân khu 7	
1	Sư đoàn BB 302	02 Tổ Quân y VSPD, 12 xe tải, 02 xe cứu thương và các trang bị cầm tay
2	Trường bắn Quốc gia Khu vực 3	03 xe tải và các trang bị cầm tay
3	Lữ đoàn CB25	09 Phà PMP 60T, 02 bộ phà GPS, 04 phà PTS, 01 bộ VNS-1500, 08 thuyền nhôm có máy đẩy, 12 ca nô (09 ca nô phà PMP, 03 ca nô ST660), 05 xe vận tải, 03 máy hút, 01 máy xúc, 08 xe ben, 01 xe đầu kéo, 01 xe cứu thương và các trang, thiết bị chuyên dùng cứu sập, cứu hộ, cứu nạn, thiết bị cầm tay
4	Lữ đoàn T-TG26	01 Tổ Quân y VSPD, 03 xe tải và các trang thiết bị cầm tay bảo đảm cho công tác cứu hộ, cứu nạn
5	Lữ đoàn PB75	01 Tổ Quân y VSPD, 03 xe tải và các trang thiết bị cầm tay bảo đảm cho công tác cứu hộ, cứu nạn

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
V	Đơn vị Công an	
1	Đội CS PCCC&CNCH trên sông, Phòng PC07/Công an tỉnh	01 xe chỉ huy, 02 xe chữa cháy, 01 xe chở quân và phương tiện, 02 xuồng cao su, 62 áo phao, 80 phao tròn, 08 bộ thiết bị lặn, 03 máy nạp khí sạch, 08 máy bơm chữa cháy
2	Đội CC&CNCH KV Biên Hòa, Phòng PC07/Công an tỉnh	01 xe chỉ huy, 04 xe chữa cháy, 01 xe chở quân và phương tiện, 02 xe CNCH, 01 xe xúc, 01 xuồng cao su, 127 áo phao, 08 bộ thiết bị lặn, 02 máy nạp khí sạch, 08 máy bơm chữa cháy, 01 xe bồn, 01 xe cứu thương
3	Đội CC&CNCH KV Long Khánh, Phòng PC07/Công an tỉnh	01 xe chỉ huy, 02 xe chữa cháy, 01 xe chở quân và phương tiện, 01 xe CNCH, 01 xuồng cao su, 69 áo phao, 04 bộ thiết bị lặn, 02 máy nạp khí sạch, 04 máy bơm chữa cháy, 01 xe bồn
4	Đội CC&CNCH KV Nhơn Trạch, Phòng PC07/Công an tỉnh	01 xe chỉ huy, 02 xe chữa cháy, 01 xe chở quân và phương tiện, 01 xe CNCH, 01 xuồng cao su, 46 áo phao, 37 phao tròn, 09 bộ thiết bị lặn, 03 máy nạp khí sạch, 02 máy bơm chữa cháy, 01 xe bồn
5	Đội CC&CNCH KV Trảng Bom, Phòng PC07/Công an tỉnh	01 xe chỉ huy, 02 xe chữa cháy, 01 xe chở quân và phương tiện, 27 áo phao, 59 phao tròn, 05 bộ thiết bị lặn, 02 máy nạp khí sạch, 03 máy bơm chữa cháy
6	Công an thành phố Biên Hòa	04 xe cứu hỏa, 01 xe thang 33m, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
7	Công an thành phố Long Khánh	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
8	Công an huyện Nhơn Trạch	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
9	Công an huyện Long Thành	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
10	Công an huyện Vĩnh Cửu	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
11	Công an huyện Trảng Bom	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
12	Công an huyện Thống Nhất	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
13	Công an huyện Định Quán	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
14	Công an huyện Tân Phú	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
15	Công an huyện Xuân Lộc	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
16	Công an huyện Cẩm Mỹ	02 xe cứu hỏa, 10 bình cứu hỏa, 01 xe bồn, 02 máy bơm, 01 máy phát điện
VI	UBND các huyện, thành phố	
1	UBND thành phố Biên Hòa	04 nhà bạt các loại, 01 xuồng composite có động cơ, 75 áo phao ba đai, 155 áo phao cứu sinh, 799 áo phao; 40 phao cứu sinh, 493 áo mưa, 396 đôi ủng, 315 cây đèn pin, 6.640m dây thừng, 01 Cano, 01 rơ móc kéo cano, 02 cửa máy, 476 phao cứu hộ, 130 nón, 06 ghe máy, 02 xuồng composite có động cơ
2	UBND thành phố Long Khánh	02 xuồng các loại, 28 nhà bạt các loại, 399 phao áo cứu sinh, 281 phao tròn cứu sinh, 03 phao bè, 5 loa cầm tay, 20 máy bộ đàm, 20 cửa máy; 53 máy cưa; 8 dây cứu nạn, 02 máy phát điện, 02 máy bơm các loại, 47 áo mưa, 25 đèn pin đội đầu; 159 đôi ủng
3	UBND huyện Nhơn Trạch	06 loa phóng thanh, 02 máy phát điện, 05 máy cưa, 02 máy khoan đục bê tông, 02 máy bơm, 30 đèn pin đội đầu, 30 đèn pin cầm tay, 12 dây cứu hộ, 03 nhà bạt trung, 30 nhà bạt tiểu, 300 phao cứu sinh, 250 đôi ủng bảo hộ, 300 áo mưa, 10 cuốc, 10 xẻng, 10 xà beng
4	UBND huyện Long Thành	12 xuồng các loại; 05 bè phao, 01 máy phát điện, 01 máy bơm chữa cháy; 30 nhà bạt; 01 máy khoan đục bê tông; 2.544 phao các loại; 25 máy cưa; 02 loa cầm tay; 100 đèn pin; 17.244m dây phao nổi
5	UBND huyện Vĩnh Cửu	217 bộ áo mưa, 37 áo phao, 03 bè phao cứu sinh, 500 m2 bạt che, 05 búa tạ, 50 quốc chim, 550m phao nổi, 650m dây dù bè, 26 đèn pha công suất lớn, 112 đèn pin sạc cầm tay, 15 đèn sạc chiếu sáng, 25 loa phát thanh, 03 nhà bạt trung đội, 122 nón bảo hộ, 15 bao tròn, 10 cây dao phát cây, 42 ống lót vớ, 52 võng mừng rần rì, 10 xà beng, 02 xuồng nhôm
6	UBND huyện Trảng Bom	259 áo phao, 128 phao tròn, 95 cuốc bàn, 95 xẻng, 100 đôi ủng, 80 cửa tay, 90 áo mưa, 1.000 bao tải, 45 xà beng, 04 xuồng nhôm, 01 xuồng máy, 02 cửa máy, 08 dao phát, , 02 bè cứu hộ, 02 nhà bạt, 70m dây thừng
7	UBND huyện Thống Nhất	50 áo phao cứu sinh, 03 loa cầm tay, 30 áo mưa, 20 đôi ủng, 10 võng cá nhân, 04 cuộn dây cứu hộ, 02 nhà bạt các loại, 01 máy bơm nước, 01 máy phát điện, 03 máy cưa cầm tay, 01 xuồng Tam Bản, ngoài ra còn có cuốc, xẻng, xà beng, dao, rìu
8	UBND huyện Định Quán	01 Cano, 01 xuồng composite, 01 xuồng nhôm, 02 phao bè cứu sinh, 24 bộ nhà bạt các loại, 1.394 phao các loại (phao tròn, áo phao), 1.225 trang thiết bị khác (cửa các loại, áo mưa, nón bảo hộ, đèn pin...)

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
9	UBND huyện Tân Phú	01 Canô, 07 xuồng nhựa composit, 25 xuồng nhôm, 700 phao tròn, 03 phao bè loại nhẹ, 650 áo phao, 28 nhà bạt các loại, 134 đèn pin các loại, 11 cửa máy, 17 máy phát điện, 20 xà beng, 05 loa cầm tay
10	UBND huyện Xuân Lộc	01 xuồng máy, 122 phao tròn, 02 nhà bạt 16,5m ² , 169 áo phao, 20 móc phao, 173 đèn pin, 11 máy cửa, 60 ủng cao su, 02 loa cầm tay
11	UBND huyện Cẩm Mỹ	50 áo phao cứu hộ, 05 loa cầm tay, 50 áo mưa, 20 đôi ủng, 10 võng cá nhân, 04 cuộn dây cứu hộ, 02 nhà bạt các loại, 01 máy bơm nước, 01 máy phát điện, 10 máy cửa cầm tay, 01 dây phao 100m, 01 bơm bùn, 50 đèn pin, 01 xuồng Tam Bàn; ngoài ra còn có các trang thiết bị khác như cuốc, xẻng, xà beng, dao, rựa...
VII	Phương tiện, trang thiết bị của các đơn vị hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường được huy động, trưng dụng trong ứng phó sự cố	
1	Công ty Phát triển KCN Long Bình (KCN Loteco)	02 máy bơm tự động, 04 bồn chứa chất thải lỏng(1m ³), 01 xe kéo vận chuyển thiết bị, 09 bộ quần áo chống hóa chất, 07 kính bảo chống hóa chất, 05 bộ găng tay, 10 đôi ủng, 05 bảng thông báo, 16 băng rào cảnh báo, 05 trụ cảnh báo, 06 mặt nạ phòng độc, 15 quây thấm hút hóa chất, 05 bao bột thấm hút hóa chất (loại 12kg/bao), 01 bộ ứng phó sự cố tràn hóa chất khẩn cấp
2	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (KCN Biên Hòa 1 và KCN Biên Hòa 2)	02 xe chữa cháy chuyên dụng, 01 máy bơm, 34 bình chữa cháy, 06 thùng cát, 06 xẻng, 03 vòi nước khẩn cấp, 08 đôi ủng, 01 thùng chứa chất thải, 30 khẩu trang, 06 kính bảo vệ mắt, 03 chổi xương, 02 tạp dề, 6 găng tay cao su
3	Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa (KCN Tam Phước)	02 xe PCCC, 01 xe cấp nước chữa cháy 14m ³ , 01 xe nâng, 01 xe máy, 01 hệ thống chữa cháy, 01 hệ thống báo cháy tự động, 10 mũ cứu hộ, 81 bình chữa cháy, 11 găng tay/giày/ủng chữa cháy, 01 rìu cứu nạn, 01 búa tạ, 01 kim động lực, 01 dây cứu người, 01 túi sơ cứu, 01 cáng cứu thương, 10 mặt nạ phòng độc, 03 mặt nạ phòng độc cách ly, 03 đèn pin, 02 bộ đàm, 02 thùng cát, 02 xẻng/cuốc, 02kg giẻ lau, 01 xà beng
4	Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị và KCN IDICO (IDICO-URBIZ) (KCN Nhơn Trạch 1)	30 bình chữa cháy, 64 trụ tiếp nước, 01 xe bồn chở nước 16m ³ , 02 cuộn dây chữa cháy, 03 đèn pin, 02 bộ đàm, 01 cáng cứu thương, 01 túi sơ cứu, 02 dây cứu hộ, 01 kim cộng lực, 01 búa tạ, 01 xà beng, 02 rìu cứu nạn, 03 mặt nạ phòng độc cách ly, 01 thang chữa cháy, 10 khẩu trang lọc độc, 10 bộ quần mũ/áo/ủng/găng tay
5	Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (KCN	10 bình bột chữa cháy, 10 bình chữa cháy CO ₂ , 01 rìu, 03 đèn pin, 02 xà beng, xẻng, 01 búa tạ, 02 đèn pin chiếu

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
	Nhơn Trạch 2)	sáng, 05 bộ đàm cầm tay, 01 hộp sơ cứu, 01 xe cấp nước chữa cháy dung tích 10 m ³ , 35 camera giám sát, 01 máy bơm nước 2HP, 01 máy cưa, 01 máy khoan - cắt, 01 hệ thống cấp nước chữa cháy, 01 hệ thống chiếu sáng và chỉ dẫn thoát nạn
6	Công ty Cổ phần Thống Nhất (KCN Bàu Xéo)	80 bình chữa cháy, 02 thùng cát, 02 xẻng, 10 bộ mặt nạ phòng độc, 05 kg giẻ lau, 12 bộ quần áo bảo hộ lao động (bao gồm cả găng tay cao su và ủng cao su), 02 tủ thuốc cấp cứu; ngoài ra còn có găng tay cách nhiệt, nón bảo hộ lao động, khẩu trang hoạt tính, 01 bơm dự phòng, chuông báo động 03 cái, 12 cuộn vòi chữa cháy, 02 họng tiếp nước, 35 trụ tiếp nước chữa cháy, 02 hồ chứa nước (10m ³), 01 xe chữa cháy
7	Công ty Cổ phần Phát triển KCN Sông Mỹ (KCN Sông Mỹ)	09 xe chữa cháy, 10 bình chữa cháy, 11 vòi chữa cháy, 13 biển cảnh báo/bảng MSDS hóa chất/bảng ứng phó sự cố chất thải nguy hại, 14 bộ đàm cầm tay, 15 bơm nước thải/bùn dự phòng; ngoài ra còn có quần áo, nón bảo hộ, ủng, găng tay, khẩu trang, mắt kính, mặt nạ phòng độc, cát, xẻng, thang, búa tạ, kìm cộng lực, dây cứu người
8	Công ty Cổ phần KCN Hồ Nai (KCN Hồ Nai)	01 bầu chữa cháy tự động, 30 bình chữa cháy, 22 cuộn dây cứu hộ, 06 đầu lăng đa năng, 1 xe chữa cháy 4m ³ , 01 xe bồn tiếp nước 3,5m ³ , 10 bộ quần áo chữa cháy, 01 bộ quần áo chữa cháy chống nhiệt, 13 mặt nạ phòng độc, 2 đèn pin, 01 búa tạ, 02 xẻng, 01 thang nhôm, 01 hộp cứu thương, 02 dây cứu nạn 20m, 02 kính bảo vệ mắt, 07 ủng cao su, 50 găng tay cao su....
9	Công ty TNHH Amata (Việt Nam) (KCN Amata)	01 xe chữa cháy, 02 xe cấp nước chữa cháy, 02 xe máy, 01 xe nâng, 01 hệ thống cấp nước chữa cháy cho toàn KCN, 100 bình chữa cháy, 35 bộ đàm, 50 camera giám sát, 05 hệ thống phá dỡ,
10	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (KCN Long Thành)	01 xe chữa cháy, 36 vòi chữa cháy, 14 đôi ủng và găng tay, 14 khẩu trang phòng độc, 14 mặt nạ phòng độc, 14 mũ chữa cháy, 03 mặt nạ phòng độc cách ly, 02 túi sơ cứu, 02 riu cứu nạn, 01 búa tạ, 01 xà beng, 01 cang cứu thương, 02 đèn pin, 02 bộ đàm cầm tay, 02 loa, 74 bình chữa cháy...
11	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam (IDICO) (KCN Nhơn Trạch 5)	1 xe bồn, 1 xe xúc, 4 bộ quần áo chống hóa chất, 04 mặt nạ phòng độc (có kính), 10 đôi găng tay cao su, 10 đôi ủng cao su, 4 xẻng, 3m ³ cát, 30kg mùn cưa, 01 băng ca cứu thương, 01 túi cứu thương, 01 bình oxy 9lit
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo (KCN Dệt)	01 xe PCCC, 01 xe nâng, 01 hệ thống cấp nước chữa cháy, 01 hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nước, 16

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
	may Nhơn Trạch)	camera giám sát, 20 bình chữa cháy, 01 bộ đàm liên lạc, 01 thùng cát, 40 xẻng, cuốc, 5kg giẻ lau
13	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (KCN Gò Dầu)	01 xe chữa cháy, 4 bình chữa cháy, 01 thùng cát, 02 xẻng
14	Tổng Công ty 28 (KCN Agtex Long Bình)	324 bình chữa cháy, 25 trụ cứu hỏa, tiếp nước, 24 tủ chữa cháy vách tường, 10 bộ quần áo PCCC (bao gồm cả nón, ủng, găng tay, khẩu trang), 02 tủ thuốc sơ cứu, 07kg giẻ lau, 07 thùng cát và xẻng, 40 camera giám sát, 07 hệ thống chỉ dẫn thoát nạn
15	Công ty TNHH Đầu tư Long Đức (KCN Long Đức)	01 xe chữa cháy, 69 trụ nước, 126 bình chữa cháy, 03 hệ thống máy bơm chữa cháy, 08 họng chờ tiếp nước chữa cháy; ngoài ra còn có: găng tay, ủng cao su, kính bảo vệ mắt, khẩu trang, mặt nạ chống độc, đồ bảo hộ lao động, bơm, bao chứa, bao cát, xẻng, giẻ lau
16	Tổng công ty Tín Nghĩa (Nhơn Trạch 3 - Giai đoạn 2)	02 xe PCCC, 01 hệ thống cấp nước chữa cháy, 01 hệ thống báo cháy tự động, 01 hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, 15 camera giám sát, 56 bình chữa cháy, 02 bộ đàm liên lạc, 03 thùng cát, 04 xẻng/cuốc
17	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình (KCN Suối Tre)	01 xe PCCC, 54 họng cứu hỏa, 01 hệ thống báo cháy tự động, 20 bình chữa cháy, 08 camera giám sát, 10 mặt nạ phòng độc, 03 bình dưỡng khí, 04 xe máy, 02 thùng cát, 03 kg giẻ lau, 02 bơm di động
18	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (KCN Xuân Lộc)	01 xe chữa cháy, 4 bình chữa cháy, 02 thùng cát, 04 xẻng, 05kg giẻ lau
19	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi) (KCN Giang Điền)	01 xe PCCC, 01 xe cầu thùng, 02 xe máy, 105 hệ thống cấp nước chữa cháy, 02 hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, 64 camera giám sát, 49 bình chữa cháy, 05 bộ đàm liên lạc, 03 thùng cát, 10 xẻng/cuốc, 10kg giẻ lau
20	Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền (KCN Nhơn Trạch 2 - Nhơn Phú)	1 xe chữa cháy, 10 bình chữa cháy, 20 vôi lăng, 10 bộ quần áo, ủng, khẩu trang găng tay chuyên dụng, 27 họng cứu hỏa, 30 camera giám sát, 6 cuốc, 6 xẻng
21	Tổng công ty Tín Nghĩa (KCN Ông Kèo)	02 xe PCCC, 01 hệ thống cấp nước chữa cháy, 01 hệ thống báo cháy tự động, 09 camera giám sát, 30 bình chữa cháy, 02 bộ đàm liên lạc, 01 thùng cát, 01 xẻng/cuốc
22	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (KCN Thạnh Phú)	01 xe chữa cháy, 4 bình chữa cháy, 02 thùng cát, 02 xẻng
23	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Lộc Khang (KCN Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang)	01 bồn nhựa 1m ³ , 1 máy bơm bùn 2 Hp, 150m ống nhựa mềm Ø27, 3 chiếc xe rửa, 5 xẻng, 1 xe nâng tay, 10 bao chứa bùn nguy hại (loại 1m ³ /bao), 20 bình chữa cháy, 10 bộ quần áo PCCC (bao gồm cả nón, ủng, găng tay, khẩu trang), 10 mặt nạ phòng độc, 03 bộ mặt nạ phòng độc

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
		cách ly, 03 đèn pin, 02 rìu, 01 búa tạ, 02 dây cứu người, 01 thang chữa cháy, 01 túi sơ cứu, 01 cáng cứu thương, 02 bộ đàm
24	Tổng công ty Tín Nghĩa (KCN Tân Phú)	01 hệ thống cấp nước chữa cháy, 01 hệ thống cấp nước chữa cháy, 08 camera giám sát, 10 bình chữa cháy, 02 thùng cát, 02 xẻng/cuốc
25	Công ty Cổ phần KCN Dầu Giây (KCN Dầu Giây)	05 bình chữa cháy MFZ8, 11 bình khí CO ₂ (MT3), 02 bình khí MT5, 10 vòi chữa cháy D65, 16 vòi chữa cháy D50, 01 máy bơm chữa cháy, 01 xe chữa cháy, 02 thang dây, 16 nón/ũng/khẩu trang, 32 găng tay, 32 quần áo bảo hộ, 02 hệ thống báo cháy, 07 mặt nạ phòng độc, 03 đèn pin, 02 bộ đàm cầm tay, Camera giám sát toàn KCN
26	Công ty Cổ phần KCN Long Khánh (KCN Long Khánh)	01 xe PCCC, 01 xe cấp nước chữa cháy dung tích bồn 6m ³ , 01 hệ thống cấp nước chữa cháy, 01 hệ thống báo cháy tự động, 02 hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, 56 camera giám sát, 20 bình chữa cháy, 02 bộ đàm liên lạc, 02 thùng cát, 06 xẻng/cuốc, 3kg giẻ lau
27	Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng KCN Nhơn Trạch 6A (KCN Nhơn Trạch 6)	01 xe PCCC, 01 xe cấp nước chữa cháy dung tích bồn 12m ³ , 01 xe nâng, 03 xe máy, 01 xe xúc, 63 hệ thống cấp nước chữa cháy, 10 hệ thống báo cháy tự động, 05 hệ thống chống sét đánh thẳng, 02 hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, 12 camera giám sát, 60 bình chữa cháy, 10 bộ đàm liên lạc, 02 thùng cát, 03 xẻng/cuốc, 02 kg giẻ lau
28	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành (KCN Lộc An - Bình Sơn)	01 xe chữa cháy, 05 bình chữa cháy, 03 thùng cát, 03 cái xẻng, 05 cái xô, 03 mặt nạ phòng độc, 10 đôi găng tay cao su, 01 tủ thuốc, 41 camera, 3 bộ đàm
29	Tổng công ty Tín Nghĩa (KCN An Phước)	02 xe PCCC, 01 hệ thống cấp nước chữa cháy, 01 hệ thống báo cháy tự động, 01 hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, 24 camera giám sát, 46 bình chữa cháy, 02 bộ đàm liên lạc, 03 thùng cát, 03 xẻng/cuốc
30	Công ty Cổ phần KCN Định Quán (KCN Định Quán)	08 bình chữa cháy, 15 họng chữa cháy, 02 cuộn vòi chữa cháy, 02 chuông báo động, 04 phuy chứa cát, hồ chứa nước ứng phó sự cố 8.250 m ³ , 03 bơm nước dự phòng (điện), 01 máy bơm cứu hỏa 40,5kw (xăng), 01 xe cứu hỏa
31	Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam	01 xe chữa cháy, 200 bình chữa cháy, 100 bộ quần áo chữa cháy, 50 áo phòng hộ NH ₃ , 200 găng tay chữa cháy, 200 ủng chữa cháy, 50 thang chữa cháy, 50 bộ đàm cầm tay, 100 mũ chữa cháy, 200 mặt nạ phòng độc, 500 khẩu trang lọc độc, 200 đèn pin, 50 dây cứu người, 50 tủ thuốc sơ cứu, 01 bộ bơm màng hút dầu...
32	Nhà máy nhiệt điện đốt than (450MW) – Công ty TNHH	18 thùng chứa mùn cưa/cát khô, 18 xẻng, 02 thùng chứa dự phòng, 03 bơm thu gom chất lỏng, 03 bơm vận chuyển bùn,

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
	Hưng nghiệp Formosa	01 bồn phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải, 02 bơm vận chuyển bồn sự cố, 06 bộ đèn/còi báo động thông số vượt ngưỡng, 01 hệ thống hồ sinh học kiểm soát sự cố, 02 bộ đàm liên lạc, 22 đầu rò cảm biến khí NH ₃ , 02 đầu cảm biến rò khí HCl, 30 đầu cảm biến rò khí gas, 05 cảm biến đo nồng độ VOC, 03 máy đo O ₂ , 07 hộp thuốc sơ cứu, 01 xe cứu thương, 60 khẩu trang hoạt tính, 26 ủng cao su, 26 găng tay cao su, 26 mặt nạ phòng độc, 37 bộ quần áo phòng hộ hóa chất, 08 bình khí thở, 02 đèn pin, 02 riu cứu nạn, 01 xà beng, 01 búa tạ, 01 kìm động lực, 02 dây cứu hộ, 02 thang dây....
33	Công ty TNHH Sản xuất Toàn cầu Lixil Việt Nam	02 bơm động cơ, 02 bơm bù áp, 8 hệ thống báo cháy tự động, 03 đầu báo cháy tự động, 595 bình chữa cháy, 151 đèn thoát hiểm, 413 đèn khẩn cấp, 26 họng cấp nước chữa cháy; ngoài ra còn có găng tay cao su, ủng cao su, kính bảo vệ mắt, khẩu trang, mặt nạ phòng độc, đồ bảo hộ lao động, cát/bột chuyên dụng hút chất lỏng, giấy thấm dầu...
34	Công ty TNHH Cổ phần Thương mại - Xây dựng Đa Lộc	25 bình chữa cháy, 09 bộ báo nguy hiểm, nội quy và tiêu lệnh chữa cháy, 03 thùng cát, 03 xẻng, 10 bộ mặt nạ phòng độc, 10kg giẻ lau, 15 bộ quần áo bảo hộ lao động (bao gồm cả găng tay cao su và ủng cao su), 03 tủ thuốc cấp cứu; ngoài ra còn có găng tay cách nhiệt, nón bảo hộ lao động, khẩu trang hoạt tính...
35	Công ty TNHH Một thành viên Thanh Tùng 2	153 bình chữa cháy, 19 họng chữa cháy, 19 cuộn vòi chữa cháy, 10 chuông báo động, 31 phuy chứa cát, 22 gờ chắn chất thải lỏng chảy tràn, hồ chứa nước ứng phó sự cố 600m ³ , 10 loa, 05 bơm nước dự phòng, 05 bơm hóa chất dự phòng, 02 máy bơm điện bù áp
36	Công ty TNHH Cù Lao Xanh	44 bình chữa cháy, 10 phuy chứa cát, hồ chứa nước ứng phó sự cố (90m ³ /bể, tổng 4 bể), 01 máy phát điện, 1 bơm điện, 1 bơm dầu, 21 họng chữa cháy, 42 vòi chữa cháy
37	Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên	120 bình chữa cháy CO ₂ , 120 bình bột chữa cháy, 12 phuy chứa cát, 1 hồ chứa nước chữa cháy 500m ³ , 03 máy bơm chữa cháy (01 bơm Diesel, 01 bơm điện và 01 bơm bù áp), 12 trụ chữa cháy ngoài trời, 03 họng tiếp nước ngoài trời, 35 họng tiếp nước trong nhà, 38 vòi, lăng, 01 tủ trung tâm báo cháy 25 kênh, 24 đầu báo cháy khói, 25 bộ tia chiếu beam, 42 hộp nút ấn và chuông báo cháy, 46 đèn chỉ dẫn thoát nạn, 60 đèn chiếu sáng khẩn cấp, 10 bộ đồ chữa cháy, 10 găng tay chữa cháy, 10 mặt nạ phòng độc, 2 riu chứa nạn, 10 xẻng, 1 xà beng, 1 búa tạ, 1 kìm cộng lực, 1 dây cứu người (30m), 2 tấm mềm dập lửa sợi thủy tinh), ngoài ra còn có găng tay cách nhiệt, nón bảo hộ lao động, khẩu trang hoạt tính

TT	Đơn vị	Phương tiện, trang thiết bị
38	Công ty TNHH Thương Mại - Môi trường Thiên Phước	30 bình chữa cháy, 01 máy bơm dầu PCCC, 01 máy phát điện 400KVA, 18 hòng chữa cháy, 24 ống chữa cháy, 01 bể ứng phó sự cố 1.000m ³ , 01 xe cuốc, 01 xe nâng, bơm dự phòng 04 bơm, 10 phuy cát, 20 bồn chứa 1m ³
39	Công ty Cổ phần Thương mại Tài Tiến	226 bình chữa cháy, 23 thùng chứa cát, 23 thùng chứa nước, 23 xẻng, 23 xô, 10 khẩu trang phòng độc, 05 túi y tế, 53 hòng chữa cháy, 53 cuộn vòi chữa cháy, 01 bơm chìm, 20m ống mềm, 04 phao cứu sinh, 05 áo phao, 01 sào cây, 02 thang dây, 01 xe bồn 20m ³ , 02 hệ thống chữa cháy (bơm điện, bơm bù áp, bơm dầu), 01 hệ thống chữa cháy xăng dầu, 200 đầu phun Drencher (Chống cháy lan), 20 đầu báo khói, 16 nút báo cháy khẩn cấp, 16 còi báo cháy, 16 đèn báo cháy, 20 gương phản xạ, 10 bộ quần áo chữa cháy, 10 đôi găng tay chữa cháy, 10 đôi ủng cao su, 10 mũ chữa cháy, 40m dây cứu hộ, 02 kiểm cộng lực, 02 xà beng, 02 bồ cào, 02 câu liêm, 02 khóa mở trụ, 02 đèn pin cầm tay, 01 loa
40	Công ty Cổ phần Thương mại Phúc Thiên Long	90 bình chữa cháy MFZ8, 90 bình chữa cháy MT3, 02 cụm bơm hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, 26 hòng chữa cháy, 16 cụm vòi chữa cháy, 11 lăng phun, 03 hồ chứa nước ứng phó sự cố, 12 trụ chữa cháy ngoài trời, 02 trụ tiếp nước xe chữa cháy, 04 tủ trung tâm báo cháy YF3-05 Zone, 12 đầu báo Beam Tanda, 20 còi báo cháy Horing, 20 công tắc khẩn Horing, 33 đèn chiếu sáng sự cố Kentom, 34 đèn chiếu sáng Exit Kentom, 20 phuy chứa cát, 01 tủ điều khiển bơm, 01 bình tích áp 200l, 01 thùng chứa nước, 02 xẻng, 05 xô, 08 khẩu trang phòng độc, 01 túi y tế, 01 gương phản xạ, 01 xà beng, 01 câu liêm, 01 đèn pin cầm tay, 01 loa pin.



Phụ lục 2

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CẦN LIÊN LẠC KHI XẢY RA SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Kế hoạch số 31 /KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Ban Chỉ huy UPSCTD

TT	Tên cơ quan	Chức vụ	Điện thoại
1	Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn	Ban chỉ huy UBQGUPSCCTT&TKCN	0243.7333845
2	UBND tỉnh Đồng Nai	Trưởng Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh - Chủ tịch UBND tỉnh	0251.3827555
3	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Trực ban tác chiến	02513.822.993 069.682.115
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thành viên	02513.822970
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	Thành viên	02513.916728
6	Sở Tài chính	Thành viên	0251.3847778
7	Sở Y tế	Thành viên	02513.942641
8	Sở Giao thông vận tải	Thành viên	02513.847320
9	Sở Thông tin và Truyền thông	Thành viên	0251.8825678
10	Sở Công thương	Thành viên	02513.823317
11	Sở Xây dựng	Thành viên	02513.846283
12	Công an tỉnh Đồng Nai	Thành viên	02513.899909
13	Cảnh sát PCCC&CNCH	Thành viên	02513.897799
14	Cảng vụ hàng hải	Thành viên	02513.832134
15	Cảng vụ đường thủy nội địa khu vực III	Thành viên	0283.5531981
16	UBND thành phố Biên Hòa	Thành viên	02513.822880
17	UBND thành phố Long Khánh	Thành viên	02513.877328
18	UBND huyện Long Thành	Thành viên	02513.844298
19	UBND huyện Trảng Bom	Thành viên	02513.866259
20	UBND huyện Nhơn Trạch	Thành viên	02513.521108
21	UBND huyện Định Quán	Thành viên	02513.851138
22	UBND huyện Tân Phú	Thành viên	02513.699631
23	UBND huyện Vĩnh Cửu	Thành viên	02513.860360
24	UBND huyện Xuân Lộc	Thành viên	02513.871472
25	UBND huyện Thống Nhất	Thành viên	02513.771168

TT	Tên cơ quan	Chức vụ	Điện thoại
26	UBND huyện Cẩm Mỹ	Thành viên	02513.878565
27	Ban Quản lý các KCN Đồng Nai	Thành viên	02513.892378
28	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Thành viên	02513.823623
29	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai	Thành viên	02518.825612
30	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất	Thành viên	02513.884205

2. Danh sách các đơn vị cần liên lạc phối hợp UPSCTD

TT	Tên cơ quan	Điện thoại
1	Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Nam (NASOS)	02838242120
2	Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Việt Nam (SOS)	18006558 0945440022
3	Trung tâm Ứng cứu sự cố hóa chất độc, phóng xạ hạt nhân khu vực miền Nam	069651334 0973689691



Phụ lục 3

TRUNG TÂM ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Khu vực miền Nam: 31 trạm. Chi tiết về trạm

(Kèm theo Kế hoạch số 31 /KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Khu vực	Vị trí	Địa chỉ	Phương tiện ứng cứu
1	Bình Dương	Khánh Bình	Số 698 Đ. Cách Mạng Tháng 8, Chánh Nghĩa, TDM, Bình Dương	- Xe chuyên chở nhân lực, trang thiết bị
2	Bình Dương	Bình Thắng-Thanh Lễ	945 Vành đai 3, Bình An, Dĩ An, Bình Dương	- Xe chỉ huy
3	Bình Dương	Cảng TH Bình Dương	Áp Ngãi Thắng, Xã Bình Thắng, Huyện Dĩ An, Bình An, Dĩ An, Bình Dương	- Cano/Xuồng ứng phó
4	Bình Thuận	Vĩnh Tân 4	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4, Vĩnh Tiến, Vĩnh Tân, Tuy Phong, Bình Thuận	- Phương tiện chuyên dụng ứng phó sự cố dưới nước
5	BR - VT	Ba Son	Cảng Đóng tàu Ba Son, TT. Phú Mỹ, Tân Thành, BR-VT	- Phương tiện chuyên dụng ứng phó sự cố trên cạn
6	BR - VT	Hải Linh - Vũng Tàu	Tổng kho xăng dầu Cái Mép Kho Hải Linh Vũng Tàu, Tân Phước, Tân Thành, BR-VT	- Phao quây dầu chuyên dụng các loại đồng bộ với thiết bị phụ trợ kèm theo
7	BR - VT	Nhiệt điện Phú Mỹ	Đường số 16, TT. Phú Mỹ, Tân Thành, BR-VT	- Bơm hút dầu chuyên dụng các loại, công suất 5 - 30 m ³ /giờ
8	BR - VT	SPPSA	Cảng Container Quốc Tế SP - PSA, TT. Phú Mỹ, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	- Bơm hút hóa chất chuyên dụng các loại, 5 - 25 m ³ /giờ
9	BR - VT	Phú Mỹ	159 Hoàng Việt, TT. Phú Mỹ, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	- Thiết bị dập khói, trung hòa khí hóa độc, bán kính phun phủ 20 - 50m
10	Bạc Liêu	Long Thạnh - PLX Cần Thơ	151, Quốc Lộ 1A, Ấp Phước Thạnh, Xã Long Thạnh, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu,	- Dụng cụ cơ động lưu chứa dầu - hóa chất, dung tích 0.2m ³ - 10 m ³
11	Đồng Nai	Long Thuận	Cảng Tổng hợp KCN Ông Kèo, Phước Khánh, Nhơn Trạch, Đồng Nai	- Thiết bị cơ động xử lý nước nhiễm dầu-hóa chất, công suất 1 - 30 m ³ /giờ
12	Đồng Nai	Cảng Phú Đông	Áp Phú Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai	- Thiết bị chuyên dụng xử lý dầu - hóa chất nhiễm trong đất, nước ngầm
13	Đồng Nai	Cảng Vĩnh Hưng	Cảng Vĩnh Hưng, Ấp Phú Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai	- Thiết bị phun rải chất thấm và phân hủy sinh học dầu, bán kính phun 10 - 50 mét
				- Thiết bị khử khuẩn

Stt	Khu vực	Vị trí	Địa chỉ	Phương tiện ứng cứu
14	Đồng Nai	Pelio - ICD Biên Hòa	Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	chuyên dụng - Thiết bị giám sát dầu - hóa chất lan truyền - Thiết bị đo khí các loại - Trang bị, vật tư thấm hút, lọc tách, làm sạch và xử lý vi sinh - Hệ thống bơm cứu hỏa các loại - Máy phát điện các loại, công suất 1.500 - 20.000 kWh - Hệ thống đèn chiếu sáng khẩn cấp hoạt động bằng điện, ác quy các loại - Bộ đàm chống cháy nổ - Thiết bị lấy mẫu - Loa cầm tay, loa phát thanh công suất lớn sử dụng tại hiện trường sự cố các loại - Trang bị bảo hộ cá nhân cho ứng phó sự cố hóa chất, sự cố tràn dầu - Dụng cụ cảnh báo, thiết lập khu vực hạn chế (biển báo các loại, cọc đứng, cọc cắm, băng cảnh báo, đèn hiệu...)
15	Đồng Nai	Cảng Vopak	KCN Ông Kèo, Phước Khánh, Nhơn Trạch, Đồng Nai	
16	Hậu Giang	Lee & Man	Nhà Máy Giấy Lee & Man Việt Nam, Nam Sông Hậu, Phú Hữu A, Châu Thành, Hậu Giang	
17	Hậu Giang	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Phú Hữu A, Châu Thành, Hậu Giang	
18	HCM	HCM-Q7	10E Bùi Văn Ba, Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	
19	HCM	Xi măng Chinfon HCM	Trạm nghiền Xi măng Chinfon - Hiệp Phước, Đường Số 1, Lô A7, KCN Hiệp Phước, Xã Long Thới, Long Thới, Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	
20	HCM	Xi măng Hạ Long HCM	Đường số 11, Hiệp Phước, Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	
21	HCM	Xi măng Nghi Sơn HCM	Rạch Dộp, Hiệp Phước, Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	
22	HCM	Cảng Xi măng Fico	Trạm nghiền xi măng FiCO, Lô A5b KCN, Long Thới, Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	
23	HCM	Bến Cảng Rau Quả - Cảng Lotus	1 Nguyễn Văn Quỳ, Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	
24	HCM	Cụm Cảng Trường Thọ ICDs	Đ. Số 1, Trường Thọ, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	
25	HCM	VICT	Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	
26	HCM	Nhà máy X51	Huỳnh Tấn Phát, Phú Xuân, Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	
27	HCM	Cảng NAVIOIL	Đường Gò Ô Môi, Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	
28	HCM	Trạm di động	Vùng hoạt động: TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai	

Stt	Khu vực	Vị trí	Địa chỉ	Phương tiện ứng cứu
29	Long An	Cảng Quốc tế Long An	Cảng Long An, Tân Lập, Cần Giuộc, Long An	
30	Ninh Thuận	Cảng Trung Nam Cà Ná	Đường ven biển Ninh Thuận, Phước Diêm, Ninh Phước, Ninh Thuận	
31	Tây Ninh	Cảng Bến Kéo	Cảng Bến Kéo, Long Thành Nam, Hoà Thành, Tây Ninh	



Phụ lục 4

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CÓ NGUY CƠ GÂY Ô NHIỄM THÔNG KÊ THEO PHỤ LỤC XXVIII,
NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2022/NĐ-CP (NƯỚC THẢI)**

(Kèm theo Kế hoạch số 31 /KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
1. MỨC 1 (Lưu lượng nước thải từ 500 m³/ngày trở lên)								
1	Công ty CPHH Vedan Việt Nam	X. Phước Thái, H. Long Thành	02513825111	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	5314	7744	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
2	Công ty TNHH Global Dyeing	KCN Long Thành	02513514050	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	5600	6220	Đầu nối HTXLTT KCN	
3	Công ty TNHH Jungwoo Vina	KCN Dệt may Nhơn Trạch	02513566260	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	4000	6000	Đầu nối HTXLTT KCN	
4	Công ty TNHH Samil Vina	KCN Long Thành	02513514187	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	3805	4892	Đầu nối HTXLTT KCN	
5	Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam	KCN Biên Hòa II	02518890273	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	3517	4317	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
6	Công ty TNHH Hi Knit	KCN Nhơn Trạch VI	0933501880	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	1045,3	3834,5	Đầu nối HTXLTT KCN	
7	Hualon Corporation Viet Nam	KCN Nhơn Trạch II	02513560338	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	2528	3396	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
8	Công ty Ajinomoto Việt Nam	KCN Biên Hòa I, TP. Biên Hòa	02513831289	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	1781	2945	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
9	Nhà máy nhiệt điện đốt than công suất 450MW - Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	02513560309	Nhiệt điện than	1966	2698	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
10	Công ty TNHH Dệt nhuộm Nam Phương	KCN Nhơn Trạch II	02513560070	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	2500	2500	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
11	Công ty TNHH Da Luen VN	KCN Nhơn Trạch II	02513569215	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	2220,9	2460,9	Dầu nổi HTXLT KCN	
12	Công ty TNHH Formosa Taffeta	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	02723871039	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	1147	2169	Dầu nổi HTXLT KCN	x
13	Công ty TNHH Uihwa Việt Nam (LOTECO)	KCN Loteco	02513992552	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	2062,2	2062,2	Dầu nổi HTXLT KCN	
14	Công ty Dae Young Textile Việt Nam	KCN Nhơn Trạch VI	02513686407	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	1298	1978	Dầu nổi HTXLT KCN	
15	Công ty TNHH Dệt May SY Vina	KCN Nhơn Trạch II	02513560563	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	1242	1700	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
16	Công ty TNHH Promax Textile Việt Nam (Cơ sở 1)	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	02513569118	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	585	1449	Dầu nổi HTXLT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
17	Công ty TNHH sản xuất Toàn cầu Lixil Việt Nam	KCN Long Đức	02513681111	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	1395	1395	Đầu nối HTXLT TT KCN	
18	Công ty TNHH Dệt may Thế Hòa	KCN Nhơn Trạch VI	0931100511	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	1394,7	1394,7	Đầu nối HTXLT TT KCN	
19	Công ty TNHH Mowi Việt Nam	KCN Amata	02513936100	Chế biến thủy, hải sản	901,1	1332,4	Đầu nối HTXLT TT KCN	
20	Công ty Cổ phần Dệt Renze	KCN Nhơn Trạch V	02513568622	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	1315,8	1315,8	Đầu nối HTXLT TT KCN	
21	Công ty TNHH Quốc tế Gold Long John Đồng Nai Việt Nam	KCN Nhơn Trạch II	02513569181	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	1000	1200	Đầu nối HTXLT TT KCN	
22	Tổng công ty cao su Đồng Nai - Nhà máy Xuân Lập - An Lộc	P. Xuân Lập, TP. Long Khánh	02513724444	Chế biến mùn cao su	596	1086	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
23	Công ty TNHH Onsemiconductor Việt Nam	KCN Biên Hòa II	02513994252	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	759	1020	Đầu nối HTXLT TT KCN	
24	Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Đồng Nai	KCN Amata	02513936493	Sản xuất bia, nước giải khát có gas	1000	1000	Đầu nối HTXLT TT KCN	x

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
25	Công ty CP sản xuất ngư cụ Ching Fa	KCN Nhơn Trạch II	02513560294	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	868,5	868,5	Dầu nối HTXLTT KCN	
26	Công ty TNHH ILKWANG VINA	KCN Nhơn Trạch I	0349589643	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	400	800	Dầu nối HTXLTT KCN	
27	CN Công ty TNHH dệt Triệu Tài	KCN Dệt May Nhơn Trạch	0903855920	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	800	800	Dầu nối HTXLTT KCN	
28	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hỗ Trợ Dệt & Nhuộm Hàn Quốc	KCN Nhơn Trạch VI	02513569234	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	690	690	Dầu nối HTXLTT KCN	
29	Công ty TNHH Koyu & Unitek	KCN Loteco	02513994780	Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	650	650	Dầu nối HTXLTT KCN	
30	Công ty TNHH Center Power Tech	KCN Nhơn Trạch II	0979367309	Sản xuất pin, ắc quy	397	650	Dầu nối HTXLTT KCN	
31	Công ty TNHH Da Thuộc Wei Tai	KCN Nhơn Trạch III - GP1	02513560886	Sản xuất da (có công đoạn thuộc da); thuộc da	299,2	628,3	Dầu nối HTXLTT KCN	
32	Công ty TNHH Hyundai Welding Vina	KCN Nhơn Trạch V	0251569515	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	331	574	Dầu nối HTXLTT KCN	
33	Công ty TNHH DONGJIN TEXTILE VINA	KCN Loreco	02513993369	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	423,2	572,0548	Dầu nối HTXLTT KCN	
34	Chi nhánh Công ty CP pin Ắc Quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2	KCN Dệt may Nhơn Trạch	02513569968	Sản xuất pin, ắc quy	450	550	Dầu nối HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
35	Công ty HH Cơ khí Động lực Toàn cầu (VIPIC)	KCN Giang Diên	02518966269	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	531,2	531,2	Đầu nối HTXLT TT KCN	
36	Công ty TNHH MTV Concord Textile	KCN Nhon Trạch II	0963060088	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	451	520	Đầu nối HTXLT TT KCN	
37	Công ty TNHH Kum Young Vina	KCN Long Thành	02513514114	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	500	500	Đầu nối HTXLT TT KCN	
2. MỨC 2 (Lưu lượng nước thải từ 200 m³/ngày đến dưới 500 m³/ngày)								
1	Khu liên hiệp xử lý CTRSH-CTRCN-CTNH - Công ty TNHH Cù Lao Xanh	X. Bàu Cạn, H. Long Thành	02513743473	Tái chế, xử lý CTRSH, CTCRCNTT, CTNH	450	450	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
2	Công ty TNHH sợi chỉ Việt Côn	KCN Nhon Trạch II	02513560893	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	445	445	Đầu nối HTXLT TT KCN	
3	Công ty TNHH Olympus Việt Nam	KCN Long Thành	02513514555	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	431,4	431,4	Đầu nối HTXLT TT KCN	
4	Tổng công ty cao su Đồng Nai - Nhà máy Cẩm Mỹ	X. Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ	02513790096	Chế biến mủ cao su	306	418	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
5	Công ty TNHH Ao Zhi Polymers	KCN Nhon Trạch I	0978683905	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	411,5	411,5	Đầu nối HTXLT TT KCN	
6	CÔNG ty TNHH KCC	KCN Nhon Trạch VI	02513514678	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	409	409	Đầu nối HTXLT TT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
7	Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Đồng Nai	X. Trung Hòa, H. Trảng Borm	02513679909	Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	400	400	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
8	Công ty TNHH Fujikura Electronics VN	KCN Loteco	025188900013	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	337,2	375,7	Đầu nối HTXLT TT KCN	
9	Chi nhánh Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy ĐN	KCN Biên Hòa I	02513836116	Sản xuất pin, ắc quy	301	360	Đầu nối HTXLT TT KCN	
10	Công ty TNHH Điện máy Aqua Việt Nam	KCN Biên Hòa II	02513836651	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	61	354	Đầu nối HTXLT TT KCN	
11	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	KCN Biên Hòa I	02513836199	Sản xuất đường từ mía	250	250	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
12	Công ty TNHH Dong Jin Textile Vina	KCN Dệt May Nhon Trạch	02513993369	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	330	330	Đầu nối HTXLT TT KCN	
13	Công ty TNHH Công nghiệp Thiện Mỹ	KCN Hồ Nai	02835128534	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	130	324	Đầu nối HTXLT TT KCN	
14	Công ty Dệt Jomnu (Việt Nam) TNHH	KCN Long Thành	02513514011	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	218,6	291,3	Đầu nối HTXLT TT KCN	
15	Nhà xưởng sơ chế tinh bột khoai mì Mười Tân Hợp Thành	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0937171717	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	264	264	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
16	Công ty TNHH Nhuộm Tân Đại Lợi	KCN Long Thành	02513514179	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	14,6	259,4	Đầu nối HTXLTT KCN	
17	Nhà máy chế biến tinh bột mì Thành Tâm	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	0916750711	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	251,3	251,3	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
18	Công ty TNHH Sản xuất Thun và Nguyên liệu may Premier (Việt Nam)	KCN Nhơn Trạch I	02513560832	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	250	250	Đầu nối HTXLTT KCN	
19	Nhà máy Xử lý Chất thải Công nghiệp và Nguy hại - Chi nhánh Công ty cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên	X. Bàu Cạn, H. Long Thành	02513837281	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	250	250	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
20	Công ty TNHH MTV châu Phúc Thịnh	X. Sông Ray, H. Cẩm Mỹ	02343864071	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	250	250	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
21	Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)	KCN Amata	0251936579	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	205,3	249,1	Đầu nối HTXLTT KCN	
22	Xưởng sơ chế tinh bột khoai mì Phương Hoàng Minh	X. Long Phước, H. Long Thành	02513558515	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	200	200	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
23	Khu liên hiệp xử lý CTRSH - CTRCN - CTNH - Công ty TNHH TM DV Phúc Thiên Long	X. Bàu Cạn, H. Long Thành	02838477757	Tai chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	200	200	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
24	Công ty TNHH MTV chăn nuôi Nam Sơn	X. Sông Ray, H. Cẩm Mỹ	02838943962	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	200	200	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
3. MỨC 3 (Lưu lượng nước thải dưới 200 m³/ngày)								
1	Công ty TNHH Chi May American & Efird Việt Nam	KCN Nhơn Trạch VI	02513566566	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	197	197	Dầu nổi HTXLTT KCN	
2	Công ty TNHH MITSUBA VIỆT NAM	KCN Amata	02513892224	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	118	192	Dầu nổi HTXLTT KCN	
3	Công ty TNHH Nguyệt Đức	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	0977594766	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	190	190	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
4	Công ty TNHH Cấp Điện và Hệ Thống LS Việt Nam	KCN Nhơn Trạch II - Lộc Khang	02513569140	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	187	187	Dầu nổi HTXLTT KCN	
5	Công ty TNHH TMDV Phát Triển Thiên An	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0983478600	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	180	180	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
6	Công ty TNHH An Phát Tiến	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0916794899	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	180	180	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
7	Khu xử lý chất thải Vĩnh Tân - Công ty CP Dịch vụ Sonadezi	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	02518890888	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	180	180	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
8	Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	0838367518	Sản xuất bia, nước giải khát có gas	47	170	Dầu nổi HTXLT TT KCN	
9	Công ty TNHH Viet Hsiang	KCN Bàu Xéo	02513922213	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	157,5	157,5	Dầu nổi HTXLT TT KCN	
10	Công ty TNHH MTV Kim Ngọc Xuyên	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	0919979791	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	150	150	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
11	Khu xử lý chất thải Tây Hòa - Công ty Cổ phần TM Tài Tiến	X. Tây Hòa, H. Trảng Borm	02513940188	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	150	150	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
12	Công ty TNHH Công nghệ Ấc Quy Hengli	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	02513566876	Sản xuất pin, ắc quy	89,5	147	Dầu nổi HTXLT TT KCN	
13	Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng CSB	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	02516270209	Sản xuất pin, ắc quy	98,4	143,1	Dầu nổi HTXLT TT KCN	
14	Công ty TNHH Tokin Electronics VN	KCN Loteco	02513891970	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	143	143	Dầu nổi HTXLT TT KCN	
15	Công ty TNHH Saite power Source Việt Nam	KCN An Phước	0967432232	Sản xuất pin, ắc quy	88	140	Dầu nổi HTXLT TT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
16	Nhà máy xử lý Chất thải thông thường và Nguy hại Vĩnh Tân - Công ty Cổ phần Môi trường Thiên Thanh	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	02838866686	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	140	140	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
17	Công ty Cổ phần chăn nuôi Phú Sơn	X. Bắc Sơn, H. Xuân Lộc	02513869064	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	70	136	Khác	
18	Công ty TNHH Ever Young	KCN Suối Tre	0908057001	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	135,6	135,6	Đầu nối HTXLTT KCN	
19	Công ty TNHH Chăn nuôi Hà Phương	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	0913713576	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	135	135	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
20	Công ty TNHH Anh Khôi	X. Xuân Tâm, H. Xuân Lộc	02518771413	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	130	130	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
21	Công ty Cổ phần mía đường La Ngà	X. La Ngà, H. Định Quán	02513853055	Sản xuất đường từ mía	2,6	123,6	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	x
22	Công ty Tôn Phương Nam	KCN Nhơn Trạch II	02513568479	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	77,2	121	Đầu nối HTXLTT KCN	
23	Công ty TNHH Dầu tư Cao Sơn	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	0933330929	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	120	120	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
24	Công ty HHCN Viet Shuenn	KCN Hồ Nai	02513983948	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	120	120	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
25	Cy TNHH MTV Thuận Tiến Farm (tên cũ Công ty TNHH MTV Vĩ Hằng Bảo Long)	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	0909903033	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	120	120	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
26	Cơ sở Phong Hiền - Giết mổ gia cầm công suất 8.000 con/ngày	X. Bàu Trâm, TP. Long Khánh	-	Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	120	120	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
27	Khu xử lý chất thải Quang Trung - Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	X. Quang Trung, H. Thống Nhất	02518890888	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	118	118	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
28	Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam - Chi nhánh Nhà máy 6 tại Đồng Nai	KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa	02513836251	Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	47,2	116,7	Đầu nối HTXLTT KCN	
29	Công ty TNHH Kyokuo Việt Nam	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	02513566416	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	68,05	113	Đầu nối HTXLTT KCN	
30	Công ty TNHH SMC Manufacturing Việt Nam	KCN Long Đức	02513681345	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	50	110	Đầu nối HTXLTT KCN	
31	Công ty TNHH Hoàng Kim Thanh	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	0967333979	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	110	110	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
32	Công ty Ajinomoto Việt Nam	KCN Long Thành	02513831289	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	78	104	Đầu nối HTXLTT KCN	
33	Công ty TNHH Cấp Tainan Vina	KCN Long Thành	02835140510	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	90	103	Đầu nối HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
34	Công ty TNHH FriwoVN (Nhà máy 1)	KCN Amata	02513891170	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	102	102	Đầu nối HTXLT KCN	
35	Công ty TNHH Hoàng Kim Thanh	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	0967333979	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	80	100	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
36	Công ty TNHH Chemtovina	KCN Nhon Trạch II - Lộc Khang	02513 560 414	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	100	100	Đầu nối HTXLT KCN	
37	Công ty TNHH Phúc Đồng Tâm (tên cũ: Bà Lê Thị Bắc)	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	0918741069	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
38	Công ty cổ phần Lộc Khánh Phát	X. Xuân Tâm, H. Xuân Lộc	0913108071	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
39	Công ty cổ phần An Phú Khánh Năm	X. Xuân Tâm, H. Xuân Lộc	0946427766	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
40	Công ty TNHH Japfa Comfeed	X. Núi Tượng, H. Tân Phú	0723633889	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
41	Công ty TNHH Đình Ngọc	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	0919979791	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
42	Công ty TNHH MTV Hồ Đức Phú	X. Phú Ngọc, H. Định Quán	0973435527	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
43	Công ty TNHH An Khánh Chín	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0918108071	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
44	Công ty TNHH An Lộc Khánh	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	0918741069	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
45	Công ty TNHH MTV Toàn Tâm Uyên	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	0986680990	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
46	Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Phúc An Hưng	X. Bàu Cạn, H. Long Thành	0839245082	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
47	Bà Lê Thị Quế Nam (tên cũ Bà Trần Thị Hoa)	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
48	Công ty TNHH Guyomarch	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	02513881191	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
49	Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	X. Bình Minh, H. Trảng Bom	02513921503	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
50	Công ty TNHH MTV sinh học Đồng Tâm	X. Hưng Thịnh, H. Trảng Bom	02837361333	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
51	Bà Nguyễn Ngọc Linh Phương	X. Sông Thao, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
52	Hộ chăn nuôi Hoàng Văn Tình	X. Sông Thao, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
53	Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	X. Bình Minh, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
54	Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	X. Bình Minh, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
55	Ông Lương Hoàng Minh	X. Thanh Bình, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
56	Công ty TNHH Thủy Hoàng Kim	X. Phú Lý, H. Vĩnh Cửu	02513671191	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
57	Ông Thiệu Đình Nam	X. Phú Lý, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
58	Công ty TNHH Anh Việt Quốc	X. Phú Lý, H. Vĩnh Cửu	0385207775	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
59	DNTN Liên Tiến	T.T. Vĩnh An, H. Vĩnh Cửu	0903004294	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
60	Công ty liên doanh France Hybrides	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	02513900111	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
61	Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	X. Bình Minh, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
62	Công ty TNHH trang trại Trong Khôi	X. Trị An, H. Vĩnh Cửu	0984192076	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
63	Ông Nguyễn Hữu Thằng	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
64	Hộ Kinh doanh trang trại Miền Đông (do ông Nguyễn Minh Kha là chủ hộ kinh doanh)	X. Nam Cát Tiên, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
65	Ông Phạm Nhật Đông	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
66	HKD Lê Nguyễn Thanh Sơn	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
67	Công ty TNHH Dầu tư Hưng Tân Phú	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	0949672779	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
68	Công ty CP Dầu tư Xây dựng Nam Nguyên	X. Núi Tượng, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
69	Bùi Vũ Hoàng Anh	X. Phú Lâm, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
70	Công ty TNHH San Hà	X. Phú Ngọc, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
71	Công ty CP chăn nuôi Phú Ngọc (Đoàn Thị Hồng Bích)	X. Phú Ngọc, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
72	Công ty TNHH Chăn nuôi Pui Long	X. Phú Ngọc, H. Định Quán	02516250268	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
73	Công ty TNHH Nông nghiệp Việt Hà	X. Ngọc Định, H. Định Quán	0987973784	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
74	Công ty TNHH MTV Thương mại A.V.E.R	X. Ngọc Định, H. Định Quán	0937495929	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
75	Công ty TNHH Thương mại sản xuất Me Non (tên cũ Bà Võ Thị Ánh Tuyết)	X. Túc Trung, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
76	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh Hòa	X. Gia Canh, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
77	Lê Văn Khoa	X. Gia Canh, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
78	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hiền	X. Suối Nho, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
79	Ông Trần Văn Toàn	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
80	Ông Bùi Quang Diễm	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
81	XN Nông nghiệp và Dịch vụ Sông Ray	X. Sông Ray, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
82	Bà Đàm Thị Đàm	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
83	Công ty TNHH Chăn nuôi Ngọc Thiên Phúc	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	0919979791	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
84	Ông Nguyễn Văn Thực	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
85	Công ty TNHH nông trại Phạm Gia	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	0903063777	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
86	Công ty TNHH chăn nuôi Hà Phương	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	0965271393	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
87	Công ty TNHH Thuận Phúc Thịnh	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
88	Trại chăn nuôi Lê Chí Nhân (tên cũ: Công ty TNHH MTV Châu Hải Thịnh)	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
89	Trại chăn nuôi Lê Chí Nhân (Công ty TNHH Hồ Phương Nghi)	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
90	Bà Nguyễn Thị Toàn	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
91	Ông Trần Nhơn Hiếu (tên cũ: Công ty TNHH Chăn nuôi Khánh Ngân)	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
92	Công ty TNHH Nông nghiệp Thương mại Khánh Hân (Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Hoa Lư)	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	0313758271	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
93	Công ty TNHH MTV Sơn Thủy Hà	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
94	Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
95	Ông Nguyễn Văn Thực	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
96	Công ty TNHH MTV Tài Phát Nguyên	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0983478600	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
97	Công ty TNHH chăn nuôi Hoàng Quân	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0918741391	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
98	Công ty TNHH Hoàng Kim Thanh (Công ty TNHH Thương mại dịch vụ chăn nuôi Tâm Dũng Nhi)	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0967333979	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
99	Công ty CP chăn nuôi Vạn Thuận	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	02513935419	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
100	Công ty CP nông sản sản Đồng Nai	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	02513899790	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
101	Công ty TNHH Sang Thắng	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0913712078	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
102	Công ty TNHH Cao Minh Quang	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0643 894861	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
103	Công ty TNHH Nguyễn Toàn Tâm	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0978857777	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
104	Ô Nguyễn Thanh Phi Long (Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Kiến Triệu Đồng Nai)	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
105	Công ty Cổ phần Nông nghiệp Vạn Thuận	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	02513935419	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
106	Công ty TNHH Hoàng Kim Thanh	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0967333979	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
107	Cơ sở chăn nuôi công nghệ cao Minh Nhật	X. Xuân Trường, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
108	Công ty CP Chăn nuôi Duy Cường	X. Xuân Trường, H. Xuân Lộc	02513935419	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
109	Công ty TNHH An Phú Khánh Sầu	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0983478600	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
110	Công ty TNHH Chăn nuôi Hà Phương	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0913713576	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
111	Công ty TNHH Emivest (Công ty TNHH MTV Hải Thủy)	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	02742220515	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
112	Công ty TNHH Mai Phúc Xuân Lộc	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0913629328	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
113	Công ty TNHH Chăn nuôi Hà Phương	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0913713576	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
114	Công ty TNHH Chăn nuôi Hà Phương	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0913713576	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
115	Công ty TNHH Chăn nuôi Hà Phương	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0913713576	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
116	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư HN P	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0908008413	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
117	Ông Lê Văn Đồng Khánh	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
118	Công ty TNHH Đại Đông Thành	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0912389485	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
119	Ông Nguyễn Phương Anh	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
120	Bà Võ Thị Mỹ Hoa	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
121	Công ty TNHH Lê Đức Tiến	X. Xuân Trường, H. Xuân Lộc	02513898403	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
122	Công ty TNHH Chăn nuôi Hà Phương	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	0913713576	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
123	Ông Đinh Thanh Hải (Hộ kinh doanh Lương Văn Dũng)	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
124	Công ty TNHH Chăn nuôi Hồng Gấm	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	0848233239	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
125	Bà Bùi Vũ Thị Vi Cẩm Tú	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
126	Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc Bảo	X. Xuân Phú, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
127	Ông Cao Minh Quang	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
128	Hộ Kinh doanh Nguyễn Đại Lâm	X. Xuân Hiệp, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
129	Công ty cổ phần nông sản Đồng Nai	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	02513899790	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
130	Công ty TNHH Vina Gà	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	0914272748	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
131	HTX DV chăn nuôi Xuân Phú	X. Xuân Phú, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
132	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất và Chăn nuôi Thanh Đức	X. Xuân Phú, H. Xuân Lộc	0798270274	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
133	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất và Chăn nuôi Thanh Đức	X. Xuân Phú, H. Xuân Lộc	02518827027	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
134	Công ty TNHH MTV Thủy Trang	X. Xuân Phú, H. Xuân Lộc	0938432348	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
135	Công ty TNHH MTV Hải Thủy	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	0913247497	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
136	Công ty Cổ phần Toàn Khánh Thịnh	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	02518878282	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
137	Công ty cổ phần chăn nuôi Phú Sơn	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	02513869064	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
138	Bà Ngô Thị Huỳnh Nga	X. Xuân Tâm, H. Xuân Lộc		Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
139	Công ty TNHH MTV K&U Trại PS (C.ty Chăn nuôi súc sản TopMill)	X. Xuân Tâm, H. Xuân Lộc	0903838223	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
140	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Dầu tư Phú An (Công ty TNHH Đặng Huỳnh Gia)	X. Xuân Hiệp, H. Xuân Lộc	0915395552	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
141	Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ và Dầu tư Phú An	X. Xuân Hiệp, H. Xuân Lộc	0915395552	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
142	Ông Huỳnh Văn Hoàng (tên cũ: ông Nguyễn Hữu Thủy)	X. Xuân Thọ, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
143	HKD Thu Hiền	X. Xuân Thọ, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
144	Công ty TNHH MTV Thủy Trang	X. Xuân Phú, TP. Long Khánh	0938432348	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
145	Hộ kinh doanh trại chăn nuôi Thanh Minh	TP. Long Khánh, TP. Long Khánh	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
146	Ông Dương Ngân Giang	TP. Long Khánh,	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
147	Công ty TNHH chăn nuôi Bắc Nam	X. Bàu Cạn, H. Long Thành	0707494115	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
148	Ông Nguyễn Hữu Thắng	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
149	Công ty TNHH MTV Trọng Khôi	X. Hiếu Liêm, H. Vĩnh Cửu	0984192076	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
150	Công ty TNHH Huỳnh Gia Phúc	X. Phú An, H. Tân Phú	0913927075	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
151	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Lê Mai	X. Núi Tượng, H. Tân Phú	0913927075	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày, đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
152	HKD Lê Mạnh Cường	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
153	HKD Ngô Thu Hương	X. Phú Điền, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
154	Công ty TNHH Nhật Hùng Phát	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	0918175143	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
155	Công ty TNHH Dầu tư Trường Hưng Thịnh	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	0913916917	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
156	Hộ kinh doanh Trần Thị Thảo (Hộ kinh doanh Võ Duy Vũ)	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
157	Hộ kinh doanh Đỗ Minh Tuấn	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
158	Công ty TNHH Hoàng Kim Thanh	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	0967333979	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
159	Cơ sở chăn nuôi gà Lê Văn Quyết	X. Tân Hiệp, H. Long Thành	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
160	Trại chăn nuôi Nguyễn Tấn Hậu (Hoàng Công Khanh)	X. Tân Hiệp, H. Long Thành	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
161	Cơ sở chăn nuôi gà Hồ Văn Hai	X. Long An, H. Long Thành	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
162	Hộ chăn nuôi Đinh Văn Loan	X. Phước Thái, H. Long Thành	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
163	Cơ sở chăn nuôi Lê Văn Hùng	X. Long An, H. Long Thành	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
164	Hộ kinh doanh cá thè Trần Thị Thanh	X. Long An, H. Long Thành	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
165	Hộ chăn nuôi Hồ Ngọc Thu Vân	X. Long An, H. Long Thành	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
166	Vô Thị Lộc (Nguyễn Hoàng Yên)	X. Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
167	Vũ Thị Thu Thủy	X. Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
168	Phạm Ngọc Thạch	X. Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
169	Lan Chi	X. Lâm San, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
170	Nguyễn Văn Thanh	X. Bảo Bình, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
171	Ngô Văn Tùng	X. Bảo Bình, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
172	Nguyễn Thanh Lươn	X. Bảo Bình, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
173	Huỳnh Ngọc Sơn	X. Xuân Bảo, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
174	Nguyễn Thị Mừng (Trình Khắc Diệp)	X. Xuân Bảo, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
175	Phan Thị Hợi 1	X. Xuân Quế, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
176	Nguyễn Văn Sơn (Phan Thị Hợi 2)	X. Xuân Quế, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
177	Phùng Văn Sơn	X. Xuân Quế, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
178	Mai Văn Rem	X. Xuân Quế, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
179	Bò Thanh Bé	X. Xuân Quế, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
180	Hoàng Văn Phóng	X. Xuân Quế, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
181	Nguyễn Đức Kháng	X. Xuân Đường, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
182	Phạm Thị Lệ Thủy	X. Xuân Đường, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
183	Phạm Văn Hương (Gia công Cty JACFA)	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
184	Nguyễn Văn Lương	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
185	Trương Công Thành (Gia công CP)	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
186	Phạm Thanh Hùng (Gia công JACFA)	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
187	Nguyễn Hoàng Duy (Tư) (Gia công ACFA)	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
188	Trần Công Thành (Gia công Cty CP)	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
189	Nguyễn Quốc Khánh (Gia công Cty JACFA)	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
190	Lưu Thanh Tú	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
191	Phạm Hữu Hùng	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
192	Đoàn Thanh Hải	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
193	Đặng Hoàng Thao	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
194	Tạ Thị Mỹ Hạnh	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
195	Nguyễn Hoàng Chinh	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
196	Mai Văn Thế	X. Sông Nhạn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
197	Vũ Xuân Sỹ	X. Long Giao, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
198	Hà Văn Thắm	X. Long Giao, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
199	Phan Đình Thảo	X. Long Giao, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
200	Cầm Mỹ 1 - Nguyễn Vĩnh Phúc	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
201	Bùi Quang Diễm	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
202	Trần Văn Théo	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
203	Huỳnh Xuân Quang	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
204	Lê Văn Cường	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
205	Huỳnh Ngọc Bích	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
206	Hà Vinh Hiền	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
207	Nguyễn Thị Nhiều	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
208	Hoàng Cao Tùng	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ		Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
209	Hoàng Đức Nguyễn	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
210	Nguyễn Huy Thức	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
211	Hoàng Đức Thụy	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
212	Lê Tiến Toàn	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
213	Hoàng Thanh Quang	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
214	Thương Thị Đẹp	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
215	Nguyễn Cường Quốc (Nguyễn Thị Kim Anh)	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
216	Hà Thị Tuyết Dung (Bảo)	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
217	Tổng Thị Tuyền	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
218	Nguyễn Cảnh Trường (Nguyễn Thị Xuân Dung)	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
219	Nguyễn Thị Nhân	X. Nhân Nghĩa, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
220	GPS2 DN - Cty Làng Sen	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
221	Trại Japfa sinh sản Xuân Tây PSS	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
222	Khởi Nguyên (Kim Hòa)	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
223	Cầm Mỹ 2 SF (CJ)	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
224	Trại đực giống Công ty Greenfeed	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	0723 632 881	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
225	Ngọc Thiên Phúc	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
226	Đỗ Huy Sơn	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
227	Phạm Thị Minh Xuân	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
228	Đàm Thị Đàm (Ngọc Linh)	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
229	Thủy Viên	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
230	Nguyễn Hà Anh Thư	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
231	Trần Minh Phước	X. Thừa Đức, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
232	Ngô Thị Hương	X. Thừa Đức, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
233	Vũ Văn Tồn	X. Thừa Đức, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
234	Cầm Mỹ 1FF	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
235	Cầm Mỹ 1.SF	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
236	Trại Cty Japfa Xuân Đông. PSS	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
237	Cầm Mỹ 4	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
238	Trương Văn Sinh	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
239	Trại bò HTX Vĩnh Cường	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
240	Trần Nhơn Hiếu (GC Cty Vietswan)	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
241	Nguyễn Ngọc Trung	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
242	Phạm Văn Thìn	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
243	Chí Lân Sáng	X. Thanh Bình, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
244	Bùi Quốc Thái	X. Thanh Bình, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
245	Đỗ Trọng Minh	X. Thanh Bình, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
246	Đặng Thị Hiệp	X. Thanh Bình, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
247	Ứng A Công (tạm nghỉ)	X. Thanh Bình, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
248	Đặng Quốc Lượng	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
249	Dương Thanh Hoàng	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
250	Công ty TNHH Sunjin Vina	X. Bàu Hàm, H. Trảng Bom	02517300680	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
251	Trần Thị Kim Nhưng (Trần Bá Tiền cũ)	X. Bàu Hàm, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
252	Nguyễn Thị Tươi (Công ty Emivest thuê)	X. Dồi 61, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
253	Dương Nhịp Sáng (Trần Thị Sen)	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
254	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
255	Nguyễn Lê Phong (Hoàng Khắc Tài)	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
256	Lý Chón Sinh	X. Đông Hòa, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
257	Lê Thị Lê Thu (CJ)	X. Hưng Thịnh, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
258	Trại gà thịt Phạm Văn Thành (Lâm Ngọc Hòa cũ)	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
259	Trại gà giống bố mẹ của Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bình Minh	X. Bình Minh, H. Trảng Bom	0913755984	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
260	Nguyễn Thanh Phi Long 1	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
261	Nguyễn Hoàng Dũng	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
262	Trần Thị Bảo Ngọc (Trần Bá Tiến cũ)	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
263	Nguyễn Tiến Dũng	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
264	Trần Thị Liên	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
265	Dương Thị Thanh Hương	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
266	Hoàng Thị Khuê	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
267	Hoàng Văn Tuế -	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
268	Trần Văn Trường - Gia công CP	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
269	Vũ Văn Quảng (Hoàng văn Diễm cũ)	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
270	Lê Văn Long (Trại gà Trần Bá Lợi cũ)	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
271	Nguyễn Thanh Phi Long (Nguyễn Huỳnh Minh Long cũ)	X. Sông Thao, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
272	Trần Thị Huệ (Phi Long)	X. Sông Thao, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
273	Cty TNHH Grimaud Việt Nam	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
274	Công ty Trang Mai - (Gia công CP số 1)	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
275	Công ty Trang Mai -Đỗ Thị Mai	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
276	Lê Thị Huyền Trang	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
277	Trần quang Ngạn	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
278	Hoàng Thị Lan Anh- Gia công CP	X. Bàu Hàm, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
279	Nguyễn Văn Hải	X. Đông Hòa, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
280	Đinh Văn Duy	X. Đông Hòa, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
281	Phạm Văn Long	X. Sông Thao, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
282	Huỳnh Thanh Sơn	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
283	Nguyễn Văn Sóng	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
284	Nguyễn Ngọc Loan	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
285	Phạm Nguyễn Hoàng Vy	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
286	Nguyễn Thị Nâu	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
287	Bùi Thị Luyến Ân	X. Xuân Phú, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
288	Trương Văn Lắc	X. Xuân Phú, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
289	Trần Cao Khoa	X. Xuân Phú, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
290	Trần Văn Ty	X. Xuân Phú, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
291	Bùi Duy Hoàng	X. Xuân Thọ, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
292	Nguyễn Thị Nga	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
293	Mai Sơn Hà	X. Bảo Hòa, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
294	Bùi Tấn Lên	X. Xuân Tâm, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
295	Sinh Thành	X. Xuân Tâm, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
296	Trần Kiều Lan	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
297	Phạm Thị Phương	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
298	Phạm Thị Hương	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
299	Nguyễn Văn Phước	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
300	Đào Xuân Thủy	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
301	Nguyễn Thị Kim Thanh	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
302	Võ Thị Ánh Tuyết A	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
303	Võ Thị Ánh Tuyết B	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
304	Đỗ Xuân Biên	X. Phú Thanh, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
305	Nguyễn Văn Tường	X. Phú Lộc, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
306	Nguyễn Ngọc Ngang	X. Phú Lộc, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
307	Nguyễn Văn Hùng	X. Phú Lộc, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
308	Nguyễn Văn Thông	X. Phú Lộc, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
309	Nguyễn Thanh Phong	X. Phú Lộc, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
310	Dương Thị Thúy Loan	X. Phú Lộc, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
311	Nguyễn Trúc Định	X. Phú Lộc, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
312	Nguyễn Bảo Lộc	X. Phú Lộc, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
313	Trần Minh Hùng	X. Phú Lộc, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
314	Mai Xuân Triệu	X. Suối Nho, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
315	Nguyễn Thị Thanh Yên	X. Suối Nho, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
316	Trần Văn Tốt	X. La Ngà, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
317	Nguyễn Quốc Hùng	X. La Ngà, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
318	Nguyễn Trần Mạnh	TT. Định Quán, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
319	Phạm Văn Bộ	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
320	Đỗ Thị Tuyết An	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
321	Bùi Thị Mỹ	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
322	Cao Minh Quang	TT. Vĩnh An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
323	Phạm Hồng Phương	X. Thiện Tân, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
324	Khang Minh An	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
325	Nguyễn Ngọc Hiền	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
326	Đào Ngọc Bảo Ngân	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
327	Nguyễn Hòa Hiệp	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
328	Hồ Thị Mỹ (1)	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
329	Nguyễn Văn Ngọc	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
330	Chí Thành	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
331	Âu Thanh Long (1)	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
332	Hồ Thị Mỹ (2)	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
333	Âu Thanh Long (2)	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
334	Thiều Đình Nam	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	100	100	Ước tính	
335	Công ty TNHH MITSUBA Việt Nam	KCN Amata	02513892224	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	56	96	Đầu nối HTXLTT KCN	
336	Công ty TNHH Sản xuất Sunluxe	KCN Nhơn Trạch III - GD1	0899565868	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	16,63	92,86	Đầu nối HTXLTT KCN	
337	Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	090 3394 666	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	62,45	92,6	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
338	Công ty TNHH Vật liệu Màng Sinoma VN	KCN Nhơn Trạch VI	02518823448	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	92	92	Đầu nối HTXLTT KCN	
339	Công ty TNHH Samtec Việt Nam	KCN Long Thành	02513514936	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	90	90	Đầu nối HTXLTT KCN	
340	Chi nhánh Công ty TNHH Murata Manufacturing VN	KCN Biên Hòa II	02513836567	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	85	88	Đầu nối HTXLTT KCN	
341	Nhà máy CADIVI Miền Đông - Thủ Đức	KCN Biên Hòa I	028 3829 9443	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	53	83	Đầu nối HTXLTT KCN	
342	Công ty TNHH công nghệ cao Úc Thái (Việt Nam)	KCN Long Thành	0901235531	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	81,32	81,32	Đầu nối HTXLTT KCN	
343	Công ty TNHH DongYang E&P HCM Vina	KCN Lộc An - Bình Sơn	0313706630	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	78,3	78,3	Đầu nối HTXLTT KCN	
344	Bà Lê Thị Lê Thu	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	78,3	78,3	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
345	Cty TNHH Dệt may Hoàng Long Đồng Nai	KCN Dệt May Nhơn Trạch	0982867889	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	75	75	Đầu nối HTXLTT KCN	
346	Công ty TNHH Kỹ thuật Bueno	KCN Nhơn Trạch III - GD 2	02513569311	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	73	73	Đầu nối HTXLTT KCN	
347	Công ty TNHH King's Grating	KCN Nhơn Trạch II	02513521321	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	31,86	70,93	Đầu nối HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
348	Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam - Chi nhánh nhà máy 2 Tại Đồng Nai	KCN Sông Mây	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	45,05	65,49	Đầu nối HTXLTT KCN	
349	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa, CN Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	KCN Biên Hòa I	02513836142	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phân trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phân trộn, sang chiết)	61	64	Đầu nối HTXLTT KCN	
350	Hộ kinh doanh Lành Thị Triều	X. Bảo Quang, TP. Long Khánh	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	64	64	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
351	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (SOVI) - Phân xưởng xeo giấy	KCN Biên Hòa I	02513836121	Sản xuất bột giấy, sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế hoặc từ sinh khối	64	64	Đầu nối HTXLTT KCN	
352	Công ty TNHH thủy tinh Hongfei	KCN Sông Mây	0911616210	Sản xuất thủy tinh (trừ loại hình sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO)	61	61	Đầu nối HTXLTT KCN	
353	Nhà máy Super phot phát Long Thành - Công ty CP Phân bón Miền Nam	KCN Gò Dầu	02513841188	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phân trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phân trộn, sang chiết)	60	60	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
354	Công ty TNHH Chăn nuôi Khôi Nguyên	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	0368985527	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	50,2	60	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
355	Công ty TNHH Marshall Amplification (Việt Nam)	KCN Nhon Trạch II	02513560278	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	34	60	Đầu nối HTXLTT KCN	
356	Công ty TNHH Trang Trại Hoàng Huy	X. Suối Cao, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	60	60	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
357	Công ty TNHH Delson Technology	KCN Sông Mỹ	02513683175	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	60	60	Đầu nối HTXLTT KCN	
358	Công ty TNHH Thiết bị Tân Tiến Sumiden Việt Nam	KCN Nhon Trạch I	02513936516	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	23,19	59,23	Đầu nối HTXLTT KCN	
359	Công ty TNHH Dechang Việt Nam	KCN Giang Điền	0251368275	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	57,6	57,6	Đầu nối HTXLTT KCN	
360	Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	KCN Long Thành	02513514989	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	53,93	53,93	Đầu nối HTXLTT KCN	
361	Công ty Cổ phần Mạ kẽm công nghiệp VinalVNSteel	KCN Biên Hòa II	02513836661	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	49,5	53	Đầu nối HTXLTT KCN	
362	Công ty TNHH FRIWO VN (NM2)	KCN Amata	02513891170	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	53	53	Đầu nối HTXLTT KCN	
363	Công ty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam - Chi nhánh chăn nuôi tại Đồng Nai	X. Hố Nai 3, H. Trảng Borm	02513789222	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	50	50	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
364	Công ty TNHH Anh Khôi	X. Xuân Hòa, H. Nhơn Trạch	02513771413	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	50	50	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
365	Nhà máy CADIVI Miền Đông - Cơ sở 1 (tên cũ là Xí nghiệp Long Biên)	KCN Biên Hòa I	028 3829 9443	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	28	46	Đầu nối HTXLTT KCN	
366	Hộ kinh doanh Phan Hoàng Long	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	45	45	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
367	Công ty TNHH Bucheon Việt Nam	KCN Long Thành	02253929802	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	44,59	44,59	Đầu nối HTXLTT KCN	
368	Công ty TNHH Elentec HCM Vina	KCN Nhơn Trạch I	02513568201	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	43,57	43,57	Đầu nối HTXLTT KCN	
369	Công ty TNHH Dệt sợi Gi tai	KCN Nhơn Trạch II	02513560370	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	42,9	42,9	Đầu nối HTXLTT KCN	
370	Công ty TNHH Hang Do Vina	KCN Nhơn Trạch I	02513560113	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	41,89	41,89	Đầu nối HTXLTT KCN	
371	Công ty TNHH Woorec Vina	KCN Nhơn Trạch I	02513560860 2	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	40,37	40,37	Đầu nối HTXLTT KCN	
372	Công Ty TNHH Taiyosha Electric Việt Nam	KCN Long Đức	02513681005	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	39	39	Đầu nối HTXLTT KCN	
373	Công ty TNHH Genesis and Focus Industrial	KCN Nhơn Trạch II	02513940666	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	36,1	36,1	Đầu nối HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
374	Phân bón Việt Nhật	KCN Gò Dầu, H. Long Thành	02862905069	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phân trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phân trộn, sang chiết)	26,31	32,55	Đầu nối HTXLTT KCN	
375	Công ty TNHH Mainetti	KCN Long Thành	02513514456	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	32,25	32,25	Đầu nối HTXLTT KCN	
376	Công ty TNHH Sutil Electronics Vina	KCN Long Thành	0797732154	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	7	32	Đầu nối HTXLTT KCN	
377	Công ty TNHH Hirota Precision Việt Nam	KCN Nhơn Trạch I	02513560686	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	15,9	31,9	Đầu nối HTXLTT KCN	
378	Công ty TNHH Hanlim Đồng Nai	KCN Lộc An - Bình Sơn	02513686691	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	31,5	31,5	Đầu nối HTXLTT KCN	
379	Công ty TNHH Promax Textile (Cơ sở 3)	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	02513569118	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	10,73	31	Đầu nối HTXLTT KCN	
380	Công ty TNHH Sebang Battery Vina	KCN Dệt may Nhơn Trạch	0961265372	Sản xuất pin, ắc quy	30	30	Đầu nối HTXLTT KCN	
381	Công ty TNHH Công Nghệ - Điện Tử Nghệ Nhân BOE	KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú	02512860811	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	28	28	Đầu nối HTXLTT KCN	
382	Công ty HH SXGC Việt Sang	KCN Hố Nai	02513987032	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	27	27	Đầu nối HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
383	Công ty TNHH DK VINA	KCN Long Thành	0251 3514337	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	26,69	26,69	Đầu nối HTXLTT KCN	
384	Công ty TNHH Công nghiệp Vietwin	KCN Nhơn Trạch II	02513 894 810	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	12	26	Đầu nối HTXLTT KCN	
385	Công ty TNHH JC Vina	KCN An Phước	02871082424	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	25	25	Đầu nối HTXLTT KCN	
386	Công ty TNHH FRIWO VN (NMM3)	KCN Amata	02513891170	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	23	23	Đầu nối HTXLTT KCN	
387	Công ty TNHH Sam Hwan Vina	KCN Nhơn Trạch V	02513569400	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	22,5	22,5	Đầu nối HTXLTT KCN	
388	Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	KCN Biên Hòa I	02513836142	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp); phân bón hóa học (trừ phân trộn, sang chiết, đóng gói); hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phân trộn, sang chiết)	13,7	22,2	Đầu nối HTXLTT KCN	
389	Công ty TNHH MTV Thuộc Da Rostaing (Việt Nam)	KCN Long Thành	0916769578	Sản xuất da (có công đoạn thuộc da); thuộc da	11	22	Đầu nối HTXLTT KCN	
390	Công ty TNHH Komet Vina	KCN Sông Mỹ	02513673689	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	22	22	Đầu nối HTXLTT KCN	
391	Công ty CP Môi trường Quốc Đại Thành	X. Quang Trung, H. Thống Nhất	02513895383	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	21,08	21,08	Đầu nối HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
392	Công ty TNHH Giấy Tiến Nam	KCN Biên Hòa I	0904719799	Sản xuất bột giấy, sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế hoặc từ sinh khối	11	21	Dầu nối HTXLTT KCN	
393	Công ty TNHH Jìn Huei	KCN Long Thành	02513514250	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	20,12	20,12	Dầu nối HTXLTT KCN	
394	Công ty TNHH MTV Thanh Tùng 2 - Nhà máy xử lý CTNH	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	02518826526	Tái chế, xử lý CTRSH, CTCRCNTT, CTNH	20	20	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
395	Công ty TNHH Do Sung Machinery Vina (thuê nhà xưởng số 10)	KCN Long Thành	02513682367	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	19,99	19,99	Dầu nối HTXLTT KCN	
396	Công ty TNHH Điện cơ Teco	KCN Long Thành	02513514108	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	19,87	19,87	Dầu nối HTXLTT KCN	
397	Công ty Cổ phần Q.M.T JP Plastic	KCN Hồ Nai, H. Trảng Bom	0785555999	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	19	19	Dầu nối HTXLTT KCN	
398	Công ty TNHH Tian-Power Technology	KCN An Phước, H. Long Thành	02513894810	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	18,2	18,2	Dầu nối HTXLTT KCN	
399	Công ty TNHH INGGUANG Đồng Nai VN	KCN Amata	0983585685	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	14	16	Dầu nối HTXLTT KCN	
400	Công ty TNHH điện cơ ChenHo	KCN Hồ Nai, H. Trảng Bom	02513671768	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	16	16	Dầu nối HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
401	Công ty TNHH Sundat Crop Science	KCN Amata	02513936456	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phốt triton, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phốt triton, sang chiết)	15	15	Đầu nối HTXLT TT KCN	
402	Công ty TNHH group Intellect power echnology Việt Nam	KCN Long Khánh	0949458920	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	15	15	Đầu nối HTXLT TT KCN	
403	Công ty TNHH Kugil Vina	KCN Lộc An - Bình Sơn	02513683927	Sản xuất thủy tinh (trừ loại hình sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO)	0,33	13,96	Đầu nối HTXLT TT KCN	
404	Công ty Cổ Phần Năng Lương Đồng Nai - Nhà máy Xử lý rác Định Quán	X. Túc Trung, H. Định Quán	02862905659	Tái chế, xử lý CTRSH, CTCRCNTT, CTNH	6,9	13,6	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
405	Công ty TNHH Thiết Bị Điện Shihlin	KCN Hố Nai	0848233239	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	12,73	12,73	Đầu nối HTXLT TT KCN	
406	Công ty TNHH MTV Quang Vinh Việt	X. Xuân Trường, H. Xuân Lộc	0848233239	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	12	12	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
407	Nhà máy hóa chất Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	KCN Biên Hòa I	02513836142	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phốt triton, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phốt triton, sang chiết)	5,7	11,5	Đầu nối HTXLT TT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
408	Công ty CP GreenFeed VN - Chi nhánh giống Cẩm Mỹ	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	0723 632 881	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	9,4	11,4	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
409	Công Ty TNHH Nagae Việt Nam	KCN Long Đức	02513681178	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	11	11	Dầu nói HTXLTT KCN	
410	Công ty TNHH Dệt Nhuộm Qiaotaixing Việt Nam	KCN Nhơn Trạch VI, H. Nhơn Trạch	02513566399	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	11	11	Dầu nói HTXLTT KCN	
411	Công ty TNHH UPL Việt Nam	KCN Amata	02513936380	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phốt trôn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phốt trôn, sang chiết)	5	10	Dầu nói HTXLTT KCN	
412	Công ty TNHH Japfa Comfeed Long An	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	0723633889	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	10	10	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
413	Cơ sở chăn nuôi Phạm Thị Minh Xuân	X. Xuân Tây, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	10	10	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
414	Hệ kinh doanh Nguyễn Thanh Phi Long	X. Cây Gáo, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	10	10	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
415	Doanh nghiệp tư nhân Long Đình	X. Tân Hiệp, H. Long Thành	0986320345	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	10	10	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
416	Công ty TNHH MTV Thiết bị Điện LiOA Đồng Nai	KCN Biên Hòa II	02513834945	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	6	9	Dầu nối HTXLTT KCN	
417	Công ty Kobelco Eco - Solutions VN - Chi nhánh Đồng Nai (nhà máy Long Đức)	KCN Long Đức, H. Long Thành	02513201050	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	9	9	Dầu nối HTXLTT KCN	
418	Công ty CP Tầm lợp VLXD Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch	KCN Ông Kèo	02513570030	Sản xuất xi măng	2,19	8,45	Dầu nối HTXLTT KCN	
419	Công ty TNHH Glotec Vina (thuế xuất số 32, 33)	KCN Long Thành	02513514263	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	6,81	6,81	Dầu nối HTXLTT KCN	
420	Toshiba Industrial Products Asia Co.,Ltd.	KCN Amata	02513936969	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	6,5	6,5	Dầu nối HTXLTT KCN	
421	Công ty TNHH Con Cò Vàng	KCN Gò Dầu	02838466513	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	6,4	6,43	Dầu nối HTXLTT KCN	
422	Công ty TNHH CGH Technology VN (thuế nhà xưởng Công ty CP An Thịnh DN)	KCN Giang Điền	02513678899	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	6,4	6,4	Dầu nối HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
423	Công ty TNHH Nakagawa Denka Đồng Nai	KCN Nhơn Trạch V	0251 569077	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	6,2	6,2	Dầu nổi HTXLTT KCN	
424	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	KCN Long Thành	02838299443	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	6	6	Dầu nổi HTXLTT KCN	
425	Công ty TNHH Siam City Cement - Chi nhánh Đồng Nai	KCN Ông Kèo, H. Nhơn Trạch	02873017018	Sản xuất xi măng	3,7	5,9	Dầu nổi HTXLTT KCN	
426	Công ty TNHH Sejin Optical	KCN Long Thành	02513514335	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	5,65	5,65	Dầu nổi HTXLTT KCN	
427	Công ty Cổ phần Sametel	KCN Long Thành	02835513733	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	5,6	5,6	Dầu nổi HTXLTT KCN	
428	Công ty TNHH Best Sun Technology	KCN Long Thành	02513514080	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	5,03	5,03	Dầu nổi HTXLTT KCN	
429	Công ty Cổ phần Sáng Tạo Số Khang Nhiên	KCN Nhơn Trạch III - GĐ 1	0888829869	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	5	5	Dầu nổi HTXLTT KCN	
430	Công ty TNHH Chiêu Việt Đại	KCN Sông Mỹ	02518971380	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	4,2	4,2	Dầu nổi HTXLTT KCN	
431	Công ty TNHH Iden Việt Nam	KCN Giang Điền	02513681682	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	3,2	3,2	Dầu nổi HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
432	Công ty TNHH Dệt sợi Zara	KCN Bàu Xéo	0949581934	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	3	3	Đầu nối HTXLTT KCN	
433	Công ty TNHH Thép An Khánh - Chi nhánh Đồng Nai	X. Sông Trầu, H. Trảng Bom	02438852184	Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phối nguyên liệu)	2	2	Xả nước thải đã xử lý ra môi trường	
434	Xí nghiệp Epic Designers VN	KCN Xuân Lộc	02513897707	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	2	2	Đầu nối HTXLTT KCN	
435	CTY TNHH Shiba Vina	KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú	02513521171	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	1,5	1,5	Đầu nối HTXLTT KCN	
436	Công ty TNHH Đại Lam Sơn	KCN Tam Phước	0968443588	Tài chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	1,2	1,4	Đầu nối HTXLTT KCN	
437	Công ty TNHH Công nghệ Quang Điện tử Miền	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	0792092516	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	1	1	Đầu nối HTXLTT KCN	
438	Công ty TNHH Nitto Densen Kogyo Việt Nam	KCN Nhơn Trạch III - GD 1	02513686942	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	1	1	Đầu nối HTXLTT KCN	
439	Công ty TNHH Beliveilight Electronics (Việt Nam)	KCN Sông Máy	02513682965	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	1	1	Đầu nối HTXLTT KCN	
440	Công ty Cổ phần Điện cơ Đồng Nai	KCN Biên Hòa I	02513836096	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	1	1	Đầu nối HTXLTT KCN	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
441	Công ty TNHH J.Y.S Việt Nam	KCN Nhom Trạch II - Nhom Phú	025136820604	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	1	1	Đầu nối HTXLT TT KCN	
442	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	KCN Biên Hòa I	02839253352	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	1	1	Đầu nối HTXLT TT KCN	
443	Công ty TNHH Điện Công Nghiệp Oriental Việt Nam (OEIC)	KCN Biên Hòa II	02513836411	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	1	1	Đầu nối HTXLT TT KCN	
444	Công ty TNHH SEONG JI Sài Gòn	KCN Biên Hòa II	02513831722	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	1	1	Đầu nối HTXLT TT KCN	
445	Công ty TNHH Samtec Việt Nam (thuê xưởng số 45)	KCN Long Thành	02513514936	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	0,95	0,95	Đầu nối HTXLT TT KCN	
446	Công ty TNHH SOWELL Việt Nam	KCN Nhom Trạch III - GD 1	02513566668	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	0,9	0,9	Đầu nối HTXLT TT KCN	
447	Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản An Phát	KCN Armata	02518899789	Chế biến thủy, hải sản	0,06	0,06	Đầu nối HTXLT TT KCN	
448	Công ty TNHH Một thành viên nhà máy sản xuất Cồn Tùng Lâm	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	02513750888	Sản xuất cồn công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
449	HKD Đỗ Thị Minh Tuyết	X. Trung Hòa, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
450	Công ty TNHH MTV Trang trại Lam Phương	X. Phú Ngọc, H. Định Quán	09833336179	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
451	Công ty TNHH An Phú Xuân (Công ty TNHH MTV Toàn Tâm Uyên)	X. Xuân Đông, H. Cẩm Mỹ	0942 076 076	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
452	Cơ sở chăn nuôi Duy Cường	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
453	Công ty TNHH MTV Nhung Phương	X. Xuân Trường, H. Xuân Lộc	0913809896	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
454	Công ty TNHH An Phát Tám	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0918741069	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
455	Công ty TNHH MTV Huy Hoàn Quân	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0913728910	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
456	Công ty TNHH An Phát Tám	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0918741069	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
457	Công ty TNHH An Phú Khánh Bảy	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0918741069	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
458	Công ty cổ phần đầu tư Lộc An	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	028 3897 7777	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
459	Công ty TNHH An Phát Tám	X. Xuân Hòa, H. Xuân Lộc	0918741069	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m³/ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
460	Công ty TNHH Dầu tư Nam Phú Xuân	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	0983740720	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
461	Công ty TNHH Anh Khôi	X. Xuân Tâm, H. Xuân Lộc	02513 8771413	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
462	Công ty cổ phần đầu tư Lộc An	X. Xuân Tâm, H. Xuân Lộc	028 3897 7777	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
463	Công ty TNHH thức ăn gia súc Lái Thiêu - Chi nhánh Đồng Nai	X. Hưng Lộc, H. Xuân Lộc	02513686129	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
464	Công ty Cổ phần nông nghiệp Velmar-Chi nhánh PK2	X. Phú Lý, H. Vĩnh Cửu	02513862757	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
465	Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred	X. Phú Lý, H. Vĩnh Cửu	0251862757	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
466	Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred-Trại PK1	X. Phú Lý, H. Vĩnh Cửu	0251862757	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
467	Công ty Cổ phần chăn nuôi Velbred - Trại GP2	X. Phú Lý, H. Vĩnh Cửu	0251862757	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
468	Công ty TNHH Sản xuất Chăn nuôi Phú Lễ	X. Phú Lý, H. Vĩnh Cửu	02513896525	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
469	Công ty TNHH Nông nghiệp Bình An Phát	X. Phú Ngọc, H. Định Quán	0325733788	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
470	Công ty TNHH MTV XD TM DV Nam Việt Hoàng (là Công ty TNHH Trần Minh Sơn)	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0938896396	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
471	Ông Nguyễn Văn Ngọc	X. Xuân Trường, H. Xuân Lộc	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
472	Công ty TNHH Sa Hoàng	X. Xuân Thành, H. Xuân Lộc	0903657373	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
473	Công ty TNHH An Phú Khánh Sầu	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0983478600	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
474	Công ty TNHH Chăn nuôi Phương Anh	X. Xuân Hưng, H. Xuân Lộc	0963247497	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
475	Công ty Cổ phần chăn nuôi An Phú Khánh	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	0913108071	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
476	Công ty TNHH Hà Bảo Huy	X. Xuân Hiệp, H. Xuân Lộc	0383015899	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
477	Bà Huỳnh Kim Thủy	X. Hưng Lộc, H. Thống Nhất	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tải sử dụng 100% nước thải sau xử lý	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo PL II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Lưu lượng xả nước thải từ 2018 - 2022 (m ³ /ngày.đêm)		Phương thức xả thải	Đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động
					GTNN	GTLN		
478	Công ty TNHH MTV An Phương Tâm	X. Xuân Bắc, H. Xuân Lộc	02513843767	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
479	Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	0913101012	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
480	Công ty TNHH Một thành viên Hà Đức Toàn	X. Xuân Trường, H. Xuân Lộc	0937793327	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
481	Hộ kinh doanh Vũ Hồng Phong	X. Túc Trung, H. Định Quán	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
482	Hộ kinh doanh Chăn nuôi gà Mai Linh	X. Thanh Bình, H. Trảng Bom	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
483	Hộ kinh doanh Tạ Trung Quảng	X. Tân An, H. Vĩnh Cửu	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
484	Hộ kinh doanh Lâm Thị Lan Chi	X. Lâm Sơn, H. Cẩm Mỹ	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
485	Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Hải	X. Phú Lâm, H. Tân Phú	-	Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	0	0	Tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý	
TỔNG SỐ CƠ SỞ		546						



Phụ lục 5
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CÓ NGUY CƠ GÂY Ô NHIỄM THÔNG KÊ THEO PHỤ LỤC XXIX,
NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2022/NĐ-CP (KHÍ THẢI)
(Kèm theo Kế hoạch số 31 /KH-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/NĐ-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
1. Sản xuất thủy tinh (trừ loại hình sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO)									
1	Công ty TNHH thủy tinh Hongfei	KCN Sông Mây, H.Trảng Bom	0911616210	Sản xuất thủy tinh (trừ loại hình sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	45	m ³ /giờ	
2. Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phối nguyên liệu)									
1	Công ty TNHH Thép An Khánh - Chi nhánh Đồng Nai	X. Sông Trà, H.Trảng Bom	0338037676	Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phối nguyên liệu)	Lò điện hồ quang (EAF), lò điện cảm ứng (lò trung tần), lò tinh luyện (LF)	I	190.000	m ³ /giờ	
3. Sản xuất bột giấy, sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế hoặc từ sinh khối									
1	Công ty TNHH Giấy Tiên Nam	KCN Biên Hòa 1	0904719799	Sản xuất bột giấy, sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế hoặc từ sinh khối	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	III	20.000	m ³ /giờ	
4. Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)									
1	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - CN Công ty Cổ phần Hóa chất	KCN Biên Hòa 1	02513836142	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang	Thiết bị sản xuất axit sulfuric	III	36.000	m ³ /giờ	
					Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không	III	26.800	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
	Cơ bản Miền Nam			chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	quy định trong Phụ lục XXIX				
2	Nhà máy hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	KCN Biên Hòa 1	02518826527	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	Thiết bị sản xuất axit sulfuric	III	5.000	m ³ /giờ	
					Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	35.000	m ³ /giờ	
3	Nhà máy hóa chất Đồng Nai - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	KCN Biên Hòa 1	02513836142	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	Thiết bị sản xuất axit phosphoric	III	4.300	m ³ /giờ	
					Thiết bị đốt, nung, nung chảy sử dụng nhiên liệu dầu FO, than	III	2.000	m ³ /giờ	
4	Phân bón Việt Nhật	KCN Gò Dầu	02862905069	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	282.800	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
5	Công ty TNHH Sundat Crop Science	KCN Amata	02513936456	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	5.000	m ³ /giờ	
6	Công ty TNHH UPL Việt Nam	KCN Amata	02513936380	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón hóa học (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), hóa chất bảo vệ thực vật (trừ phối trộn, sang chiết)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	4.405	m ³ /giờ	

5. Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)

1	Công ty TNHH Global Dyeing	KCN Long Thành	02513514050	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	I	131.138	m ³ /giờ	
2	Công ty Dae Young Textile Việt Nam	KCN Nhơn Trạch 6	02513686407	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	I	130.000	m ³ /giờ	
					Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	19.600	m ³ /giờ	

Sit	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/NĐ-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
3	Công ty TNHH Jungwoo Vina	KCN Dệt may Nhơn Trạch	02513566264	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	I	120.000	m ³ /giờ	
4	Công ty TNHH Samil Vina	KCN Long Thành	02513514187	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	II	68.315	m ³ /giờ	
5	Công ty TNHH Promax Textile (Cơ sở 3)	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	02513569118	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	II	72.000	m ³ /giờ	
6	Công ty TNHH Dệt May SY Vina	KCN Nhơn Trạch 2	02513560563	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	II	67.772	m ³ /giờ	
7	Công ty TNHH MTV Concord Textile	KCN Nhơn Trạch 2	-	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	II	60.000	m ³ /giờ	
					Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	27.500	m ³ /giờ	
8	Công ty TNHH Da Luen VN	KCN Nhơn Trạch 2	02513569215	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	III	45.237	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/NĐ-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
9	Công ty TNHH DONGJIN TEXTILE VINA	KCN Loteco	02513993369	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	44.400	m ³ /giờ	
10	Công ty TNHH Promax Textile Việt Nam (Cơ sở 1)	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	02513569118	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	III	36.000	m ³ /giờ	
11	Công ty TNHH Quốc tế Gold Long John Đồng Nai Việt Nam	KCN Nhơn Trạch 2	02513569181	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	III	21.436	m ³ /giờ	
12	Công ty TNHH Hi Knit	KCN Nhơn Trạch 6	0933501880	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	III	21.137	m ³ /giờ	
13	Công ty TNHH ILKWANG VINA	KCN Nhơn Trạch 1		Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	III	17.278	m ³ /giờ	
14	Công ty TNHH Kum Young Vina	KCN Long Thành	0349589643	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	III	9.259	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/NĐ-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
15	Công ty Dệt Jomun (Việt Nam) TNHH	KCN Long Thành	02513514011	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	20.928	m ³ /giờ	
16	Công ty TNHH Chỉ May American & Efrid Việt Nam	KCN Nhơn Trạch 6	02513566566	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	8.993	m ³ /giờ	
17	CN CÔNG TY TNHH dệt Triệu Tài	KCN Dệt May Nhơn Trạch	0903855920	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	700	m ³ /giờ	
18	Công ty TNHH Dong Jin Textile Vina	KCN Dệt May Nhơn Trạch	02513993369	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	11.025	m ³ /giờ	
19	Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hồ Trơ Dệt & Nhuộm Hàn Quốc	KCN Nhơn Trạch 6	02513569234	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	3.985	m ³ /giờ	
20	Công ty TNHH Dệt may Thế Hòa	KCN Nhơn Trạch 5	0931100511	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	72.000	m ³ /giờ	
21	Hualon Corporation Viet Nam	KCN Nhơn Trạch 2	02513560338	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	36.497	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
22	Công ty TNHH Formosa Tafteta	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	02723871039	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi)	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	25.000	m ³ /giờ	
6. Sản xuất da (có công đoạn thuộc da); thuộc da									
1	Công ty TNHH Da Thuộc Wei Tai	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	02513560886	Sản xuất da (có công đoạn thuộc da); thuộc da	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	159.835	m ³ /giờ	
2	Công ty TNHH MTV Thuộc Da Rostaing (Việt Nam)	KCN Long Thành		Sản xuất da (có công đoạn thuộc da); thuộc da	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	20.000	m ³ /giờ	
8. Nhiệt điện than; Sản xuất than cốc; Khí hóa than									
1	Nhà máy nhiệt điện đốt than công suất 450MW - Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1, H. Nhơn Trạch	0916769578	Nhiệt điện than	Thiết bị đốt (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt, dầu DO)	I	450	MW	x
9. Tái chế, xử lý CTRSH, CTCRCNTT, CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất									
1	Công ty TNHH sản xuất Toàn cầu Lixil Việt Nam	KCN Long Đức	02513681111	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Thiết bị đốt, nung, nung chảy	I	131.520	m ³ /giờ	x

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
					Thiết bị, lò nung nấu tái chế chì	I	3.300	kg/giờ	x
2	Nhà máy xử lý Chất thải thông thường và Nguy hại Vĩnh Tân - Công ty Cổ phần Môi trường Thiên Thanh	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cửu	02838866686	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Lò đốt chất thải nguy hại; lò đốt chất thải y tế	I	2.000	kg/giờ	x
3	Khu liên hiệp xử lý CTRSH- CTRCN- CTNH - Công ty TNHH Cù Lao Xanh	X. Xuân Tân, H. Xuân Lộc	02513743473	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Lò đốt chất thải nguy hại; lò đốt chất thải y tế	I	2.000	kg/giờ	
					Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	1.502	m ³ /giờ	
4	Công ty Cổ Phần Năng Lượng Đồng Nai - Nhà máy Xử lý rác Đỉnh Quán	X. Túc Trung, H. Đỉnh Quán	02862905659	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt; lò đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường	II	3.000	kg/giờ	
					Thiết bị đốt, nung, nung chảy	III	3.219	m ³ /giờ	
5	Công ty CP Môi trường Quốc Đại Thành	X. Quang Trung	02513895383	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Lò đốt chất thải nguy hại; lò đốt chất thải y tế	II	1.000	kg/giờ	
6	Khu xử lý chất thải Quang Trung - Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	X. Quang Trung, H. Thống Nhất	02518890888	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Lò đốt chất thải nguy hại; lò đốt chất thải y tế	II	1.000	kg/giờ	
					Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	137.136	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/NĐ-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
7	Nhà máy Xử lý Chất thải Công nghiệp và Nguy hại - Chi nhánh Công ty cổ phần Môi trường Tản Thiên Nhiên	X. Bàu Cạn, H. Long Thành	02513837281	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Lò đốt chất thải nguy hại; lò đốt chất thải y tế Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	II III	1.000 142.036	kg/giờ m ³ /giờ	x
8	Khu liên hiệp xử lý CTRSH - CTRCN - CTNH - Công ty TNHH TM DV Phúc Thiên Long	X. Bàu Cạn, H. Long Thành	02838477757	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Lò đốt chất thải nguy hại; lò đốt chất thải y tế Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	II III	1.000 62.600	kg/giờ m ³ /giờ	
9	Công ty TNHH MTV Thanh Tùng 2 - Nhà máy xử lý CTNH	X. Vĩnh Tân, H. Vĩnh Cù	02518826526	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Lò đốt chất thải nguy hại; lò đốt chất thải y tế	II	600	kg/giờ	
10	Công ty TNHH MTV TM Môi trường Thiên Phước - Khu xử lý chất thải Xuân Mỹ	X. Xuân Mỹ, H. Cẩm Mỹ	02513997461	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Lò đốt chất thải nguy hại; lò đốt chất thải y tế	II	1.000	kg/giờ	
11	Công ty TNHH Đại Lam Sơn	KCN Tam Phước	0968443588	Tái chế, xử lý CTRSH, CTRCNTT, CTNH	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	1.000	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, NĐ 08/2022/NĐ-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
12	Công ty TNHH Mainetti	KCN Long Thành	02513514456	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	60.000	m ³ /giờ	
13	Công ty Kobelco EcoSolutions VN - Chi nhánh Đồng Nai (nhà máy Long Đức)	KCN Long Đức	02513201052	Tái chế, xử lý CTNH; phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	167.760	m ³ /giờ	

10. Máy có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất

1	Công ty Tôn Phương Nam	KCN Nhơn Trạch 2	02513568479	Máy có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	II	75.000	m ³ /giờ	
2	Công ty TNHH Hyundai Welding Vina	KCN Nhơn Trạch 5	0251569515	Máy có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	262.000	m ³ /giờ	
3	Công ty TNHH SMC Manufacturing Việt Nam	KCN Long Đức	-	Máy có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	119.700	m ³ /giờ	
4	Công ty TNHH Công nghiệp Thiện Mỹ	KCN Hố Nai	02835128534	Máy có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	45.000	m ³ /giờ	
5	Công ty TNHH Hirota Precision Việt Nam	KCN Nhơn Trạch 1	02513560686	Máy có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	5.000	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
6	Công ty TNHH Việt Hsiang	KCN Bàu Xéo	02513922213	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	91.000	m ³ /giờ	
7	Công ty TNHH VP Components (Việt Nam)	KCN Amata, TP. Biên Hòa	0251936579	Mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	20.000	m ³ /giờ	

11. Sản xuất pin, ắc quy

1	Công ty TNHH Center Power Tech	KCN Nhơn Trạch 2	0979367309	Sản xuất pin, ắc quy	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	992.000	m ³ /giờ	
2	Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng CSB	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	02516270209	Sản xuất pin, ắc quy	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	841.580	m ³ /giờ	
3	Chi nhánh Công ty CP pin Ắc Quy Miền Nam - Xi nghiệp Ắc Quy Đồng Nai 2.	KCN Dệt may Nhơn Trạch	02513569968	Sản xuất pin, ắc quy	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	660.000	m ³ /giờ	
4	Công ty TNHH Công nghệ Ắc Quy Hengli	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	02513566876	Sản xuất pin, ắc quy	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	475.000	m ³ /giờ	
5	Công ty TNHH power Source Việt Nam	KCN An Phước	0967432232	Sản xuất pin, ắc quy	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	315.400	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
6	Công ty TNHH Sebang Battery Vina	KCN Dệt may Nhơn Trạch	0961265372	Sản xuất pin, ắc quy	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	36.000	m ³ /giờ	
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam - Xi nghiệp Ắc quy Đồng Nai	KCN Biên Hòa 1	02513569968	Sản xuất pin, ắc quy	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	24.016	m ³ /giờ	
12. Sản xuất xi măng									
1	Công ty TNHH Siam City Cement - Chi nhánh Đồng Nai	KCN Ông Kèo	02873017018	Sản xuất xi măng	Thiết bị làm nguội clinker, nghiền than, nghiền xi măng	I	189.000	m ³ /giờ	x
					Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	39.000	m ³ /giờ	
2	Công ty CP Tấm lợp VLXD Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch	KCN Ông Kèo	02513570030	Sản xuất xi măng	Thiết bị làm nguội clinker, nghiền than, nghiền xi măng	III	8.047	m ³ /giờ	
					Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	25.733	m ³ /giờ	
13. Chế biến mù cao su									
1	Tổng công ty cao su Đồng Nai - Nhà máy Xuân Lập - An Lộc	P. Xuân Lập, TP. Long Khánh	02513724444	Chế biến mù cao su	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	19.888	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
-----	--------------------	-----------------	---------------	--	---------------------------------------	-----------------------------------	---	--------	--------------------------

14. Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt; Sản xuất bia, nước giải khát có gas; Sản xuất cồn công nghiệp

1	Công ty Ajinomoto Việt Nam (BH)	KCN Biên Hòa 1	02513831289	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	225.680	m ³ /giờ	x
2	Công ty Ajinomoto Việt Nam (Long Thành)	KCN Long Thành	02513831289	Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	6.051	m ³ /giờ	
3	Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	0838367518	Sản xuất bia, nước giải khát có gas	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	1.741	m ³ /giờ	
4	Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Đồng Nai	KCN Amata	02513936493	Sản xuất bia, nước giải khát có gas	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	5.817	m ³ /giờ	
5	Công ty CPHH Vedan Việt Nam	X. Phước Thái, H. Long Thành	02513825111	Nhiệt điện than	Thiết bị đốt (từ nhà máy nhiệt điện sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt, dầu DO)	I	60	MW	x
				Sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	746.240	m ³ /giờ	

15. Sản xuất đường từ mía

1	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	KCN Biên Hòa, TP. Biên Hòa	02513836199	Sản xuất đường từ mía	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	II	60.000	m ³ /giờ	x
---	---	----------------------------	-------------	-----------------------	--	----	--------	---------------------	---

Sst	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
16. Chế biến thủy, hải sản; Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp; Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp									
1	Công ty TNHH Koyu & Unitek	KCN Loteco	02513994780	Giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	12.000	m ³ /giờ	
17. Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử									
1	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	KCN Long Thành	02838299443	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	III	4.000	m ³ /giờ	
2	Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam	KCN Biên Hòa 2	02518890273	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	428.400	m ³ /giờ	
3	CÔNG ty TNHH KCC	KCN Nhơn Trạch 6	02513514678	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	245.164	m ³ /giờ	
4	Công ty TNHH MTV Thiết bị Điện LIOA Đồng Nai	KCN Biên Hòa 2	02513834945	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	75.000	m ³ /giờ	
5	Công ty TNHH ONSEMCONDU CTOR Việt Nam	KCN Biên Hòa 2	02513994252	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	66.780	m ³ /giờ	
6	Công ty TNHH FRIWO VN (Nhà máy 1)	KCN Arnata	02513891170	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	61.000	m ³ /giờ	
7	Công ty TNHH Fujikura Electronics VN	KCN Loteco	02518890001	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	58.320	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
8	Công ty TNHH MITSUBA Việt Nam (AMATA)	KCN Amata	02513892224	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	21.213	m ³ /giờ	
9	Công ty TNHH FRIWO VN (Nhà máy 2)	KCN Amata	02513891170	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	19.600	m ³ /giờ	
10	Công ty TNHH FRIWO VN (Nhà máy 3)	KCN Amata	02513891170	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	10.800	m ³ /giờ	
11	Công ty TNHH Kyokuto Việt Nam	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	02513566416	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	4.332	m ³ /giờ	
12	Công ty TNHH I-dén Việt Nam	KCN Giang Điền	02513681682	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	3.993	m ³ /giờ	
13	Công ty TNHH MITSUBA Việt Nam (LOTECO)	KCN Loteco	02513892224	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	3.376	m ³ /giờ	
14	Công ty TNHH Thiết bị Tàn Tiến Suniden Việt Nam	KCN Nhơn Trạch 1	02513936516	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	3.027	m ³ /giờ	
15	Công ty TNHH Nitto Densen Kogyo Việt Nam	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	02513686942	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	2.500	m ³ /giờ	
16	Công ty TNHH Điện máy Aqua Việt Nam	KCN Biên Hòa 2	02513836651	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	1.200	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
17	Toshiba Industrial Products Asia Co., Ltd.	KCN Amata	02513936969	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXXIX	III	138.600	m ³ /giờ	
18	Công ty TNHH Vật Liệu Mạng Sinoma Việt Nam	KCN Nhơn Trạch 6	02518823448	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXXIX	III	20.800	m ³ /giờ	
19	Công ty TNHH JC Vina	KCN An Phước	02871082424	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXXIX	III	40	m ³ /giờ	
20	Công ty TNHH Beilevelight Electronics (Việt Nam)	KCN Sông Mỹ	02513682965	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXXIX	III	14	m ³ /giờ	
21	Công ty TNHH Ever Young	KCN Suối Trè	0908057001	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXXIX	III	66.740	m ³ /giờ	
22	Công ty TNHH Ao Zhi Polymers	KCN Nhơn Trạch 1	0978683905	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXXIX	III	33.000	m ³ /giờ	
23	Công ty TNHH TianPower Technology	KCN An Phước	02513894810	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXXIX	III	45.000	m ³ /giờ	
24	Công ty HH Cơ khí Động lực Toàn cầu (VHPIC)	KCN Giang Điền	02518966269	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXXIX	III	25.026	m ³ /giờ	
25	Công ty TNHH Olympus Việt Nam	KCN Long Thành, H. Long Thành	02513514555	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXXIX	III	900	m ³ /giờ	

Stt	Tên Công ty/Đơn vị	Xã/ Phường/ KCN	Số điện thoại	Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (theo Phụ lục II, ND 08/2022/ND-CP)	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Mức phát thải (theo Phụ lục XXIX)	Tổng lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Đơn vị	Đã lắp quan trắc tự động
26	Công Ty TNHH Nagae Việt Nam	KCN Long Đức	02513681178	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	12.000	m ³ /giờ	
27	Công ty TNHH Sản xuất Sunluxe	KCN Nhơn Trạch 3 - GD 1	0899565868	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử	Các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải không quy định trong Phụ lục XXIX	III	1.798	m ³ /giờ	
TỔNG SỐ CƠ SỞ		98							

Ghi chú:

Mức độ phát thải được chia theo cột số (5), (6) của Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/ND-CP ngày 10/01/2022, cụ thể:

- Mức phát thải I (theo cột số (5) Phụ lục XXIX): $\geq 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$; lò đốt CTNH $\geq 2 \text{ tấn/h}$; lò đốt CTRSH, CTRCNTT $\geq 5 \text{ tấn/h}$; nhiệt điện công suất $\geq 50 \text{ MW}$
- Mức phát thải II (theo cột số (6) Phụ lục XXIX): Từ 50.000 đến 100.000 m³/h; lò đốt CTNH từ 0,5 - 2 tấn/h; lò đốt CTRSH, CTRCNTT từ 3 - 5 tấn/h; nhiệt điện công suất $< 50 \text{ MW}$
- Các Mức phát thải thấp hơn cột số (6) và lượng khí thải phát sinh từ các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải khác không quy định trong Phụ lục XXIX được phân loại thành Mức III.

(**) Tính cho tổng lưu lượng, công suất của các công trình, thiết bị cùng loại

Lưu ý: Một cơ sở có thể có nhiều công trình, thiết bị xả bụi, khí thải thuộc danh mục khác nhau theo Phụ Lục XXIX, Nghị định số 08/2022/ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.